

MỤC LỤC

Phần I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH	1
I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ	1
1. Căn cứ chính trị.....	1
2. Căn cứ pháp lý.....	3
II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH	3
Phần II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH	8
I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP, SÁP NHẬP	8
1. Thành phố Hải Phòng.....	8
2. Tỉnh Hải Dương.....	12
II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP	18
1. Thành phố Hải Phòng.....	18
2. Tỉnh Hải Dương.....	25
III. THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TẠI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG VÀ TỈNH HẢI DƯƠNG	31
1. Về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.....	31
2. Cấp huyện:.....	42
3. Cấp xã:.....	48
4. Tổng biên chế công chức hành chính, số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.....	48
Phần III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH	51
I. PHƯƠNG ÁN VÀ KẾT QUẢ SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH	51
1. Phương án.....	51
2. Kết quả.....	55
II. GIẢI TRÌNH TRƯỞNG HỢP ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN ĐIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH:	56
Phần IV. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	57
I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH	57
1. Tác động tích cực.....	57
2. Tác động tiêu cực.....	58
II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH	60
1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC.....	60
2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC.....	67
III. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH	70

1. Hiện trạng	70
2. Phương án và lộ trình sắp xếp	71
IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP	72
1. Đối với các chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng theo Nghị quyết của Quốc hội.....	73
2. Đối với chính sách đặc thù do HĐND cấp tỉnh của từng địa phương ban hành theo thẩm quyền	73
V. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH	74
1. Đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng.....	74
2. Đề nghị Ban Tổ chức Thành ủy	74
3. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy	75
4. Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.....	75
5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thành phố	75
6. Sở Nội vụ.....	76
7. Sở Tài chính	76
8. Sở Tư pháp	76
9. Sở Xây dựng.....	77
10. Sở Nông nghiệp và Môi trường.....	77
11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	77
12. Sở Y tế.....	77
13. Sở Giáo dục và Đào tạo.....	77
14. Sở Khoa học và Công nghệ	77
15. Công an thành phố.....	78
16. Bộ Chỉ huy quân sự thành phố	78
17. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng thành phố.....	78
18. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	78
VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	79
1. Kết luận	79
2. Kiến nghị, đề xuất	79

ĐỀ ÁN
HỢP NHẤT TỈNH HẢI DƯƠNG VÀ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025); Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính (ĐVHC) các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, sau khi phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hải Phòng trình Chính phủ Đề án hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng như sau:

Phần I.

CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Căn cứ chính trị

- Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: *“Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã và nghiên cứu triển khai thực hiện ở cấp tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể ĐVHC các cấp”*.

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII đã xác định: *“Từ năm 2021 đến năm 2030, cơ bản hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các ĐVHC cấp huyện, cấp xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định”*.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã xác định: *“Tiếp tục sắp xếp các ĐVHC cấp*

huyện, cấp xã; nghiên cứu thi điểm sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể các ĐVHC của quốc gia và từng địa phương”.

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đã đề ra mục tiêu: “Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt tối thiểu 45%, đến năm 2030 đạt trên 50%” và “Nghiên cứu, sắp xếp, sáp nhập, thành lập mới ĐVHC đô thị bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, phù hợp với quy hoạch và yêu cầu phát triển”.

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025), trong đó “Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII thống nhất với Phương án hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng, lấy tên là thành phố Hải Phòng, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại thành phố Hải Phòng hiện nay”.

- Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 đã chỉ đạo: “Nghiên cứu định hướng tiếp tục sắp xếp bỏ cấp hành chính trung gian (cấp huyện); xây dựng phương án tiếp tục sắp xếp cấp xã phù hợp với mô hình tổ chức mới, đề xuất tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cấp xã, định hướng sáp nhập một số ĐVHC cấp tỉnh; đề xuất chủ trương sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật, quy định của Đảng có liên quan, báo cáo Bộ Chính trị”.

- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị “Giao Đảng ủy Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương và các cơ quan liên quan chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng đề án, tờ trình Bộ Chính trị về sáp nhập một số ĐVHC cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập ĐVHC cấp xã”.

- Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp, theo đó định hướng “Tỉnh Hải Dương sáp nhập với thành phố Hải Phòng, lấy tên là thành phố Hải Phòng, trung tâm hành chính đặt tại Hải Phòng”.

- Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp, theo đó “Giao Ban Thường vụ các Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương nơi được dự kiến xác định là trung tâm hành chính - chính trị của ĐVHC mới sau sắp xếp chủ trì, phối hợp với UBND các tỉnh cùng sắp xếp xây dựng Đề án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh để trình Chính phủ trước ngày 01/5/2025”.

- Công văn số 079/BNV-CQĐP ngày 30/3/2025 của Bộ Nội vụ về việc chuẩn bị xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh và cấp xã, theo đó có nội dung “Đối với

sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh thì UBND tỉnh, thành phố (nơi được dự kiến xác định là trung tâm hành chính - chính trị của ĐVHC mới sau sắp xếp tại Kết luận số 130-KL/TW chủ trì, phối hợp với UBND các tỉnh cùng sắp xếp xây dựng Đề án (nhiệm vụ được giao tại khoản 9 Kết luận số 137-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư)".

2. Căn cứ pháp lý

- Hiến pháp năm 2013.
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.
- Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.
- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022).
- Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
- Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
- Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
- Hướng dẫn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo về định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện sắp xếp ĐVHC.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Một trong những đặc trưng của nhà nước là phân chia quốc gia thành các ĐVHC lãnh thổ. Sự phân chia ĐVHC lãnh thổ ở các quốc gia đều dựa trên những tiêu chí, những đặc trưng nhất định về địa lý tự nhiên, các điều kiện kinh tế - xã hội, yếu tố dân cư, lịch sử, văn hóa. Trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCHN), xây dựng nhà nước pháp quyền XHCHN Việt Nam và hội nhập quốc tế sâu rộng cần thiết phải mở rộng và đảm bảo tính thống nhất về không gian địa lý, sự liên thông các nguồn lực, bố trí và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực phát triển của đất nước. Việc xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả với sự tham gia của nhiều chủ thể dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đã và đang làm thay đổi vai trò quản lý của các cấp chính quyền địa phương. Hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin ngày càng phát triển, tạo khả năng kết nối hiệu quả giữa chính quyền và người dân, cộng đồng doanh nghiệp, khoảng cách không gian giữa chính quyền

và người dân, doanh nghiệp không còn nhiều ý nghĩa về địa lý và ranh giới địa giới giữa các ĐVHC. Vì vậy, tổ chức hợp lý, hướng đến ổn định lâu dài của ĐVHC các cấp có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương, phát huy được những tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương, vùng nói riêng và của cả nước nói chung.

2. Chính quyền địa phương nước ta có quá trình hình thành, phát triển gắn với quá trình tổ chức ĐVHC 03 cấp (tỉnh, huyện, xã) ổn định xuyên suốt trong thời gian dài. Đặc biệt, trong bối cảnh đất nước bắt đầu công cuộc đổi mới (năm 1986) và hội nhập quốc tế, tình hình chính trị trong nước và quốc tế có nhiều biến động, điều kiện kinh tế xã hội còn gặp nhiều khó khăn, hạ tầng kỹ thuật còn thiếu thốn thì việc tổ chức chính quyền địa phương theo 03 cấp ĐVHC và xu hướng chia tách ĐVHC để thuận lợi cho công tác quản lý dân cư, quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn từng ĐVHC, tạo điều kiện cho vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa được ưu tiên bố trí nguồn lực cho phát triển, đồng thời bảo đảm khả năng kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên đối với cơ quan nhà nước cấp dưới.

3. Tuy nhiên, việc chia nhỏ ĐVHC và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 03 cấp đã phát sinh nhiều bất cập, làm phân tán các nguồn lực, không phát huy được hết lợi thế, tiềm năng phát triển của các địa phương; làm tăng số lượng ĐVHC các cấp, theo đó tăng số lượng các cơ quan, tổ chức của đảng, đoàn thể, chính quyền, tăng số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị ở địa phương, dẫn đến tổ chức bộ máy chính quyền địa phương nói riêng, hệ thống chính trị các cấp nói chung chồng chéo, tầng nấc, lãng phí ngân sách nhà nước và nguồn lực cho đầu tư phát triển. Nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương có sự chồng lấn, trùng lặp giữa cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã (có nhiệm vụ 03 cấp đều thực hiện, có nhiệm vụ cấp tỉnh và cấp huyện; cấp huyện và cấp xã cùng thực hiện). Chính quyền địa phương ở cấp huyện chủ yếu giữ vai trò trung gian trong thực thi chính sách, pháp luật và các văn bản hướng dẫn thực hiện từ cấp tỉnh xuống cấp xã.

4. Trong bối cảnh bộ máy nhà nước đang đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số thì nhiều hoạt động hành chính truyền thống đã được số hóa và triển khai thực hiện trên môi trường mạng. Chuyển đổi số gắn với chuyển đổi quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giúp giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào ranh giới địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và bảo đảm hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. Đồng thời, việc tái cấu trúc quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính giúp đơn giản hóa trình tự, thủ tục thực hiện công việc của cán bộ, công chức, viên chức, góp phần tăng năng suất và hiệu quả công việc. Nhiều công việc quản lý trung gian được thay thế bằng hệ thống phần mềm điện tử, giúp tổ chức vận hành hiệu quả hơn mà không cần nhiều tổ chức hành chính và biên chế.

5. Ở từng thời kỳ, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, nghị quyết, kết luận về việc xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế, thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp huyện, cấp xã nhằm giảm số lượng ĐVHC hiện nay. Trong giai đoạn từ năm 2019 đến nay, thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương đã tập trung triển khai thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn, theo đó trong giai đoạn 2019-2021 và giai đoạn 2023-2025, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương và sự đồng tình ủng hộ của Nhân dân, thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương đã thực hiện sắp xếp 245 ĐVHC cấp xã¹.

Sau khi sắp xếp, bộ máy chính quyền cấp huyện, cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương tinh gọn hơn; đồng thời đã lựa chọn, bố trí lại đội ngũ cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã với trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu mới; việc sử dụng trụ sở các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan cũng được bố trí hợp lý hơn; người dân, tổ chức thực hiện việc chuyển đổi giấy tờ liên quan được tạo điều kiện thuận lợi và không phải đóng bất cứ loại phí, lệ phí nào khi thực hiện chuyển đổi giấy tờ theo đúng chỉ đạo của Trung ương. Việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương trong thời gian qua đã cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ mà Trung ương đã đặt ra.

Đối với việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh: Tại Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao Đảng ủy Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Đảng ủy Quốc hội, các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan nghiên cứu định hướng tiếp tục sắp xếp bộ cấp hành chính trung gian (cấp huyện); xây dựng phương án tiếp tục sắp xếp cấp xã phù hợp với mô hình tổ chức mới, đề xuất tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cấp xã; ***định hướng sáp nhập một số ĐVHC cấp tỉnh***; đề xuất chủ trương sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật, quy định của Đảng có liên quan, báo cáo Bộ Chính trị;

¹ Giai đoạn 2019-2021, thành phố Hải Phòng sắp xếp 12 ĐVHC cấp xã thành 06 ĐVHC cấp xã, giảm 06 xã, phường và tỉnh Hải Dương sắp xếp 55 ĐVHC cấp xã thành 25 ĐVHC cấp xã, giảm 30 xã, phường, thị trấn; Giai đoạn 2023-2025, thành phố Hải Phòng sắp xếp 101 ĐVHC cấp xã thành 51 ĐVHC cấp xã, giảm 50 xã, phường, thị trấn, đồng thời thực hiện việc thành lập quận An Dương trên cơ sở huyện An Dương, thành phố Thủy Nguyên trên cơ sở huyện Thủy Nguyên, mở rộng quận Hồng Bàng và tỉnh Hải Dương sắp xếp 57 ĐVHC cấp xã thành 29 ĐVHC cấp xã, giảm 28 xã, phường, thị trấn.

Tại Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiếp tục giao Đảng ủy Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương và các cơ quan liên quan chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng đề án, tờ trình Bộ Chính trị ***về sáp nhập một số ĐVHC cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập ĐVHC cấp xã, trong đó đối với cấp tỉnh: Ngoài căn cứ về quy mô dân số, diện tích, cần nghiên cứu kỹ quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch địa phương, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, mở rộng không gian phát triển, phát huy lợi thế so sánh, đáp ứng yêu cầu phát triển đối với từng địa phương và yêu cầu, định hướng phát triển của giai đoạn mới... làm cơ sở, căn cứ khoa học trong sắp xếp.***

Tại Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình chính quyền tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đã định hướng sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh và Công văn số 079/BNV-CQĐP ngày 30/3/2025 của Bộ Nội vụ, theo đó định hướng ***“Tỉnh Hải Dương sáp nhập với thành phố Hải Phòng lấy tên là thành phố Hải Phòng, trung tâm hành chính đặt tại Hải Phòng”***; đồng thời dự kiến ***“Giao cho địa phương dự kiến xác định là trung tâm hành chính - chính trị của ĐVHC mới xây dựng Đề án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh để trình Chính phủ trước ngày 01/5/2025 (thành phố Hải Phòng)”***.

Tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã thống nhất ***“Hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng, lấy tên là thành phố Hải Phòng, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại thành phố Hải Phòng hiện nay”***.

Từ các căn cứ nêu trên, việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh trong giai đoạn hiện nay là cần thiết nhằm cụ thể hóa các chỉ đạo, định hướng của Trung ương về sắp xếp, tổ chức lại các ĐVHC các cấp, nhằm tạo điều kiện tập trung được các nguồn lực về đất đai, dân số, mở rộng không gian để quy hoạch, tập trung mở rộng sản xuất, phát huy hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi được tập trung hơn, tránh việc đầu tư xây dựng dàn trải, nhất là đối với sự nghiệp giáo dục, y tế. Đồng thời, góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, tinh giản biên chế; tiết kiệm chi cho ngân sách, góp phần vào cải cách chính sách tiền lương, nâng cao đời sống cho cán bộ, công chức và nâng cao chất lượng, trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh nhằm tổ chức hợp lý ĐVHC, phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển; đảm bảo hoàn thiện thể chế về ĐVHC, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao đời sống Nhân

dân; đảm bảo quốc phòng; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội và đảm bảo theo tinh thần chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Phần II.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP, HỢP NHẤT

1. Thành phố Hải Phòng

1.1. Lịch sử hình thành

Hải Phòng được biết đến là trung tâm công nghiệp, cảng biển, đồng thời cũng là thành phố Cảng quan trọng, trung tâm kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, khoa học, thương mại và công nghệ của vùng duyên hải Bắc Bộ; là một trong hai trung tâm phát triển của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Là nơi chiếm giữ vị trí chiến lược quan trọng, địa thế hiểm trở, là cửa ngõ vào Đại La - Thăng Long, trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, các vương triều Việt Nam đã có những chiến thắng vẻ vang chống lại sự xâm lược của các đế chế phương Bắc trên vùng đất Hải Phòng, như chiến thắng trên sông Bạch Đằng năm 938 của Ngô Quyền; trận Bạch Đằng năm 981 của Lê Hoàn và trận Bạch Đằng năm 1288 của Trần Hưng Đạo,... Đến năm 1527, vương triều Mạc ra đời, đã chọn vùng cửa sông Văn Úc tạo lập Dương Kinh, biến vùng đất Hải Phòng thành bàn đạp triển khai các chiến lược xây dựng và bảo vệ đất nước theo tầm nhìn mới hướng ra đại dương.

Năm 1888, với Nghị định thành lập Hội đồng thành phố Hải Phòng của Toàn quyền Đông Dương, Hải Phòng chính thức trở thành thành phố Cảng và là một trong ba đô thị đứng đầu toàn Đông Dương. Hải Phòng nhanh chóng trở thành trung tâm kinh tế, xã hội, chính trị và văn hóa lớn của cả nước, cái nôi của giai cấp công nhân, phong trào công nhân, với sự gắn kết chặt chẽ giữa phong trào công nhân với phong trào yêu nước, hình thành các tổ chức tiền thân của Đảng và cũng là nơi chứng kiến sự ra đời của một trong số ít đảng bộ đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hải Phòng ngay sau Hội nghị thành lập Đảng (tháng 4/1930).

Trong cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc những năm 1930 - 1945, Hải Phòng luôn là một trung tâm mạnh của các phong trào yêu nước và cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Ngày 23/8/1945, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở Hải Phòng; ngày 24/8/1945 giành thắng lợi ở tỉnh lỵ Kiến An, là cột mốc lớn đánh dấu cuộc Cách mạng Tháng Tám vĩ đại đã thành công trọn vẹn ở vùng đất duyên hải Bắc Bộ.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975), vùng đất và con người Hải Phòng đã có những đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh chung của dân tộc; tích cực vừa đấu tranh chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, ra

sức chi viện sức người, sức của cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Bước vào công cuộc đổi mới, Hải Phòng tập trung đầu tư xây dựng thành phố Cảng hiện đại, có công nghiệp, nông nghiệp, văn hóa phát triển. Cảng Hải Phòng được xây dựng thành trung tâm của cụm cảng phía Bắc, cửa ngõ chính ra biển của miền Bắc cũng như của cả nước. Thành phố Hải Phòng giữ vai trò là “thành phố mới” về kinh tế, dẫn đầu về nhịp độ tăng trưởng của toàn vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

1.2 Khái quát quá trình thành lập, điều chỉnh địa giới ĐVHC các cấp và sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của thành phố Hải Phòng từ năm 1945 đến nay

a) Giai đoạn 1945 - 1975

- Từ năm 1945, sau khi chính quyền tay sai dưới chế độ thực dân rồi phát xít ở Hải Phòng, tỉnh Kiến An đã bị lực lượng cách mạng lật đổ, chính quyền cách mạng được thiết lập. Năm 1946, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ ở Hải Phòng; thành phố Hải Phòng và tỉnh Kiến An sáp nhập thành liên tỉnh Hải Kiến. Đến tháng 12/1948 lại tách ra thành thành phố Hải Phòng và tỉnh Kiến An. Ngày 13/5/1955, Hải Phòng được giải phóng hoàn toàn, chính quyền Nhân dân tiếp quản thành phố từ tay quân đội Pháp; cùng năm 1955, huyện Hải An của tỉnh Kiến An sáp nhập vào thành phố Hải Phòng.

- Năm 1956, thị xã Cát Bà và huyện Cát Hải của khu Hồng Quảng sáp nhập vào thành phố Hải Phòng.

- Năm 1957, chuyển thị xã Cát Bà thành huyện Cát Bà.

- Năm 1961, khu vực nội thành được chia thành 03 khu phố mới là: Hồng Bàng, Ngô Quyền và Lê Chân.

- Năm 1962, tỉnh Kiến An và thành phố Hải Phòng được hợp nhất thành một ĐVHC mới lấy tên là thành phố Hải Phòng với 13 ĐVHC cấp huyện, gồm: 03 khu phố (Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền); 01 thị xã (Kiến An) và 09 huyện: An Dương, An Lão, Cát Bà, Cát Hải, Hải An, Kiến Thụy, Thủy Nguyên, Tiên Lãng và Vĩnh Bảo².

- Năm 1963, chia huyện Kiến Thụy thành 02 ĐVHC mới lấy tên là huyện Kiến Thụy và thị xã Đồ Sơn. Thị xã Đồ Sơn bao gồm khu vực Đồ Sơn và 02 xã Vạn Sơn, Ngọc Hải³.

- Năm 1966, hợp nhất huyện Hải An và huyện An Dương thành một huyện lấy tên là huyện An Hải; chuyển xã Bàng La của huyện Kiến Thụy về thị xã Đồ Sơn quản lý⁴.

² Nghị quyết của Quốc hội khóa II ngày 27/12/1962;

³ Quyết định số 27-CP năm 1963 của Hội đồng Chính phủ;

⁴ Quyết định số 67-CP năm 1966 của Hội đồng Chính phủ;

- Năm 1969, hợp nhất huyện An Lão và huyện Kiến Thụy thành một huyện lấy tên là huyện An Thụy.

b) Giai đoạn 1975 - 1997

- Năm 1977, hợp nhất huyện Cát Bà và huyện Cát Hải thành một huyện lấy tên là huyện Cát Hải⁵.

- Năm 1979, thành lập và điều chỉnh địa giới một số xã, thị trấn thuộc các huyện An Hải⁶ và Cát Hải⁷; thành lập thị trấn Quán Toan thuộc huyện An Hải; giải thể xã Cao Minh (huyện Cát Hải) và sáp nhập vào xã Hòa Quang, thị trấn Cát Bà.

- Năm 1980, hợp nhất thị xã Đồ Sơn và 21 xã của huyện An Thụy thành huyện Đồ Sơn; đổi tên tiểu khu Bàng La thành xã Bàng La và thành lập thị trấn Đồ Sơn trên cơ sở nội thị thị xã Đồ Sơn. Hợp nhất thị xã Kiến An và 16 xã còn lại của huyện An Thụy thành huyện Kiến An⁸; thành lập thị trấn Kiến An trên cơ sở nội thị thị xã Kiến An.

- Năm 1981, đổi “*khu phố*” thành “*quận*”; cùng năm 1981, chia tách và điều chỉnh địa giới một số xã, phường⁹ thuộc các huyện: An Hải, Tiên Lãng và các quận: Ngô Quyền, Hồng Bàng¹⁰, Lê Chân¹¹.

- Năm 1983, thành lập một số xã thuộc huyện Thủy Nguyên¹².

- Năm 1986, thành lập một số xã, thị trấn thuộc các huyện Thủy Nguyên, Vĩnh Bảo, Tiên Lãng¹³.

- Năm 1987, thành lập một số xã, phường, thị trấn thuộc các huyện An Hải, Kiến Thụy, Tiên Lãng¹⁴ và quận Ngô Quyền¹⁵.

⁵ Quyết định số 57-CP năm 1977 của Hội đồng Chính phủ;

⁶ Quyết định số 19-CP năm 1979 của Hội đồng Chính phủ;

⁷ Quyết định số 110-CP năm 1979 của Hội đồng Chính phủ;

⁸ Quyết định số 72-CP năm 1980 của Chính phủ;

⁹ Sáp nhập một phần xã Hùng Vương (huyện An Hải) vào phường Sở Dầu (quận Hồng Bàng). Sáp nhập một phần xã Đông Hải (huyện An Hải) vào phường Vạn Mỹ (quận Ngô Quyền). Giải thể xã Chấn Hưng (huyện Tiên Lãng); thành lập xã Bắc Hưng và xã Nam Hưng (huyện Tiên Lãng) trên cơ sở toàn bộ xã Chấn Hưng. Thành lập phường Trần Nguyên Hãn (quận Lê Chân) trên cơ sở một phần phường An Dương và phường Lam Sơn (quận Lê Chân);

¹⁰ Quyết định số 186-CP năm 1981 của Hội đồng Chính phủ;

¹¹ Quyết định số 89-HĐBT năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng;

¹² Quyết định số 78-HĐBT năm 1983 của Hội đồng Bộ trưởng thành lập xã Gia Minh; thành lập xã Gia Đức;

¹³ Quyết định số 23-HĐBT năm 1986 của Hội đồng Bộ trưởng: thành lập thị trấn Núi Đèo (huyện Thủy Nguyên) trên cơ sở một phần xã Thủy Sơn và xã Thủy Đường; thành lập thị trấn Minh Đức (huyện Thủy Nguyên) trên cơ sở toàn bộ xã Minh Đức; thành lập thị trấn Vĩnh Bảo (huyện Vĩnh Bảo) trên cơ sở một phần xã Tân Hưng và xã Nhân Hòa; thành lập xã Đông Hưng và Tây Hưng (huyện Tiên Lãng).

¹⁴ Quyết định số 33C-HĐBT năm 1987 của Hội đồng Bộ trưởng: thành lập thị trấn An Dương (huyện An Hải) trên cơ sở một phần xã Lê Lợi, xã Đồng Tâm, xã Đồng Thái và xã Nam Sơn; thành lập xã An Đông trên cơ sở toàn bộ xã Đồng Tâm và xã Đồng Tiến; thành lập thị trấn Núi Đồi (huyện Kiến Thụy) trên cơ sở một phần xã Minh Tân và xã Thanh Sơn và thành lập thị trấn Tiên Lãng (huyện Tiên Lãng) trên cơ sở toàn bộ xã Minh Đức.

¹⁵ Quyết định 38-HĐBT năm 1987 của Hội đồng Bộ trưởng: sáp nhập một phần huyện An Hải (toàn bộ xã Đằng Giang và xã Đông Khê) vào quận Ngô Quyền; thành lập phường Đằng Giang (quận Ngô Quyền) trên cơ sở toàn bộ xã Đằng Giang và một phần phường Lạch Tray; thành lập phường Đông Khê (quận Ngô Quyền) trên cơ sở toàn bộ xã Đông Khê và một phần phường Lạch Tray.

- Năm 1988, thành lập một số xã, thị trấn thuộc các huyện Cát Hải và Đồ Sơn¹⁶; chia huyện Đồ Sơn thành thị xã Đồ Sơn và huyện Kiến Thụy; chia huyện Kiến An thành thị xã Kiến An và huyện An Lão¹⁷.

- Năm 1992, thành lập huyện đảo Bạch Long Vĩ trên cơ sở đảo Bạch Long Vĩ¹⁸.

- Năm 1993, điều chỉnh và thành lập một số xã, thị trấn thuộc các huyện An Hải, An Lão, Tiên Lãng, thị xã Kiến An và quận Hồng Bàng¹⁹.

- Năm 1994, thành lập quận Kiến An²⁰.

c) Giai đoạn 1997 - 2018

- Năm 2002, thành lập quận Hải An; điều chỉnh địa giới huyện An Hải và quận Lê Chân; đổi tên huyện An Hải thành huyện An Dương²¹.

- Năm 2004, thành lập một số xã, phường thuộc quận Lê Chân và các huyện: Thủy Nguyên, Kiến Thụy²².

- Năm 2007, thành lập một số phường, thị trấn thuộc các quận: Hải An, Lê Chân, Kiến An và huyện An Lão²³; thành lập quận Dương Kinh và Đồ Sơn²⁴.

d) Giai đoạn từ 2019 - 2024

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14 ngày 12/3/2019 về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021 và Nghị quyết số 872/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 về việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng; theo đó, thành phố đã thực hiện sắp xếp 12 ĐVHC cấp xã để thành lập 06 ĐVHC cấp xã mới giai đoạn 2019 - 2021.

¹⁶ Quyết định số 70-HĐBT năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng: giải thể 02 xã Hòa Quang và Gia Lộc để thành lập thị trấn Cát Hải (huyện Cát Hải). Thành lập 02 xã Tân Thành, Hải Thành (huyện Đồ Sơn).

¹⁷ Quyết định số 100-HĐBT năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng: thành lập thị xã Đồ Sơn trên cơ sở thị trấn Đồ Sơn và xã Bằng La; đổi tên huyện Đồ Sơn thành huyện Kiến Thụy. Thành lập thị xã Kiến An trên cơ sở thị trấn Kiến An và 03 xã Bắc Hòa, Đông Hòa, Nam Hòa; đổi tên huyện Kiến An thành huyện An Lão.

¹⁸ Nghị định số 15-CP năm 1992 của Chính phủ về thành lập huyện đảo Bạch Long Vĩ thuộc thành phố Hải Phòng.

¹⁹ Nghị định 84-CP năm 1993 của Chính phủ: sáp nhập một phần huyện An Hải (toàn bộ thị trấn Quán Toan và xã Hùng Vương) vào quận Hồng Bàng; thành lập phường Hùng Vương (quận Hồng Bàng) trên cơ sở xã Hùng Vương và thành lập phường Quán Toan (quận Hồng Bàng) trên cơ sở thị trấn Quán Toan. Thành lập phường Quán Trữ (thị xã Kiến An) trên cơ sở phường Lê Quốc Uy và phường Cận Sơn; thành lập thị trấn An Lão (An Lão) trên cơ sở một phần các xã An Tiến, An Thắng và Quốc Tuấn. Thành lập xã Tiên Hưng (huyện Tiên Lãng).

²⁰ Nghị định số 100-CP năm 1994 của Chính phủ: thành lập quận Kiến An trên cơ sở toàn bộ thị xã Kiến An.

²¹ Nghị định 106/2002/NĐ-CP của Chính phủ: thành lập quận Hải An trên cơ sở một phần huyện An Hải (toàn bộ 05 xã: Đằng Lâm, Đằng Hải, Đông Hải, Nam Hải, Tràng Cát) và phường Cát Bi (quận Ngô Quyền). Sáp nhập một phần huyện An Hải (toàn bộ xã Dư Hàng Kênh và Vĩnh Niệm) vào quận Lê Chân; thành lập các phường thuộc quận Lê Chân: phường Dư Hàng Kênh, phường Vĩnh Niệm và đổi tên huyện An Hải thành huyện An Dương.

²² Nghị định số 18/2004/NĐ-CP của Chính phủ: thành lập phường Nghĩa Xá (Lê Chân) trên cơ sở một phần phường Niệm Nghĩa; sáp nhập 02 phường Mễ Linh và An Biên thành Phường An Biên (Lê Chân); thành lập xã Lưu Kỳ (Thủy Nguyên) trên cơ sở một phần xã Lưu Kiếm; thành lập xã Du Lễ (Kiến Thụy) trên cơ sở một phần xã Kiến Quốc.

²³ Nghị định số 54/2007/NĐ-CP của Chính phủ: Thành lập phường Đông Hải 1 và Đông Hải 2 (Hải An) trên cơ sở toàn bộ phường Đông Hải; thành lập phường Thành Tô (Hải An) trên cơ sở một phần phường Đằng Lâm và phường Cát Bi. Thành lập phường Kênh Dương (Lê Chân) trên cơ sở một phần phường Dư Hàng Kênh. Thành lập phường Lãm Hà (Kiến An) trên cơ sở một phần phường Quán Trữ. Thành lập thị trấn Trường Sơn (An Lão) trên cơ sở toàn bộ xã Trường Sơn.

²⁴ Nghị định số 145/2007/NĐ-CP của Chính phủ: Thành lập quận Dương Kinh trên cơ sở điều chỉnh của huyện Kiến Thụy (toàn bộ 06 xã: Anh Dũng, Đa Phúc, Hưng Đạo, Hải Thành, Tân Thành, Hòa Nghĩa). Thành lập quận Đồ Sơn trên cơ sở toàn bộ thị xã Đồ Sơn và một phần huyện Kiến Thụy (toàn bộ xã Hợp Đức).

- Từ ngày 01/01/2020, thành phố Hải Phòng có 15 ĐVHC cấp huyện, gồm 07 quận và 08 huyện; 217 ĐVHC cấp xã (gồm 141 xã, 66 phường và 10 thị trấn).

d) Giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến nay

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1232/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của thành phố Hải Phòng giai đoạn 2023-2025 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025); theo đó, thành phố Hải Phòng thực hiện sắp xếp 101 ĐVHC cấp xã để thành lập 51 ĐVHC cấp xã mới.

- Từ ngày 01/01/2025, thành phố Hải Phòng có **15** ĐVHC cấp huyện, gồm **01** thành phố (thành phố Thủy Nguyên), **08** quận (Hồng Bàng, Ngô Quyền, Lê Chân, Hải An, Kiến An, Dương Kinh, Đồ Sơn, An Dương), **06** huyện (An Lão, Kiến Thụy, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo và 02 huyện đảo là Cát Hải, Bạch Long Vĩ) và **167** ĐVHC cấp xã (gồm 81 xã, 79 phường và 07 thị trấn).

2. Tỉnh Hải Dương

2.1. Lịch sử hình thành

Hải Dương thuộc vùng đất cổ ở đồng bằng Sông Hồng. Đây là vùng đất tiếp giáp từ kinh đô Thăng Long/Hà Nội, kéo dài tới bờ biển Đông; là vùng đất có lịch sử lâu đời, giàu truyền thống văn hóa và cách mạng - một trong những cái nôi của nền văn minh sông Hồng. Trải qua hành trình dựng nước và giữ nước, cộng đồng cư dân nơi đây đã chung sức, đồng lòng để chinh phục tự nhiên, tổ chức xã hội, lao động sản xuất và đấu tranh bảo vệ quê hương, đất nước, góp phần xứng đáng viết nên những trang sử hào hùng của dân tộc.

Vùng đất Hải Dương trong buổi đầu dựng nước (Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc) được Nguyễn Trãi chép trong *Dư địa chí* như sau: “Hải Dương tức bộ Dương Tuyền ngày xưa, đông và tây giáp Kinh Bắc và Yên Quảng, bắc và nam giáp Thái Nguyên và Sơn Nam. Ấy là trấn thứ nhất trong bốn kinh trấn và là đứng đầu phen đầu phía đông”²⁵. Theo sách *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú, cho biết: Hải Dương “đời Tần thuộc quận Nam Hải, đời Hán thuộc quận Giao Chỉ, nhà Đường đặt làm trấn Hải Môn, gọi là châu Hồng (Hồng châu). Ba triều Đinh, Lê, Lý vẫn theo như thế”²⁶; lý sở đặt tại Thành Dền (nay là xã Ngọc Sơn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương). Thời Lý (1010 - 1225), Hải Dương thuộc châu Hồng (Hồng lộ); thời Trần (1225 - 1400) thuộc lộ Hải Đông. Từ cuối thời thuộc Minh (1407 - 1427) đến đầu thời Lê Sơ, Hải Dương thuộc Đông Đạo. Năm Quang Thuận thứ 7 (1466) cả nước thành 12 thừa tuyên, lúc này vùng đất Hải Dương gọi là thừa tuyên Nam Sách. Năm Quang Thuận thứ 10 (1469), thừa tuyên Nam Sách đổi làm thừa tuyên Hải Dương, rồi về sau này là xứ Hải Dương (xứ Đông)/ trấn Hải Dương; lý sở đặt tại Dinh Vạn, xã Mặc Động, huyện Chí Linh (phường Tân Dân, thành phố Chí Linh hiện nay); sau dời về Dinh Dậu (Cẩm Giàng), đến đầu thời Nguyễn chuyển về Thành Đông (thành phố Hải Dương hiện nay). Như vậy, địa danh Hải Dương chính thức xuất hiện vào năm Kỷ Sửu (1469) và tồn tại cho đến ngày nay.

²⁵ Nguyễn Trãi: *Tôan tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr.218.

²⁶ Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2008, t.1. tr.139.

Với hàng nghìn năm lịch sử, vùng đất Hải Dương không chỉ gắn liền với những tên tuổi lớn trong lịch sử Việt Nam thời phong kiến như Khúc Thừa Dụ, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Chu Văn An, Mạc Đĩnh Chi, Tuệ Tĩnh... mà còn được biết đến với những nhà lãnh đạo cách mạng như Nguyễn Lương Bằng, Lê Thanh Nghị... Mặc dù bị thiên tai, chiến tranh tàn phá, nhưng Hải Dương vẫn giữ gìn, trùng tu và tôn tạo được hàng nghìn di tích lịch sử văn hóa, với tổng số 3.199 di tích các loại, trong đó có 04 di tích, khu, quần thể di tích được xếp hạng quốc gia đặc biệt, 142 di tích được xếp hạng quốc gia, 280 di tích xếp hạng cấp tỉnh. Đây chính là tài sản vô giá, niềm tự hào của người dân Hải Dương.

Hải Dương cũng nổi tiếng với nhiều sản phẩm làng nghề truyền thống như: gỏi Chu Đậu (Nam Sách), bánh đậu xanh (thành phố Hải Dương), bánh gai (Ninh Giang)..., đặc biệt là đặc sản vải thiều Thanh Hà.

Vùng đất Hải Dương cũng chính là nơi có nền văn hoá dân gian đặc sắc của vùng châu thổ sông Hồng với nhiều loại hình nghệ thuật hát ca trù, hát chèo, hát xẩm, hát văn, múa rối nước... và những lễ hội truyền thống. Những điều này đã góp phần hun đúc nên tâm hồn, trí tuệ và bản sắc con người Hải Dương, của vùng đất Hải Dương nổi danh với “Lò tiến sĩ xứ Đông” xưa kia.

Trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước, vùng đất Hải Dương luôn có vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngay từ xưa, Hải Dương đã được mệnh danh là “phên dậu” phía đông của kinh thành Thăng Long. Hải Dương cũng nổi tiếng với “Sầm đường 5”, “Ba sẵn sàng”, “cô du kích Lai Vu” và những đóng góp lớn về sức người, sức của trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của dân tộc.

Năm 1968, thực hiện Nghị quyết số 504-NQ/TVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội hai tỉnh Hải Dương và tỉnh Hưng Yên hợp nhất thành một tỉnh lấy tên là tỉnh Hải Hưng, sau gần 30 năm hoạt động đến cuối năm 1996 tại kỳ họp thứ 10, khóa IX Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã tái lập tỉnh Hải Hưng thành hai tỉnh Hải Dương và tỉnh Hưng Yên.

Từ tháng 1/1997, tỉnh Hải Dương chính thức được tái lập, mở ra thời kỳ mới cho Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh; với những kiêu hãnh, oai hùng những chiến công vang dội trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm cùng truyền thống ngàn năm văn hiến, tỉnh Hải Dương đã khẳng định vị thế trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. tỉnh Hải Dương đang nỗ lực không ngừng để vươn lên hoà nhịp cùng sự đổi mới của đất nước, phát huy truyền thống của một vùng đất giàu đẹp, văn hiến và anh hùng. Đến nay, tỉnh Hải Dương không những phát triển toàn diện mà còn có nhiều điểm sáng đột phá, là tỉnh tự cân đối thu ngân sách và góp phần cùng cả nước thực hiện đầy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ

6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị, tỉnh Hải Dương thực hiện sắp xếp, tăng quy mô ĐVHC cấp xã góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy Nhà nước. Theo đó giai đoạn năm 2019-2021 và giai đoạn năm 2023-2025 tỉnh Hải Dương đã thực hiện sắp xếp giảm 58 ĐVHC cấp xã trên cơ sở nhập xã với xã, nhập xã với thị trấn và nhập xã với phường thành ĐVHC mới với quy mô về diện tích, dân số lớn hơn gấp 3 lần của hiện tại đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước ở cơ sở trong tình hình mới; phù hợp với quy định góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước ban hành.

2.2. Khái quát quá trình thành lập, điều chỉnh địa giới ĐVHC các cấp và sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Hải Dương từ năm 1945 đến nay

a) Giai đoạn 1945 - 1975

Tỉnh Hải Dương khi thành lập vào năm 1831 bao gồm: Phủ Thượng Hồng có các huyện: Đường Hào, Dương Yên, Cẩm Giàng, Thanh Miện, Tứ Kỳ, Vĩnh Bảo; Phủ Nam Sách có các huyện: Nam Sách, Chí Linh, Thanh Hà, Tiên Lãng; Phủ Kinh Môn có các huyện: Giáp Sơn, Đông Triều, Thuỷ Đường, An Lão, Nghi Dương, Kim Thành, An Dương. Năm 1887, huyện An Dương, An Lão và một phần đất của huyện Thuỷ Đường được tách ra, thành lập tỉnh Hải Phòng. Năm 1889, cắt toàn bộ huyện Thuỷ Đường và năm 1893 cắt tiếp huyện Tiên Lãng cùng một phần đất huyện Kim Thành, Kinh Môn về Hải Phòng.

Năm 1947, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, để tiện cho việc chỉ đạo, chỉ huy tác chiến, các huyện Đông Triều, Chí Linh, Nam Sách, Kinh Môn chuyển về tỉnh Quảng Yên. Đầu năm 1955, các huyện trên lại chuyển về tỉnh Hải Dương. Năm 1960, huyện Đông Triều được cắt hẳn về Hồng Quảng và huyện Vĩnh Bảo cũng cắt về tỉnh Kiến An. Từ năm 1960 trở đi, tỉnh Hải Dương có các huyện: Ninh Giang, Tứ Kỳ, Gia Lộc, Thanh Miện, Bình Giang, Cẩm Giàng, Nam Sách, Kinh Môn, Kim Thành, Thanh Hà, Chí Linh và thị xã Hải Dương.

Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết số 504-NQ/TVQH hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và tỉnh Hải Dương thành một tỉnh lấy tên là tỉnh Hải Hưng²⁷.

Như vậy, đến năm 1975, tỉnh Hải Hưng có 22 ĐVHC cấp huyện, gồm 02 thị xã: thị xã Hải Dương (tỉnh lỵ), thị xã Hưng Yên và 20 huyện: Ân Thi, Bình Giang, Cẩm Giàng, Chí Linh, Gia Lộc, Khoái Châu, Kim Động, Kim Thành, Kinh Môn, Mỹ Hào, Nam Sách, Ninh Giang, Phù Cừ, Thanh Hà, Thanh Miện, Tiên Lữ, Tứ Kỳ, Văn Giang, Văn Lâm, Yên Mỹ.

²⁷ Nghị quyết số 504-NQ/TVQH ngày 26/01/1968 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc phê chuẩn việc hợp nhất hai tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ thành một tỉnh lấy tên là tỉnh Vĩnh Phú và việc hợp nhất hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên thành một tỉnh lấy tên là tỉnh Hải Hưng.

b) Giai đoạn 1975 - 1997

Tháng 02/1977 hợp nhất huyện Bình Giang và huyện Cẩm Giàng lại thành huyện Cẩm Bình, hợp nhất Phù Cừ và Tiên Lữ thành huyện Phù Tiên, Văn Giang và Yên Mỹ thành huyện Văn Yên, Văn Lâm và Mỹ Hào thành huyện Mỹ Văn.

Tháng 4/1979 hợp nhất huyện Kim Thành và huyện Kinh Môn lại thành huyện Kim Môn; hợp nhất huyện Nam Sách và huyện Thanh Hà lại thành huyện Nam Thanh; hợp nhất huyện Tứ Kỳ và huyện Gia Lộc lại thành huyện Tứ Lộc; hợp nhất huyện Ninh Giang và huyện Thanh Miện lại thành huyện Ninh Thanh. hợp nhất 14 xã của huyện Văn Yên (gồm phần lớn huyện Yên Mỹ cũ) và huyện Văn Mỹ thành huyện Mỹ Văn; hợp nhất 14 xã còn lại của huyện Văn Yên (gồm phần lớn huyện Văn Giang cũ) và huyện Khoái Châu thành huyện Châu Giang; Kim Động và Ân Thi thành huyện Kim Thi.

Ngày 07/10/1995 thành lập thị trấn thuộc huyện Kim Môn và huyện Phù Tiên thuộc tỉnh Hải Hưng (thành lập thị trấn Phú Thái trên cơ sở 214,17 ha diện tích tự nhiên, 2.700 nhân khẩu của xã Phúc Thành A và 53,39 ha diện tích tự nhiên, 1.650 nhân khẩu của xã Kim Anh)²⁸.

Ngày 27/01/1996 chia huyện Kim Thi thành 2 huyện Kim Động và Ân Thi, chia huyện Ninh Thanh thành 2 huyện Ninh Giang và Thanh Miện, chia huyện Tứ Lộc thành 2 huyện Tứ Kỳ và Gia Lộc như trước khi sáp nhập²⁹.

Ngày 23/3/1996 thành lập thị trấn huyện lỵ các huyện Ân Thi, Thanh Miện tỉnh Hải Hưng (thành lập thị trấn Thanh Miện trên cơ sở xã Lê Bình)³⁰.

Ngày 28/10/1996 thành lập các phường mới thuộc thị xã Hải Dương tỉnh Hải Hưng (thành lập các phường Bình Hàn, Cẩm Thượng, Hải Tân, Ngọc Châu, Thanh Bình trên cơ sở các xã có tên tương ứng và tách một số khu dân cư của phường Trần Phú để thành lập phường Lê Thanh Nghị)³¹.

Ngày 28/10/1996 thành lập thị trấn An Lưu huyện Kim Môn (trên cơ sở xã An Lưu) và Nghị định số 17-CP ngày 23/3/1996 của Hội đồng Chính phủ về thành lập thị trấn huyện lỵ các huyện Ân Thi, Thanh Miện tỉnh Hải Hưng (thành lập thị trấn Thanh Miện trên cơ sở xã Lê Bình)³².

Đến cuối năm 1996 tỉnh Hải Hưng có 15 ĐVHC cấp huyện bao gồm thị xã Hải Dương (tỉnh lỵ), thị xã Hưng Yên và 13 huyện: Ân Thi, Cẩm Bình, Châu Giang, Chí Linh, Gia Lộc, Kim Động, Kim Môn, Mỹ Văn, Nam Thanh, Ninh Giang, Phù Tiên, Thanh Miện, Tứ Kỳ.

Ngày 06/11/1996 kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX ra nghị quyết chia tỉnh Hải Hưng để tái lập tỉnh Hải Dương và tỉnh Hưng Yên³³, khi đó:

²⁸ Nghị định số 57-CP ngày 07/10/1995 của Chính phủ;

²⁹ Nghị định số 05-CP ngày 27/01/1996 của Chính phủ;

³⁰ Nghị định số 17-CP ngày 23/3/1996 của Chính phủ;

³¹ Nghị định số 64/CP ngày 28/10/1996 của Chính phủ;

³² Nghị định số 65-CP ngày 28/10/1996 của Chính phủ;

³³ Nghị quyết của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX, kỳ họp thứ 10 ngày 06/11/1996;

- Tỉnh Hải Dương gồm thị xã Hải Dương và 8 huyện: Cẩm Bình, Chí Linh, Gia Lộc, Kim Môn, Nam Thanh, Ninh Giang, Thanh Miện, Tứ Kỳ.
- Tỉnh Hưng Yên gồm thị xã Hưng Yên và 5 huyện: Ân Thi, Châu Giang, Kim Động, Mỹ Văn, Phù Tiên.

Như vậy đến cuối năm 1996 tỉnh Hải Dương có 09 ĐVHC cấp huyện (08 huyện: Cẩm Bình, Chí Linh, Gia Lộc, Kim Môn, Nam Thanh, Ninh Giang, Thanh Miện, Tứ Kỳ và 01 thị xã Hải Dương), 261 ĐVHC cấp xã (240 xã, 11 phường, 10 thị trấn).

c) Giai đoạn 1997 - 2018

Ngày 17/02/1997 chia các huyện Nam Thanh (thành 02 huyện Thanh Hà và Nam Sách), Kim Môn (thành 02 huyện Kim Thành và Kinh Môn), Cẩm Bình (thành 02 huyện Cẩm Giàng và Bình Giang) và thành lập thị trấn Thanh Hà (thuộc huyện Thanh Hà) tỉnh Hải Dương³⁴.

Ngày 16/6/1997 thành lập thành lập thị trấn thuộc huyện Tứ Kỳ tỉnh Hải Dương (thành lập thị trấn Tứ Kỳ trên cơ sở trên cơ sở thôn An Nhân xã Đông Kỳ và thôn La Tĩnh xã Tây Kỳ)³⁵.

Ngày 06/8/1997 thành lập thành phố Hải Dương thuộc tỉnh Hải Dương (trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của thị xã Hải Dương, gồm 11 phường, 02 xã)³⁶.

Ngày 24/9/1998 thành lập thị trấn Lai Cách thuộc huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương (thành lập thị trấn Lai Cách trên cơ sở xã Lai Cách)³⁷.

Ngày 14/01/2002, theo Nghị quyết số 09/NQ-CP của Chính phủ, thị trấn Nông trường Chí Linh đổi tên thành thị trấn Bến Tắm và chính thức quản lý về lãnh thổ; đổi tên xã Ninh Thọ thành xã Hồng Phong huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương³⁸.

Ngày 03/6/2004 thành lập các thị trấn Minh Tân, Phú Thù và đổi tên thị trấn An Lưu thành thị trấn Kinh Môn huyện Kinh Môn tỉnh Hải Dương³⁹.

Ngày 19/3/2008 điều chỉnh địa giới hành chính của các huyện: Nam Sách, Gia Lộc, Tứ Kỳ và Cẩm Giàng để mở rộng địa giới thành phố Hải Dương (thành phố Hải Dương nhập thêm các xã Nam Đồng, An Châu, Ái Quốc, Thượng Đạt huyện Nam Sách; các xã Tân Hưng, Thạch Khôi huyện Gia Lộc; điều chỉnh nhập 63,92 ha diện tích tự nhiên và 1.000 nhân khẩu của xã Ngọc Sơn huyện Tứ Kỳ về phường Hải Tân; điều chỉnh nhập 38,98 ha diện tích tự nhiên của thị trấn Lai Cách huyện Cẩm Giàng về xã Tứ Minh; nâng cấp 2 xã Tứ Minh và Việt Hòa thành 2 phường)⁴⁰.

Ngày 23/9/2008 điều chỉnh địa giới hành chính phường và thành lập các phường Nhị Châu (tách ra từ phường Ngọc Châu) và phường Tân Bình (tách ra

³⁴ Nghị định số 11/CP ngày 17/02/1997 của Chính phủ;

³⁵ Nghị định số 76-CP ngày 16/6/1997 của Chính Phủ;

³⁶ Nghị định số 88/CP ngày 06/8/1997 của Chính Phủ;

³⁷ Nghị định số 74/1998/NĐ-CP ngày 24/9/1998 của Chính phủ;

³⁸ Nghị định số 09/2002/NĐ-CP ngày 14/01/2002 của Chính phủ;

³⁹ Nghị định số 131/2004/NĐ-CP ngày 03/6/2004 của Chính phủ;

⁴⁰ Nghị định số 30/2008/NĐ-CP ngày 19/3/2008 của Chính phủ;

từ phường Thanh Bình) thuộc thành phố Hải Dương⁴¹.

Ngày 12/02/2010, thành lập thị xã Chí Linh, thành lập các phường thuộc thị xã Chí Linh tỉnh Hải Dương, gồm 08 phường và 12 xã⁴².

Ngày 29/12/2013 thành lập các phường Ái Quốc và phường Thạch Khê thuộc thành phố Hải Dương (trên cơ sở 02 xã có tên tương ứng)⁴³.

Như vậy đến cuối năm 2018, tỉnh Hải Dương có 12 ĐVHC cấp huyện (10 huyện: Kinh Môn, Kim Thành, Nam Sách, Thanh Hà, Cẩm Giàng, Bình Giang, Tứ Kỳ, Gia Lộc, Ninh Giang, Thanh Miện, 01 thành phố Hải Dương và 01 thị xã Chí Linh), 265 ĐVHC cấp xã (227 xã, 25 phường, 13 thị trấn).

d) Giai đoạn từ 2019 - 2024

- Ngày 10/01/2019, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 623/2019/UBTVQH14 về nhập 02 ĐVHC cấp xã, thành lập 06 phường thuộc thị xã Chí Linh và thành lập thành phố Chí Linh thuộc tỉnh Hải Dương (thành lập các phường An Lạc, Cổ Thành, Đồng Lạc, Hoàng Tiến, Tân Dân trên cơ sở các xã có tên tương ứng và thành lập phường Văn Đức trên cơ sở nhập xã Kênh Giang và xã Văn Đức; giảm 01 ĐVHC cấp xã)⁴⁴;

- Ngày 11/9/2019 thành lập thị xã Kinh Môn và thành lập các phường (14 phường) thuộc thị xã Kinh Môn (thành lập phường An Lưu trên cơ sở thị trấn Kinh Môn, thành lập phường Phạm Thái trên cơ sở nhập xã Phạm Mệnh với xã Thái Sơn và thành lập các phường An Phụ, An Sinh, Duy Tân, Hiến Thành, Hiệp An, Hiệp Sơn, Long Xuyên, Minh Tân, Phú Thứ, Tân Dân, Thái Thịnh, Thất Hùng trên cơ sở các xã, thị trấn có tên tương ứng; thành lập xã Quang Thành trên cơ sở nhập xã Quang Trung và xã Phúc Thành; giảm 02 ĐVHC cấp xã)⁴⁵;

- Ngày 16/10/2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Hải Dương giai đoạn 2019-2021 (nhập xã Tiên Tiến, Quyết Thắng huyện Thanh Hà; xã Ngọc Sơn huyện Tứ Kỳ; xã Liên Hồng, xã Gia Xuyên huyện Gia Lộc vào thành phố Hải Dương. Điều chỉnh địa giới hành chính 17 xã, phường thuộc thành phố Hải Dương. Thành lập phường Tân Hưng, Nam Đồng trên cơ sở hai xã có tên tương ứng của thành phố Hải Dương. Sắp xếp 49 ĐVHC cấp xã thuộc 09 huyện, thành phố; trong đó có 05 phương án 03 đơn vị nhập thành 01 đơn vị, 17 phương án nhập 02 đơn vị thành 01 đơn vị; giảm 27 ĐVHC cấp xã)⁴⁶;

- Ngày 28/4/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 59/NQ-CP về việc xác định đường địa giới hành chính giữa tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng tại khu vực Nông trường Quý Cao do lịch sử để lại.

- Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội sắp xếp ĐVHC cấp xã

⁴¹ Nghị quyết số 47/NQ-CP ngày 23/9/2008 của Chính phủ;

⁴² Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ;

⁴³ Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 29/12/2013 của Chính phủ;

⁴⁴ Nghị quyết số 623/NQ-UBTVQH14, ngày 10/01/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

⁴⁵ Nghị quyết số 768/NQ-UBTVQH14 ngày 11/9/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

⁴⁶ Nghị quyết số 788/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

thuộc tỉnh Hải Dương giai đoạn 2023-2025 (Sắp xếp 57 ĐVHC cấp xã thuộc 10 huyện, thị xã, thành phố thành 29 ĐVHC cấp xã mới; giảm 28 ĐVHC cấp xã⁴⁷).

Như vậy đến cuối năm 2024, tỉnh Hải Dương có 12 ĐVHC cấp huyện (09 huyện: Kim Thành, Nam Sách, Thanh Hà, Cẩm Giàng, Bình Giang, Tứ Kỳ, Gia Lộc, Ninh Giang, Thanh Miện, 02 thành phố: Hải Dương, Chí Linh và 01 thị xã Kinh Môn), 207 ĐVHC cấp xã (151 xã, 46 phường, 10 thị trấn).

đ) Giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến nay

Từ ngày 01/01/2025 tỉnh Hải Dương không có thay đổi gì về địa giới ĐVHC, toàn tỉnh Hải Dương có 12 ĐVHC cấp huyện (09 huyện: Kim Thành, Nam Sách, Thanh Hà, Cẩm Giàng, Bình Giang, Tứ Kỳ, Gia Lộc, Ninh Giang, Thanh Miện, 02 thành phố: Hải Dương, Chí Linh và 01 thị xã Kinh Môn), 207 ĐVHC cấp xã (151 xã, 46 phường, 10 thị trấn) như thời điểm cuối năm 2024.

II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Thành phố Hải Phòng

1.1. Vị trí địa lý

Hải Phòng là một thành phố ven biển nằm ở hạ lưu của hệ thống sông Thái Bình, thuộc vùng Đông Bắc Đồng bằng Sông Hồng, có tọa độ địa lý từ 20°30'39" đến 21°01'15" vĩ độ Bắc và từ 106°23'39" đến 107°08'39" kinh độ Đông.

Về ranh giới hành chính: Phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh; Phía Nam giáp tỉnh Thái Bình; Phía Tây giáp tỉnh Hải Dương; Phía Đông giáp Vịnh Bắc Bộ với đường bờ biển dài 129 km, nơi có 05 cửa sông lớn là: Bạch Đằng, Cửa Cấm, Lạch Tray, Văn Úc và sông Thái Bình.

Hải Phòng là thành phố Cảng, đô thị loại I - trung tâm cấp quốc gia, cách Thủ đô Hà Nội khoảng 100 km, thành phố là một trong 3 cực quan trọng của tam giác tăng trưởng kinh tế: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, nằm trên trục đường bộ quan trọng kết nối thủ đô Hà Nội với các tỉnh: Hưng Yên - Hải Dương và Quảng Ninh, là động lực tăng trưởng của toàn bộ vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ - Việt Nam.

Hải Phòng - nơi hội tụ đủ 5 loại hình giao thông gồm cảng biển, giao thông đường bộ, hàng không, đường sắt và đường thủy nội địa. Các tuyến đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, cao tốc Hải Phòng - Hạ Long, đường quốc lộ 5, quốc lộ 10, đường sắt quốc gia... đi qua các vùng kinh tế trọng điểm là những cây cầu mở rộng không gian đô thị, những cây cầu bắc nhịp kinh tế, những cây cầu tạo ra trục kết nối giữa các tỉnh, thành. Các tuyến đường sắt vận chuyển hàng hóa và hành khách từ Hải Phòng đến các tỉnh trong cả nước và kết nối với phía Nam Trung Quốc. Vận tải thủy nội địa thông suốt, thuận tiện, liên kết hầu hết các tỉnh ở khu vực phía Bắc và vận chuyển 40% tổng khối lượng hàng hóa của các tỉnh phía Bắc bằng đường thủy. Cảng hàng không quốc tế Cát Bi đưa Hải Phòng hội nhập sâu rộng; hiện đã khai thác nhiều tuyến bay quốc tế và hầu hết các tuyến bay nội địa. Cửa ngõ đường biển qua 40 cảng thương mại và đặc biệt Cảng cửa ngõ quốc tế

⁴⁷ Nghị quyết số 1250/NQ-UBTVQH14 ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Lạch Huyện là cảng nước sâu có khả năng tiếp nhận tàu trọng tải lên tới 160.000 tấn, đưa hàng hóa Việt Nam đi thẳng đến các cảng lớn trên thế giới.

Bên cạnh các yếu tố độc đáo về địa kinh tế, Hải Phòng còn có một vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh để bảo vệ quốc gia, bảo vệ chủ quyền biển đảo, là địa bàn đứng chân của Bộ Tư lệnh Quân khu 3 và Bộ Tư lệnh Hải Quân, có đảo tiền tiêu Bạch Long Vĩ ở gần giữa Vịnh Bắc Bộ và hệ thống các đảo ven bờ.

Với những tiềm năng và lợi thế đó, Hải Phòng hội tụ điều kiện để trở thành trung tâm kinh tế khu vực đồng bằng sông Hồng, vùng Duyên hải Bắc Bộ; trung tâm du lịch lớn, các khu trung tâm thương mại và các khu du lịch nghỉ dưỡng đẳng cấp. Những năm gần đây, Hải Phòng phát triển mạnh mẽ về mọi mặt; kết cấu hạ tầng giao thông, diện mạo đô thị, nông thôn có nhiều đổi thay, ngày càng hiện đại, văn minh. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân thành phố được cải thiện. Niềm tin của cán bộ và Nhân dân vào tương lai, triển vọng phát triển của thành phố ngày càng tăng lên.

1.2. Diện tích tự nhiên, Quy mô dân số và số ĐVHC trực thuộc

a) Diện tích tự nhiên

Theo số liệu thống kê đất đai⁴⁶ tính đến thời điểm ngày 31/12/2024, diện tích tự nhiên của toàn thành phố Hải Phòng là 1.526,44 km².

b) Quy mô dân số

Theo số liệu quản lý dữ liệu dân cư⁴⁷ tính đến thời điểm ngày 31/12/2024, quy mô dân số (gồm dân số thường trú và dân số tạm trú) của thành phố Hải Phòng là 2.468.029 người, trong đó dân số thường trú là 2.276.548 người và dân số tạm trú là 191.481 người.

c) Số lượng ĐVHC trực thuộc

Thực hiện Nghị quyết số 1232/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của thành phố Hải Phòng giai đoạn 2023-2025, từ ngày 01/01/2025, số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã của thành phố Hải Phòng cụ thể như sau:

- Số ĐVHC cấp huyện 15 đơn vị (gồm 01 thành phố, 08 quận và 06 huyện);
- Số ĐVHC cấp xã 167 đơn vị (gồm 81 xã, 79 phường và 07 thị trấn).

T T	Tên ĐVHC cấp huyện	Số lượng ĐVHC cấp xã trực thuộc				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó			
			Phường	Xã	Thị trấn	
	Cộng	167	79	81	07	

⁴⁶ Công văn số 389/SNNMT-VPĐKKĐ ngày 20/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thống kê diện tích ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn thành phố.

⁴⁷ Công văn số 619/CAHP-QLHC ngày 17/3/2025 của Công an thành phố về việc cung cấp số liệu về quy mô dân số cấp huyện và cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng tính đến thời điểm ngày 31/12/2024.

1	Quận Hồng Bàng	10	10			
2	Quận Ngô Quyền	08	08			
3	Quận Lê Chân	07	07			
4	Quận Hải An	08	08			
5	Quận Kiến An	07	07			
6	Quận Đồ Sơn	06	06			
7	Quận Dương Kinh	06	06			
8	Quận An Dương	10	10			
9	Thành phố Thủy Nguyên	21	17	04		
10	Huyện An Lão	17		15	02	
11	Huyện Kiến Thụy	16		15	01	
12	Huyện Tiên Lãng	19		18	01	
13	Huyện Vĩnh Bảo	20		19	01	
14	Huyện Cát Hải	12		10	02	
15	Huyện Bạch Long Vĩ					Là huyện đặc thù, không có ĐVHC cấp xã trực thuộc

1.3. Chức năng, vai trò

Trong chiều dài lịch sử dân tộc, Hải Phòng luôn giữ vị trí chiến lược trọng yếu về dựng nước và giữ nước, có vai trò quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh của khu vực và cả nước; là một cực tăng trưởng trong tam giác tăng trưởng kinh tế phía Bắc gồm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; là thành phố cảng quan trọng, trung tâm công nghiệp, kinh tế biển, trung tâm văn hóa, y tế, giáo dục; được xác định là thành phố mở cửa và hội nhập, giữ vai trò động lực và luôn là địa phương nằm trong топ đầu tăng trưởng, phát triển toàn diện của cả nước những năm qua.

Hệ thống cảng biển Hải Phòng tạo thành cụm cảng có quy mô ngày càng lớn; chủ yếu thực hiện các nghiệp vụ giao nhận hàng hoá của khu vực Bắc bộ và tham gia dịch vụ vận tải hàng hoá quốc tế, trong đó có cảng biển nước sâu Lạch Huyện - cảng cửa ngõ quốc tế duy nhất miền Bắc, Cảng hàng không quốc tế Cát

Bi, hệ thống đường sắt kết nối hai hành lang, một vành đai kinh tế giữa Việt Nam - Trung Quốc.

Thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kết luận số 96-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, Hải Phòng đang tập trung nguồn lực thực hiện phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, đô thị, logistics, cảng biển...., Đặc biệt, trong thời gian vừa qua, thành phố Hải Phòng đã có nhiều văn bản cam kết hoặc đề xuất với Trung ương để đầu tư các công trình có tính chất liên vùng, liên quốc gia như: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng vừa được Quốc hội chính thức thông qua chủ trương đầu tư, trong đó Hải Phòng cam kết đóng góp khoảng 10.960 tỷ đồng; Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng; Một số nút giao của đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng;...

Căn cứ yêu cầu đặt ra của Trung ương đối với Hải Phòng, Hải Phòng phát triển không chỉ vì Hải Phòng mà vì cả Vùng, cả nước; thành phố hiện đang tiếp tục đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các lĩnh vực then chốt như phát triển cảng biển, logistics, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công nghệ; tập trung nâng cao chất lượng quy hoạch, cơ sở hạ tầng, giao thông hiện đại, đô thị thông minh, thu hút đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đời sống nhân dân....; phát huy được vai trò động lực phát triển của cả Vùng đồng bằng sông Hồng, trung tâm logistics quốc tế hiện đại, thành phố xanh, thông minh, cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 và Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị.

1.4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh

1.4.1. Về kinh tế - xã hội

Năm 2024 là năm thành phố bứt phá và tăng tốc thực hiện, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố 5 năm 2021-2025, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XVI. Ngay từ đầu năm, toàn thành phố và các cấp, ngành, địa phương đã nỗ lực, quyết tâm hành động cao nhất; thích ứng linh hoạt, hiệu quả với bối cảnh, tình hình mới, khắc phục khó khăn, thách thức, tranh thủ thời cơ, vận hội mới trong phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng. Với sự nỗ lực, quyết tâm cao của hệ thống chính trị, sự đoàn kết, đồng lòng của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp và phương thức điều hành năng động, sáng tạo của lãnh đạo thành phố; tình hình phát triển kinh tế - xã hội Hải Phòng đã phục hồi và có xu hướng tăng trưởng, tiếp tục nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Cụ thể:

a) Về tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng GRDP của Hải Phòng năm 2024 đạt 11,01%, là năm thứ mười liên tiếp tăng trưởng ở mức hai con số, thể hiện sự phát triển bền vững của thành phố Hải Phòng và vai trò động lực tăng trưởng của vùng đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh chung của cả nước. Quy mô GRDP (theo giá hiện hành) năm 2024 của Hải Phòng ước đạt 445.995 tỷ đồng (tương đương 18.362,8 triệu USD), đứng thứ 5 cả nước. Cơ cấu kinh tế theo các khu vực năm 2024: Nông - Lâm - Thủy sản chiếm tỷ trọng 3,15%, Công nghiệp - Xây dựng 53,08%, Thương mại - Dịch vụ 38,52%. Khu vực công nghiệp tại Hải Phòng hồi phục tích cực với tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2024 đạt 15%. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong ngành chế biến, chế tạo năm 2024 đạt 66%, cao hơn so với mục tiêu 64% cho thấy sự chuyển dịch tích cực về công nghệ và chất lượng sản phẩm.

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố năm 2024 đạt hơn 118.255 tỷ đồng, bằng 120,86% dự toán Trung ương giao, bằng 110,77% so với dự toán HĐND thành phố giao. Trong đó, thu nội địa đạt 50.068 tỷ đồng.

Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện năm 2024 là 39.407,6 tỷ đồng, đạt 120,2% dự toán Trung ương giao, đạt 99,1% dự toán Hội đồng nhân dân (HĐND) thành phố giao; đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ chi, nhất là cho đầu tư phát triển, quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội.

Năm 2024, Hải Phòng thu hút FDI đạt hơn 4,9 tỷ USD. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới có 126 dự án, đạt 757,43 triệu USD, vốn đăng ký điều chỉnh có 72 dự án với số vốn tăng là hơn 3,724 tỷ USD. Lũy kế đến hết năm 2024, Hải Phòng có tổng cộng 1.020 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư 33,8 tỷ USD. Trong đó, tỉ lệ các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ cao, chế biến, chế tạo, logistics đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố đạt hơn 77%. Với kết quả này, Thành phố Hải Phòng tiếp tục nằm trong nhóm các địa phương thu hút FDI cao nhất cả nước năm 2024.

Xuất nhập khẩu là một trong những điểm sáng của thành phố năm 2024, đạt xuất siêu 7,5 tỷ USD. Trong đó: tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 33,25 tỷ USD, tăng 9,5% so với năm 2023, đạt 100,77% kế hoạch năm; tổng kim ngạch nhập khẩu ước đạt 25,75 tỷ USD, tăng 4,6% so với năm 2023, đạt 80,5% kế hoạch năm.

b) An sinh xã hội, lao động việc làm

Trong nhiều năm qua, thành phố đã chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội đến đối tượng thụ hưởng theo quy định; chỉ đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền xác định nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội là hoạt động thường xuyên; tổ chức thực hiện tốt chủ trương huy động các nguồn lực cho tín dụng chính sách xã hội gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội của địa phương.

Các chỉ tiêu xã hội đều đạt kế hoạch đề ra, trong đó nổi bật là chỉ tiêu về: (i) số lao động được giải quyết việc làm vượt 7,1% so với kế hoạch năm và (ii) không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia trên địa bàn thành phố, hoàn thành trước 01 năm so với mục tiêu đề ra tại Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ thành phố. Kết quả này thể hiện sự nỗ lực, quyết liệt của thành phố trong việc cải thiện chất lượng cuộc sống và an sinh xã hội cho người dân.

1.4.2. Về quốc phòng, an ninh

Duy trì nghiêm chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu, nắm chắc tình hình địa bàn, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Chủ động xây dựng và triển khai Kế hoạch tuần tra, chốt điểm, mật phục, kiểm tra hành chính, vây ráp, thực hiện phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm trên địa bàn thành phố.

Thường xuyên nắm chắc, dự báo đúng tình hình, kịp thời xử lý linh hoạt, hiệu quả các tình huống, giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn thành phố⁴⁸; nắm chắc tình hình trên biển, cửa khẩu cảng; quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển, triển khai có hiệu quả công tác khắc phục, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên biển, đảo và cửa khẩu cảng thành phố⁴⁹. Tiếp tục triển khai quyết liệt, có hiệu quả Đề án 06. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên các tuyến giao thông trọng điểm; tăng cường xử lý các hành vi vi phạm giao thông, nhất là vi phạm nồng độ cồn.

Hoàn thành chỉ tiêu giao quân năm 2024 đảm bảo chất lượng. Tổ chức luyện tập chuyên trạng thái sẵn sàng chiến đấu⁵⁰. Tăng cường tuyên truyền, kiểm tra, kiểm soát phòng chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU)⁵¹.

1.5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng

a) Các chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng theo Nghị quyết của Quốc hội

Ngày 13/11/2021, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 35/2021/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng; theo đó, quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Hải Phòng về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch và thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thành phố quản lý.

⁴⁸ Tội phạm về trật tự xã hội xảy ra 590 vụ, tăng 34 vụ (6,1%) so với cùng kỳ năm 2023; xảy ra 487 vụ tai nạn giao thông (chết 212 người, bị thương 362 người), giảm 12 vụ (giảm 42 người chết, tăng 01 người bị thương) so với cùng kỳ năm 2023. Xảy ra 218 vụ cháy, nổ (làm 04 người chết, 01 người bị thương), tăng 113 vụ (giảm 01 người chết, 01 người bị thương) so với cùng kỳ năm trước.

⁴⁹ Huy động 1.680 cán bộ, chiến sĩ và 14.273 dân quân tự vệ, 125 phương tiện các đơn vị quân đội trên địa bàn tham gia phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả bão số 3

⁵⁰ 04 quận, huyện: Hải An, Thủy Nguyên, An Lão, Cát Hải diễn tập khu vực phòng thủ; 02 Sở: Giao thông vận tải, Xây dựng diễn tập bảo đảm khu vực phòng thủ. Tổ chức luyện tập chuyên trạng thái sẵn sàng chiến đấu, chuẩn bị tổ chức diễn tập Chỉ huy - Cơ quan 1 bên 2 cấp trên bản đồ và ngoài thực địa có một phần thực binh.

⁵¹ Từ ngày 20/9/2024, các tàu có "3 không" theo đăng ký của các địa phương đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2021/QH15, Thường trực HĐND thành phố Hải Phòng và UBND thành phố Hải Phòng đã phối hợp, khẩn trương triển khai, cụ thể hoá các nghị quyết của HĐND thành phố thông qua các chương trình, kế hoạch, giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể đến từng cơ quan, đơn vị của Thành phố.

Theo đó, HĐND thành phố Hải Phòng đã ban hành 12 Nghị quyết triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2021/QH15 để cụ thể hóa các quy định của Trung ương thành các văn bản liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân sách nhà nước, đầu tư, quản lý đất đai, quản lý quy hoạch, thu nhập của cán bộ công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý (cụ thể tại Phụ lục số 01).

UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành các quyết định, kế hoạch, văn bản hướng dẫn và phân công cụ thể cho các Sở, ban ngành trực thuộc để triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Các cơ chế, chính sách thực hiện thí điểm Nghị quyết số 35/2021/QH15 đã thực sự đi vào cuộc sống, góp phần rất tích cực và có tác động về mọi mặt kinh tế, xã hội, đời sống nhân dân trong xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng như:

(1) Cơ chế, chính sách về quản lý tài chính, ngân sách đã khuyến khích Hải Phòng phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước vừa đóng góp vào ngân sách Trung ương vừa để Trung ương có cơ sở hỗ trợ, bổ sung nguồn lực cho ngân sách Thành phố để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, thực hiện có hiệu quả chính sách an sinh xã hội về cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội; tăng tính phân cấp, phân quyền, tạo sự chủ động cho Thành phố trong việc thu hút, huy động và bổ sung vốn đầu tư để phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, góp phần hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của thành phố.

(2) Cơ chế, chính sách về quản lý đất đai đã tạo điều kiện thuận lợi cho Thành phố chủ động, linh hoạt và phản ứng nhanh với những yêu cầu cấp bách về khai thác, sử dụng nguồn lực đất đai; tạo môi trường đầu tư thông thoáng, nâng cao sức cạnh tranh cho thành phố trong việc thu hút đầu tư các dự án trọng điểm, động lực trên địa bàn để phát triển kinh tế - xã hội.

(3) Cơ chế, chính sách về quản lý quy hoạch đã tạo sự chủ động cho thành phố Hải Phòng thúc đẩy sớm việc thu hút một số dự án đầu tư trọng điểm có tính chất dẫn dắt, lan tỏa các ngành, lĩnh vực khác cùng phát triển; thông qua việc phân cấp cho UBND thành phố thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị tạo sự chủ động, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính so với quy trình thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định thông thường.

(4) Cơ chế chính sách về tăng thêm thu nhập cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện công việc

của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố; tạo động lực thúc đẩy cán bộ, công chức, viên chức phấn đấu đạt hiệu quả cao trong công tác; tạo tâm lý yên tâm công tác, gắn bó với nghề nghiệp, tiếp tục phát huy, cống hiến, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, đóng góp vào sự phát triển của cơ quan, địa phương; thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ nhân tài, sinh viên trẻ có năng lực, trình độ và mong muốn tham gia công tác, cống hiến trong khu vực công, phục vụ sự nghiệp phát triển của Thành phố trong giai đoạn tới.

Nhìn chung, việc thực hiện Nghị quyết số 35/2021/QH15 của Quốc hội cho thấy những kết quả tích cực, tạo sự chủ động cho thành phố Hải Phòng trong việc giải quyết một số thủ tục hồ sơ hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng; chính sách tăng thêm thu nhập được đảm bảo công khai, minh bạch... từ đó tạo động lực và cơ chế huy động nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng góp phần đạt được mục tiêu Bộ Chính trị đã đặt ra tại Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 và Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ thành phố đã đề ra.

b) Chính sách đặc thù do HĐND thành phố ban hành theo thẩm quyền

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật chuyên ngành có liên quan, HĐND thành phố Hải Phòng đã ban hành 31 Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc thù của thành phố trên hầu hết các lĩnh vực.

(chi tiết tại Phụ lục số 01, 02 gửi kèm theo)

2. Tỉnh Hải Dương

2.1. Vị trí địa lý

Tỉnh Hải Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, cách thủ đô Hà Nội 57 km về phía Đông, cách thành phố Hải Phòng 45 km về phía Tây với nhiều tuyến giao thông huyết mạch chạy qua, như Quốc lộ 5A, Quốc lộ 5B nối thủ đô Hà Nội với thành phố Hải Phòng; Quốc lộ 18 nối thủ đô Hà Nội với tỉnh Quảng Ninh....

- Vị trí địa lý:

+ Từ: 20° 36' đến 21° 15' vĩ độ Bắc;

+ Từ: 106° 06' đến 106° 36' kinh độ Đông.

- ĐVHC tiếp giáp:

+ Phía Đông giáp thành phố Hải Phòng và Đông bắc giáp tỉnh Quảng Ninh;

+ Phía Tây giáp tỉnh Hưng Yên;

+ Phía Nam giáp tỉnh Thái Bình;

+ Phía Bắc giáp tỉnh Bắc Giang và Tây bắc giáp tỉnh Bắc Ninh.

2.2. Diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số ĐVHC trực thuộc

a) Diện tích tự nhiên

Theo số liệu thống kê đất đai⁵⁴ tính đến thời điểm ngày 31/12/2024, diện tích tự nhiên của toàn tỉnh Hải Dương là 1.668,28 km².

b) Quy mô dân số

Theo số liệu quản lý dữ liệu dân cư⁵⁵ tính đến thời điểm ngày 31/12/2024, quy mô dân số (gồm dân số thường trú và dân số tạm trú) của tỉnh Hải Dương là 2.196.095 người, trong đó dân số thường trú là 2.143.058 người và dân số tạm trú là 53.037 người.

c) Số ĐVHC trực thuộc:

- Cấp huyện: 12 đơn vị (02 thành phố (Hải Dương, Chí Linh), 01 thị xã (Kinh Môn) và 09 huyện (Bình Giang, Cẩm Giàng, Gia Lộc, Kim Thành, Nam Sách, Ninh Giang, Thanh Hà, Thanh Miện, Tứ Kỳ);

- Cấp xã: 207 đơn vị, gồm 151 xã, 46 phường, 10 thị trấn; cụ thể như sau:

TT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp xã				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó			
			Xã	Phường	Thị trấn	
1	Thành phố Hải Dương	24	06	18	0	
2	Thành phố Chí Linh	19	05	14	0	
3	Thị xã Kinh Môn	22	08	14	0	
4	Huyện Bình Giang	15	14	0	01	
5	Huyện Cẩm Giàng	15	13	0	02	
6	Huyện Gia Lộc	14	13	0	01	
7	Huyện Kim Thành	14	13	0	01	
8	Huyện Nam Sách	15	14	0	01	
9	Huyện Ninh Giang	16	15	0	01	
10	Huyện Thanh Hà	16	15	0	01	
11	Huyện Thanh Miện	17	16	0	01	
12	Huyện Tứ Kỳ	20	19	0	0 1	
	Tổng	207	151	46	10	

2.3. Chức năng, vai trò

⁵⁴ Quyết định số 3411/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

⁵⁵ Công văn số 546/BC06(DD1) ngày 02/4/2025 của Phòng PC 06 Công an tỉnh Hải Dương về việc cung cấp dân số thường trú, dân số tạm trú.

Tỉnh Hải Dương có chức năng và vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Hồng cũng như cả nước. Cụ thể:

a) Vị trí chiến lược

- Nằm ở trung tâm vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trên hành lang kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

- Là cửa ngõ kết nối thủ đô Hà Nội với cảng biển Hải Phòng và vùng Đông Bắc.

- Là trung tâm phát triển trong vùng động lực, bao gồm thành phố Hà Nội và các địa phương dọc theo trục quốc lộ 5 và quốc lộ 18.

b) Vai trò kinh tế

- Công nghiệp: Tính đến năm 2025, tỉnh Hải Dương đã có 17 khu công nghiệp (KCN) được thành lập với tổng diện tích quy hoạch khoảng 2.738 ha. Trong số này, 12 KCN đã đầu tư xây dựng hạ tầng và đi vào hoạt động, đạt tỷ lệ lấp đầy trung bình khoảng 62%. Trong đó có một số Khu công nghiệp tiêu biểu như: Đại An, Tân Trường, Phúc Điền, Cẩm Điền, Lương Điền, Nam Sách, Lai Vu và KCN kỹ thuật cao An Phát.

- Nông nghiệp: Nông nghiệp của tỉnh Hải Dương từ lâu đã nổi tiếng với nhiều sản phẩm chất lượng cao, đặc sản có thương hiệu, và ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Với một số sản phẩm nông nghiệp nổi bật như: Vải thiều Thanh Hà; Hành, Tỏi, Cam. Lúa nếp ở thị xã Kinh Môn; Cà rốt ở Đức Chính, Cẩm Giàng; Rau an toàn ở Gia Lộc, Nam Sách; Lúa chất lượng cao ở Gia Lộc, Tứ Kỳ, Thanh Miện và nhiều vùng nuôi thủy sản nổi tiếng như: Tứ Kỳ, Gia Lộc, Thanh Miện...

- Thương mại, dịch vụ: Phát triển mạnh nhờ hệ thống giao thông thuận lợi, kết nối chặt chẽ với các trung tâm kinh tế lớn như: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh.

c) Vai trò hành chính - chính trị

- Là trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh với các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chức năng điều hành phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng.

- Là địa bàn có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược phát triển vùng Đồng bằng sông Hồng.

d) Vai trò văn hóa - xã hội

- Hải Dương có bề dày văn hóa lịch sử, là quê hương của nhiều danh nhân như: Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Tuệ Tĩnh, Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An, Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Thị Duệ...

- Có nhiều di tích, lễ hội truyền thống đặc sắc như Côn Sơn - Kiếp Bạc (Lễ hội mùa Xuân: từ 16-23 tháng Giêng; Lễ hội mùa Thu: từ 15-20 tháng 8), Lễ hội chùa Nhãm Dương, lễ hội đền Cao, Lễ hội đền Tranh, Lễ hội đền Xưa - chùa Giám, Lễ hội đền Bia, Văn miếu Mao Điền...

- Là Trung tâm giáo dục và đào tạo với nhiều trường đại học, cao đẳng, trung tâm nghiên cứu khoa học.

đ) Vai trò trong phát triển bền vững

- Định hướng phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp công nghệ cao.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số, thu hút đầu tư vào các ngành công nghệ cao, công nghệ hỗ trợ.
- Bảo vệ môi trường, cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

Hải Dương có tiềm năng lớn để phát triển thành một trung tâm kinh tế - công nghiệp quan trọng của miền Bắc, đặc biệt khi đề án Khu kinh tế chuyên biệt được triển khai.

2.4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh

Tính đến hết năm 2024, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương có nhiều bước đột phá, đạt và vượt nhiều chỉ tiêu đã đề ra, các chỉ số tăng trưởng ấn tượng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa.

Trong đó, có 06 điểm nổi bật nhất là: **(1)** Tăng trưởng kinh tế đứng thứ 06/63 tỉnh, thành phố trong cả nước, tăng 10,2% (*vượt mục tiêu tăng trên 9%*). Hoàn thành vượt 46,7% dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024; **(2)** Tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là công trình giao thông trọng điểm, quan trọng kết nối liên vùng hoàn thành mở rộng không gian phát triển mới; hoàn thiện hạ tầng đô thị thị xã Kinh Môn đã được công nhận là đô thị loại III; **(3)** Quyết liệt thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và giải ngân các nguồn vốn đầu tư; **(4)** Kịp thời ban hành thực hiện nhiều chính sách về an sinh xã hội; hoàn thành toàn bộ các chỉ tiêu về xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân không ngừng được nâng lên; **(5)** Chủ động ứng phó, khắc phục kịp thời hậu quả cơn bão số 03; **(6)** Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh ổn định, được giữ vững.

a) Về tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2024 của tỉnh Hải Dương đạt 10,2% (*đạt mục tiêu tăng trên 10% theo kịch bản xây dựng tháng 9 năm 2024*); trong đó, giá trị tăng thêm của ngành Nông, lâm, thủy sản tăng 2,1%; Công nghiệp - Xây dựng tăng 13,1%; Dịch vụ tăng 7,5%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 8,8%.

Quy mô GRDP (theo giá hiện hành) đạt 212.386.316 triệu đồng, tăng gấp gần 1,13 lần so với năm 2023, tiếp tục đứng thứ 11 cả nước. GRDP bình quân đầu người trên địa bàn tỉnh đạt 72,4 triệu đồng/người/năm, đứng thứ 8 vùng Đồng bằng sông Hồng.

Cơ cấu kinh tế tỉnh Hải Dương tiếp tục chuyển dịch theo hướng đúng hướng, tỷ trọng các ngành Nông, lâm, thủy sản - Công nghiệp, xây dựng - Dịch

vụ và Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tương ứng là 8,3%-56,7%-26,3%-8,7%.

Sản xuất công nghiệp phục hồi tích cực, duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức 2 con số. Giá trị sản xuất công nghiệp (*giá so sánh năm 2010*) ước đạt 387.871 tỷ đồng, đạt 103,4% kế hoạch và tăng 14,8% so với năm 2023. Chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 14,2%.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 30.599.282 triệu đồng, tăng 56% so với dự toán, lần đầu tiên vào danh sách các tỉnh, thành phố thu ngân sách trên 30.000 tỷ đồng. Chi ngân sách nhà nước đạt 20.914 tỷ đồng (không bao gồm chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách, chi chuyển nguồn sang năm sau), bằng 115% dự toán, trong đó chi đầu tư phát triển 8.015 tỷ đồng, bằng 127% dự toán; chi thường xuyên 12.864 tỷ đồng, bằng 112% dự toán. Thực hiện kiểm soát thu chi ngân sách nhà nước bảo đảm chặt chẽ, kịp thời, đúng quy định; bảo đảm đầy đủ nguồn chi thường xuyên, chi thực hiện chế độ chính sách an sinh xã hội, tăng chi đầu tư phát triển và các khoản chi thiết yếu khác.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Các hoạt động xúc tiến đầu tư được đẩy mạnh; tổ chức thực hiện tốt việc hướng dẫn, tiếp nhận các dự án đầu tư. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt 64.360 tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm 2023. Tỷ lệ vốn đầu tư phát triển trên địa bàn so với GRDP bằng 30,3% (*không đạt mục tiêu 35%*).

Thu hút đầu tư trong nước đạt kết quả tích cực, ước tổng vốn đăng ký khoảng 11.489 tỷ đồng, tăng gấp 1,2 lần so với năm 2023 (*trong đó chấp thuận chủ trương đầu tư mới 53 dự án, với tổng vốn đăng ký 8.048 tỷ đồng*).

Thu hút vốn đầu tư nước ngoài đạt 728 triệu USD (*trong đó cấp mới 68 dự án, tổng vốn 431,1 triệu USD; điều chỉnh 38 lượt dự án, tổng vốn tăng thêm 280 triệu USD*). Lũy kế trên địa bàn tính hiện có 605 dự án đầu tư nước ngoài đến từ 27 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng vốn đăng ký 11.278,5 triệu USD (trong KCN 342 dự án, số vốn 7.061 triệu USD; ngoài KCN 266 dự án, số vốn 4.217,5 triệu USD).

b) Lao động việc làm, bảo đảm an sinh xã hội được tập trung quan tâm, đạt được những kết quả tích cực. Thực hiện công tác việc làm, tư vấn việc làm, học nghề và pháp luật lao động. Công tác giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao được quan tâm. Triển khai có hiệu quả Đề án Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030.

Thực hiện tốt chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công, thân nhân người có công với cách mạng; thăm tặng quà các gia đình chính sách tiêu biểu; hoàn thiện bổ sung các chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng tại địa phương. Hỗ trợ kinh phí về nhà ở đối với hộ gia đình người có công với cách

mạng, thân nhân liệt sĩ. Công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội và công tác người cao tuổi được quan tâm thực hiện, tăng dần mức trợ cấp xã hội và mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách bảo trợ xã hội, người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, đối tượng yếu thế trong xã hội được trợ giúp thường xuyên.

c) Công tác quốc phòng, an ninh

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với công tác quốc phòng, quân sự địa phương; hoàn thành 100% chỉ tiêu diễn tập các cấp theo kế hoạch. Chủ động xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ tỉnh; làm tốt công tác kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, phòng chống cháy nổ, cháy rừng.

Công tác phòng, chống tội phạm về trật tự xã hội và tệ nạn xã hội được triển khai quyết liệt, bài bản, kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa nghiệp vụ và phòng ngừa xã hội, lấy địa bàn cơ sở là trọng tâm, đánh nhanh, đánh mạnh, đánh trúng các loại tội phạm. Triển khai đồng bộ các biện pháp kiểm chế, làm giảm cháy, nổ.

2.5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng

2.5.1. Chính sách đặc thù của tỉnh Hải Dương được xây dựng trên định hướng phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch vùng và các tiềm năng, lợi thế riêng của tỉnh.

(1) Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và thu hút đầu tư

- Ưu đãi thuế, phí và tiền thuê đất cho các nhà đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp và lĩnh vực đầu tư ưu tiên như công nghệ cao, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ.

- Hỗ trợ giải phóng mặt bằng nhanh chóng: Tỉnh cam kết hỗ trợ thủ tục pháp lý, hạ tầng kỹ thuật và mặt bằng sạch. Thường xuyên bố trí ngân sách hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư trọng điểm.

(2) Chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn

- Khuyến khích tích tụ ruộng đất: Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã thuê/mua lại đất nông nghiệp để phát triển sản xuất quy mô lớn, công nghệ cao.

- Hỗ trợ chuyển đổi cây trồng vật nuôi áp dụng tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung như các huyện Thanh Miện, Gia Lộc, Tứ Kỳ...

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao: Ưu đãi thuế, hỗ trợ hạ tầng và xúc tiến thị trường.

(3) Chính sách phát triển nguồn nhân lực

- Hỗ trợ đào tạo nghề: Liên kết giữa tỉnh và doanh nghiệp trong đào tạo, cung ứng lao động cho các khu công nghiệp.

- Thu hút nhân tài: Ban hành các nghị quyết riêng để thu hút chuyên gia, cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ cao làm việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức sự nghiệp và doanh nghiệp.

(4) Chính sách tài chính – ngân sách

Huy động nguồn lực ngoài ngân sách: Tỉnh khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) đối với các dự án hạ tầng giao thông, y tế, giáo dục..

(5) Chính sách phát triển đô thị và khu kinh tế

- Tỉnh đang có định hướng xây dựng Khu kinh tế chuyên biệt, nhằm tạo ra hành lang pháp lý riêng, cơ chế đột phá để phát triển vùng.

- Thành phố Chí Linh và thành phố Hải Dương được ưu tiên đầu tư thành trung tâm đô thị thông minh, đô thị xanh và trung tâm logistics của vùng đồng bằng sông Hồng.

2.5.2. Chính sách đặc thù do HĐND tỉnh ban hành theo thẩm quyền:

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật chuyên ngành có liên quan, HĐND tỉnh Hải Dương đã ban hành 62 Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh trên hầu hết các lĩnh vực.

(chi tiết tại Phụ lục số 03 gửi kèm theo)

III. THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TẠI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG VÀ TỈNH HẢI DƯƠNG

1. Về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

1.1. Cấp tỉnh

1.1.1. Tổ chức Đảng nhiệm kỳ 2020-2025

a) Các tổ chức trực thuộc Đảng bộ cấp tỉnh

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
1	Ban Chấp hành Đảng bộ	48	46	Đầu nhiệm kỳ: - Thành phố Hải Phòng có 53 người; - Tỉnh Hải Dương có 52 người.
2	Ban Thường vụ Thành ủy/Tỉnh ủy	13	16	Đầu nhiệm kỳ: - Thành phố Hải Phòng có 15 người; - Tỉnh Hải Dương có 16 người.
3	Thường trực Thành ủy/Tỉnh ủy	03	03	Bí thư, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy/Tỉnh ủy, Phó Bí thư Thành ủy-Chủ tịch UBND thành phố/tỉnh
4	Ủy ban Kiểm tra Thành ủy/Tỉnh ủy			
-	Số lượng Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy/Tỉnh ủy	11	08	

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
-	Số lượng Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy/Tỉnh ủy	03	02	
5	Đảng bộ trực thuộc Thành ủy/Tỉnh ủy			
-	Đảng bộ cấp huyện	15	12	
-	Đảng bộ cấp trên cơ sở	05	04	Thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương đều có các Đảng bộ: Các cơ quan đảng cấp tỉnh, UBND cấp tỉnh, Công an cấp tỉnh, Quân sự cấp tỉnh; <u>riêng thành phố Hải Phòng có thêm Đảng bộ Bộ đội Biên phòng thành phố</u>
6	Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy/Tỉnh ủy	05	05	Thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương đều có: Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ủy ban kiểm tra, Ban Nội chính, Văn phòng
7	Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Thành ủy/Tỉnh ủy	02	02	- Thành phố Hải Phòng: Trường Chính trị Tô Hiệu Hải Phòng, Trung tâm Báo chí và Truyền thông thành phố - Tỉnh Hải Dương: Trường Chính trị tỉnh, Báo và Đài Phát thanh-Truyền hình Hải Dương.

b) Tổ chức, biên chế các cơ quan tham mưu, giúp việc và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Thành ủy/Tỉnh ủy

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
1	Đảng ủy Các cơ quan đảng thành phố/tỉnh			
1.1	Lãnh đạo Đảng ủy	03	03	
-	Số lượng Bí thư Đảng ủy	01	01	100% kiêm nhiệm
-	Số lượng Phó Bí thư Đảng ủy	02	02	- Thành phố Hải Phòng: 01 chuyên trách. - Tỉnh Hải Dương: 02 chuyên trách.
1.2	Các Phòng, ban trực thuộc			

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	04	04	
-	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	04	04	100% kiêm nhiệm
-	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	08	04	
-	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	01	02	
2	Đảng ủy UBND thành phố/tỉnh			
2.1	Lãnh đạo Đảng ủy	04	03	
-	Số lượng Bí thư Đảng ủy	01	01	100% kiêm nhiệm
-	Số lượng Phó Bí thư Đảng ủy	03	02	- Thành phố Hải Phòng: 02 chuyên trách - Tỉnh Hải Dương: 01 kiêm nhiệm, 01 chuyên trách
2.2	Các Phòng, ban trực thuộc			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	04	04	
-	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	04	04	100% đều kiêm nhiệm
-	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	08	05	
-	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	08	02	
3	Các Ban thuộc Thành ủy, Tỉnh ủy và Văn phòng Thành ủy, Tỉnh ủy			
3.1	Lãnh đạo Ban và tương đương	22	21	

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
-	Số lượng trưởng ban và tương đương	05	05	
-	Số lượng phó ban và tương đương	17	16	
3.2	Các Phòng, ban trực thuộc			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	22	23	
-	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	19	20	
-	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	43	39	
-	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	76	45	
4	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành ủy, Tỉnh ủy	02	02	
4.1	Lãnh đạo đơn vị sự nghiệp			
-	Số lượng cấp trưởng đơn vị sự nghiệp và tương đương	02	02	
-	Số lượng cấp phó đơn vị sự nghiệp và tương đương	08	09	
4.2	Các Phòng, ban, đơn vị trực thuộc			
-	Số lượng Phòng, ban, đơn vị trực thuộc	16	15	
-	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	16	14	
-	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	48	29	

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
-	Số lượng viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	174	115	

1.1.2. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố khóa XV và HĐND cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
1	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố			
-	Số lượng đại biểu Quốc hội khóa XV	10	08	- Thành phố Hải Phòng: Đầu nhiệm kỳ có 09 đại biểu; hiện có 10 đại biểu, trong đó có 06 đại biểu Trung ương - Tỉnh Hải Dương: Đầu nhiệm kỳ có 9 đại biểu; hiện có 08 đại biểu, trong đó có 04 đại biểu Trung ương
-	Lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội	02	02	- Thành phố Hải Phòng: Trưởng đoàn (đồng chí Bí thư Thành ủy kiêm) và 01 Phó trưởng đoàn chuyên trách - Tỉnh Hải Dương: Trưởng đoàn (đồng chí Phó Bí thư Thường trực Thành ủy kiêm) và 01 Phó trưởng đoàn chuyên trách
2	HĐND tỉnh, thành phố			
-	Số lượng đại biểu HĐND	62	57	- Đầu nhiệm kỳ, thành phố Hải Phòng có 67 đại biểu - Đầu nhiệm kỳ, tỉnh Hải Dương có 63 đại biểu
-	Thường trực HĐND	06	06	- Thành phố Hải Phòng: Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch HĐND và 04 Ủy viên là Trưởng các Ban của HĐND - Tỉnh Hải Dương: Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch HĐND và 03 Ủy viên là Trưởng các Ban của HĐND
-	Lãnh đạo HĐND	02	03	- Thành phố Hải Phòng: Chủ tịch và 01 Phó Chủ tịch (đều là chuyên trách) - Tỉnh Hải Dương: Chủ tịch kiêm nhiệm và 02 Phó Chủ tịch (đều là chuyên trách)
3	Các ban HĐND	04	03	- Thành phố Hải Phòng: Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội, Ban Pháp chế, Ban Đô thị

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
				- Tỉnh Hải Dương: Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội, Ban Pháp chế.
-	Trưởng ban	04	03	- Thành phố Hải Phòng: 04 trưởng ban chuyên trách - Tỉnh Hải Dương: 03 trưởng ban chuyên trách
-	Phó trưởng ban	04	03	- Thành phố Hải Phòng: 04 Phó trưởng ban chuyên trách - Tỉnh Hải Dương: 03 Phó Trưởng ban chuyên trách
-	Ủy viên	24	18	- Thành phố Hải Phòng: Ban Kinh tế - Ngân sách 05, Ban Văn hóa - Xã hội 07, Ban Pháp chế 06, Ban Đô thị 06 - Tỉnh Hải Dương: Ban Kinh tế - Ngân sách 06, Ban Văn hóa - Xã hội 06, Ban Pháp chế 06
4	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND			
-	Lãnh đạo Văn phòng	04	04	- Thành phố Hải Phòng: CVP+3 PCVP - Tỉnh Hải Dương: CVP+3 PCVP
-	Số lượng Phòng chuyên môn	03	04	- Thành phố Hải Phòng: Phòng Công tác Quốc hội; Phòng Công tác HĐND; Phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị. - Tỉnh Hải Dương: Phòng Công tác Quốc hội; Phòng Công tác HĐND; Phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị; Phòng Thông tin - Dân nguyện
-	Số lượng cấp trưởng Phòng	03	04	
-	Số lượng cấp phó Phòng	05	04	
-	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo	18	08	

1.1.3. UBND cấp tỉnh

a) UBND và tổ chức trực thuộc UBND cấp tỉnh

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
1	Thành viên UBND thành phố/tỉnh	19	18	

2	Lãnh đạo UBND thành phố/tỉnh	04	04	Chủ tịch và 03 Phó Chủ tịch
3	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố/tỉnh (các sở, ngành và tương đương)	14 ⁵²	13 ⁵³	
4	Các đơn vị sự nghiệp công lập	129	104	
-	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố	09 ⁵⁴	04 ⁵⁵	
-	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ngành	120	100 ⁵⁶	

b) Tổ chức, biên chế các cơ quan chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
1	Các sở, ngành (và tương đương)			
1.1	Lãnh đạo Sở, ngành (và tương đương)			
-	Số lượng Giám đốc Sở và tương đương	14	13	
-	Số lượng Phó Giám đốc và tương đương	54	50	
1.2	Các phòng, ban trực thuộc			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc trực thuộc Sở	111	100	

⁵² 14 sở, ngành và tương đương, gồm: (1) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (2) Sở Tài chính; (3) Sở Khoa học và Công nghệ; (4) Sở Nội vụ; (5) Sở Tư pháp; (6) Sở Ngoại vụ; (7) Sở Xây dựng; (8) Sở Công Thương; (9) Sở Giáo dục và Đào tạo; (10) Sở Nông nghiệp và Môi trường; (11) Sở Y tế; (12) Thanh tra; (13) Văn phòng UBND thành phố và (14) Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng.

⁵³ 13 sở, ngành và tương đương, gồm: (1) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (2) Sở Tài chính; (3) Sở Khoa học và Công nghệ; (4) Sở Nội vụ; (5) Sở Tư pháp; (6) Sở Xây dựng; (7) Sở Công Thương; (8) Sở Giáo dục và Đào tạo; (9) Sở Nông nghiệp và Môi trường; (10) Sở Y tế; (11) Thanh tra; (12) Văn phòng UBND tỉnh và (13) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

⁵⁴ 09 đơn vị sự nghiệp trực thuộc: (1) BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp HP (tự chủ nhóm 1); (2) BQL dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và hạ tầng HP (tự chủ nhóm 1); (3) Nhà xuất bản Hải Phòng (tự chủ nhóm 2, đang thực hiện thủ tục giải thể); (4) Trường Đại học Hải Phòng (tự chủ nhóm 2); (5) Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; (6) Vườn Quốc gia Cát Bà; (7) Trường Cao đẳng Y tế (tự chủ nhóm 2); (8) Trường Cao đẳng Kỹ thuật; (9) Trường Cao đẳng Kinh tế.

⁵⁵ 04 đơn vị sự nghiệp trực thuộc: (1) BQL dự án đầu tư xây dựng tỉnh (tự chủ nhóm 1), (2) Trường Đại học Hải Dương (tự chủ nhóm 3), (3) Trường Cao đẳng nghề Hải Dương (tự chủ nhóm 3), (4) Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh (tự chủ nhóm 2).

⁵⁶ Không bao gồm 10 Hạt Quản lý đê thuộc Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hải Dương

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
-	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương) trực thuộc Sở	107	93	
-	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	211	152	
-	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	923	503	
2	Các đơn vị sự nghiệp công lập			
2.1	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp tỉnh			Bao gồm NLV hưởng lương NSNN và NLV hưởng lương NTSN
a	Lãnh đạo đơn vị sự nghiệp			
-	Số lượng Giám đốc đơn vị sự nghiệp và tương đương	09	04	
-	Số lượng Phó Giám đốc đơn vị sự nghiệp và tương đương	19	10	
b	Các phòng, ban trực thuộc đơn vị sự nghiệp			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	89	33	
-	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	81	31	
-	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	120	47	
-	Số lượng viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	597	315	
2.2	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ngành			Bao gồm NLV hưởng lương NSNN và NLV hưởng lương NTSN
a	Lãnh đạo đơn vị sự nghiệp			
-	Số lượng Giám đốc đơn vị sự nghiệp và tương đương	118	93	
-	Số lượng Phó Giám đốc đơn vị sự nghiệp và tương đương	215	216	
b	Các phòng, ban trực thuộc đơn vị sự nghiệp			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	905	781	
-	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	761	619	
-	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	809	947	
-	Số lượng viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	10.630	9.518	

1.1.4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu Chiến binh, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên và Liên đoàn Lao động cấp tỉnh)

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
1	Lãnh đạo cơ quan			
-	Số lượng Ủy viên Ủy ban MTTQ	95	86	
-	Số lượng Chủ tịch Ủy ban MTTQ	01	01	
-	Số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ	02	03	
2	Các Phòng, ban trực thuộc			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	03	04	
-	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	03	04	
-	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	06	03	
-	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	08	09	

b) Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
1	Lãnh đạo cơ quan			
-	Số lượng Ban Chấp hành	38	31	
-	Số lượng Ban Thường vụ	12	12	
-	Số lượng Chủ tịch Hội	01	01	
-	Số lượng Phó Chủ tịch Hội	02	03	
-	Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ	09	08	
2	Các Phòng, ban trực thuộc			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	04	03	

-	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	04	02	
-	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	07	01	
-	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	12	09	
3	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	01 ⁵⁷		

c) Hội Cựu Chiến binh cấp tỉnh

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
1	Lãnh đạo cơ quan			
-	Số lượng Ban Chấp hành	27	22	
-	Số lượng Ban Thường vụ	07	08	
-	Số lượng Chủ tịch Hội	01	01	
-	Số lượng Phó Chủ tịch Hội	02	01	
-	Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ	04	06	
2	Các Phòng, ban trực thuộc			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	03	02	
-	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	03	02	
-	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	02	02	
-	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	05	03	

d) Hội Nông dân cấp tỉnh

⁵⁷ Đơn vị đang thực hiện thủ tục giải thể

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Đương	Ghi chú
1	Lãnh đạo cơ quan			
-	Số lượng Ban Chấp hành	29	28	
-	Số lượng Ban Thường vụ	09	09	
-	Số lượng Chủ tịch Hội	01	01	
-	Số lượng Phó Chủ tịch Hội	02	03	
-	Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành	06	05	
2	Các Phòng, ban trực thuộc			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	03	03	
-	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	03	02	
-	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	03	03	
-	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	09	09	
3	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	01 ⁵⁸		

e) Liên đoàn Lao động cấp tỉnh

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Đương	Ghi chú
1	Lãnh đạo cơ quan			
-	Số lượng Ban Chấp hành	45	34	
-	Số lượng Ban Thường vụ	15	13	
-	Số lượng Chủ tịch Liên đoàn	01	01	
-	Số lượng Phó Chủ tịch Liên đoàn	03	03	
-	Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ	11	09	

⁵⁸ Đơn vị đang thực hiện thủ tục giải thể

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Đương	Ghi chú
2	Các Phòng, ban trực thuộc			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	05	05	
-	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	05	04	
-	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	16	07	
-	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	11	12	
3	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	02	01	

g) Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cấp tỉnh

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
1	Lãnh đạo cơ quan			
-	Số lượng Ban Chấp hành	34	27	
-	Số lượng Bí thư Thành đoàn/tỉnh đoàn	01	01	
-	Số lượng Phó Bí thư	02	02	
2	Các Phòng, ban trực thuộc			
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	05	05	
-	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	04	03	
-	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	05	04	
-	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	14	08	
3	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	03 ⁵⁹	01	

2. Cấp huyện:

2.1. Tổ chức Đảng nhiệm kỳ 2020-2025

⁵⁹ 03 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Thành Đoàn Hải Phòng đã được thống kê trong số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở ngành tại điểm b, khoản 1.1.3, mục III, phần II Đề án (do các đơn vị này được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng giao số người làm việc hằng năm).

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
1	Ban Chấp hành Đảng bộ	468	414	
2	Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện	128	115	
3	Thường trực cấp ủy cấp huyện, trong đó:	45	34	
-	Bí thư cấp ủy cấp huyện	15	12	
-	Phó Bí thư cấp ủy cấp huyện	30	22	
4	Tổ chức cơ sở đảng trực thuộc cấp ủy cấp huyện	647	603	
-	Đảng bộ cấp xã	167	207	
-	Tổ chức cơ sở đảng khác (tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp)	480	396	
5	Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp huyện			
-	Số lượng các ban trực thuộc	60	48	
-	Số lượng trưởng ban và tương đương	53	47	
-	Số lượng phó ban và tương đương	113	112	
-	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	127	149	

2.2. Hội đồng nhân dân cấp huyện nhiệm kỳ 2021-2026

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
1	Hội đồng nhân dân cấp huyện (quận, huyện, thị xã, thành phố)			
-	Số lượng đại biểu HĐND	436	360	
-	Thường trực HĐND	59	39	

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Đương	Ghi chú
-	Lãnh đạo HĐND, trong đó			
+	Chủ tịch HĐND	14	07	
+	Phó Chủ tịch HĐND	15	12	
2	Các ban HĐND			
2.1	Ban Kinh tế xã hội	67	56	
-	Trưởng ban và tương đương	15	10	
-	Phó trưởng ban	15	12	
-	Thành viên	37	38	
2.2	Ban Pháp chế	67	57	
-	Trưởng ban và tương đương	15	12	
-	Phó trưởng ban	15	01	
-	Thành viên	37	37	

2.3. Ủy ban nhân dân

a) UBND và tổ chức trực thuộc UBND cấp huyện

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Đương	Ghi chú
1	Thành viên UBND cấp huyện	207	147	
2	Lãnh đạo UBND cấp huyện	42	34	
-	Chủ tịch UBND	15	11	
-	Phó Chủ tịch UBND	27	26	
3	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (các phòng và tương đương)	144	119	
4	Các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó	629	792	
-	Giáo dục mầm non	219	246	

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
-	Giáo dục tiểu học	190	242	
-	Giáo dục THCS	173	249	- Thành phố Hải Phòng có 21 trường liên cấp TH&THCS. - Tỉnh Hải Dương có 11 trường liên cấp TH&THCS.
-	Giáo dục THPT			Thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương đều có 40 trường THPT (tính vào ĐVSN thuộc Sở GD&ĐT)
-	Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên	15	12	
-	Sự nghiệp y tế			
-	Sự nghiệp văn hóa, thông tin và thể thao	15	13	- Thành phố Hải Phòng: Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao. - Tỉnh Hải Dương: Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông, Nhà Thiếu nhi TP Chí Linh.
-	Sự nghiệp khác	17	30	- Thành phố Hải Phòng: Trung tâm Phát triển quỹ đất và Quản lý dự án; Tàu Hoa Phượng Đỏ; Ban quản lý Cảng và Khu neo đậu tàu Bạch Long Vĩ; Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ. - Tỉnh Hải Dương: Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng; Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp; Ban Quản lý di tích; Đội Quản lý đô thị; Ban Quản lý chợ; Xi nghiệp GTVT Hải Dương (TP.Hải Dương).

b) Biên chế các cơ quan chuyên môn và số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
1	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (các phòng và tương đương)			
-	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương) trực thuộc UBND cấp huyện	130	115	
-	Số lượng cấp phó phòng (tương đương) trực thuộc UBND cấp huyện	295	257	

-	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	694	393	
2	Các đơn vị sự nghiệp công lập			
-	Số lượng cấp trưởng đơn vị	611	787	
-	Số lượng cấp phó đơn vị	1.063	1.197	
-	Số lượng viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	21.162	22.940	

2.4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Đương	Ghi chú
1	Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện			
-	Số lượng Ủy viên Ủy ban MTTQ	714	689	
-	Số lượng Chủ tịch Ủy ban MTTQ	13	10	
-	Số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ	16	14	
-	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo	12	10	
2	Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện			
-	Số lượng Ban Chấp hành	223	240	
-	Số lượng Ban Thường vụ	70	40	
-	Số lượng Chủ tịch Hội	12	12	
-	Số lượng Phó Chủ tịch Hội	16	12	
-	Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ	42	16	
-	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo	8	8	
3	Hội Cựu Chiến binh cấp huyện			
-	Số lượng Ban Chấp hành	224	211	
-	Số lượng Ban Thường vụ	68	60	
-	Số lượng Chủ tịch Hội	12	12	
-	Số lượng Phó Chủ tịch Hội	16	12	

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
-	Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ	40	36	
-	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo	6	11	
4	Hội Nông dân cấp huyện (Quận, huyện có tổ chức Hội hiện nay)			
-	Số lượng Ban Chấp hành	229	234	
-	Số lượng Ban Thường vụ	60	59	
-	Số lượng Chủ tịch Hội	12	11	
-	Số lượng Phó Chủ tịch Hội	13	12	
-	Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ	35	36	
-	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo	11	18	
5	Liên đoàn Lao động cấp huyện			
-	Số lượng Ban Chấp hành	214	228	
-	Số lượng Ban Thường vụ	70	78	
-	Số lượng Chủ tịch Liên đoàn	14	15	
-	Số lượng Phó Chủ tịch Liên đoàn	13	17	
-	Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ	43	46	
-	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo	19	11	
6	Đoàn Thanh niên			
-	Số lượng Ban Chấp hành	284	184	
-	Số lượng Ban Thường vụ	84	77	
-	Số lượng Bí thư Huyện đoàn, Quận đoàn, Thị đoàn...	12	11	
-	Số lượng Phó Bí thư	14	10	
-	Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ	58	56	

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
-	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo	12	13	

3. Cấp xã:

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
1	Số lượng ĐVHC cấp xã, trong đó	167	207	
-	Số xã	81	151	
-	Số phường	79	46	
-	Số thị trấn	07	10	
2	Số lượng thôn, tổ dân phố	1.752	1.341	
-	Số thôn	1.046	902	
-	Số tổ dân phố	706	439	

4. Tổng biên chế công chức hành chính, số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Ghi chú
1	Ở cấp tỉnh			
a)	Khối đảng, tổ chức chính trị - xã hội			
-	Công chức			
+	Số giao	390	362	
+	Số có mặt	352	323	
-	Viên chức			
+	Số giao	52	69	NLV hưởng lương NSNN
+	Số có mặt	248	209	Bao gồm NLV hưởng lương NSNN và NLV hưởng lương NTSN

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Đương	Ghi chú
b)	Khối chính quyền (bao gồm HĐND và UBND)			
-	Công chức			
+	Số giao	1.439	900	Thành phố Hải Phòng: bao gồm BC phục vụ
+	Số có mặt	1.413	839	
-	Viên chức			
+	Số giao	8.534	6.077	NLV hưởng lương NSNN
+	Số có mặt	13.359	11.800	Bao gồm NLV hưởng lương NSNN và NLV hưởng lương NTSN
2	Ở cấp huyện			
a)	Khối đảng, tổ chức chính trị - xã hội			
-	Công chức			
+	Số giao	643	573	
+	Số có mặt	569	556	
-	Viên chức			
+	Số giao	37	60	
+	Số có mặt	35	47	
b)	Khối chính quyền (bao gồm HĐND và UBND)			
-	Công chức			
+	Số giao	1.294	892	
+	Số có mặt	1.202	826	
-	Viên chức			
+	Số giao	23.688	26.337	NLV hưởng lương NSNN
+	Số có mặt ⁶⁴	22.836	24.924	Bao gồm NLV hưởng lương NSNN và NLV hưởng lương NTSN
3	Ở cấp xã			

⁶⁴ Các tỉnh, thành phố đang thực hiện việc tuyển dụng viên chức giáo viên trong các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập còn thiếu theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Đường	Ghi chú
a)	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã			
-	Số giao (bao gồm cả số ghi nhận)	4.147	4.592	
-	Số có mặt	3.779	4.203	
b)	Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã			
-	Số giao (bao gồm cả số ghi nhận)	2.272	2.742	
-	Số có mặt	1.769	1.773	
c)	Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (chỉ tính 03 chức danh: Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn/tổ trưởng Tổ dân phố và Trưởng ban Công tác Mặt trận)			
-	Số-giao (bao gồm cả số ghi nhận)	4.716	3.922	
-	Số có mặt	4.298	2.672	

Phần III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

I. PHƯƠNG ÁN VÀ KẾT QUẢ SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Phương án

1.1. Hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng, lấy tên là thành phố Hải Phòng.

1.2. Cơ sở và lý do đề xuất phương án, lựa chọn tên gọi và trung tâm chính trị - hành chính của ĐVHC cấp tỉnh sau sắp xếp.

a) Về phương án:

- Về định hướng của Trung ương:

+ Tại Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII: Hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng, lấy tên là thành phố Hải Phòng, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại thành phố Hải Phòng hiện nay.

+ Tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025:

Khoản 4 Điều 2 về nguyên tắc sắp xếp ĐVHC: “Việc xây dựng phương án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã phải tính đến các yếu tố về điều kiện tự nhiên, hạ tầng giao thông, sự phân bố và tổ chức các không gian kinh tế nhằm bảo đảm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế của mỗi địa phương, hỗ trợ lẫn nhau để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội chung của ĐVHC sau sắp xếp...”.

Điều 4 về định hướng tiêu chuẩn của ĐVHC cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp: “ĐVHC cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ĐVHC tương ứng theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC. Trường hợp sắp xếp tỉnh đã được định hướng thành thành phố trực thuộc trung ương thì tỉnh hình thành sau sắp xếp cần cơ bản đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thành phố trực thuộc trung ương.”

- Về diện tích tự nhiên, quy mô dân số:

Diện tích tự nhiên của toàn thành phố Hải Phòng là 1.526,4 km², của tỉnh Hải Dương là 1.668,3 km². Sau hợp nhất, diện tích tự nhiên của thành phố Hải Phòng (mới) là 3.194,7 km², đạt tỷ lệ 212,98% theo tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

Quy mô dân số của thành phố Hải Phòng là 2.468.029 người, của tỉnh Hải Dương là 2.196.095 người. Sau hợp nhất, quy mô dân số của thành phố Hải Phòng (mới) là 4,664,124, đạt tỷ lệ 466,41% theo tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)⁶¹.

Như vậy, sau hợp nhất, thành phố Hải Phòng (mới) đáp ứng tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đảm bảo định hướng về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nêu trên.

- Về vị trí địa lý, địa giới giáp ranh, giao thông liên kết vùng:

+ Cả hai tỉnh, thành phố đều nằm ở khu vực Đồng bằng sông Hồng, có địa hình chủ yếu là đồng bằng thấp, bằng phẳng, thuận lợi cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp và giao thông. Hải Dương nằm ở phía Tây của Hải Phòng, có chung ranh giới tự nhiên. Tỉnh Hải Dương nằm giữa trục Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, được xác định mục tiêu trở thành một đầu mối logistics của vùng Đồng bằng sông Hồng.

+ Hai tỉnh, thành phố có đường địa giới hành chính giáp ranh nhau với chiều dài đường địa giới hành chính là 97,8 km; tỉnh Hải Dương có các huyện, thị xã tiếp giáp với thành phố Hải Phòng là: Thanh Hà, Tứ Kỳ, Kim Thành, thị xã Kinh Môn và thành phố Hải Phòng có các quận, huyện, thành phố tiếp giáp với tỉnh Hải Dương: An Dương, An Lão, Tiên Lãng, Thủy Nguyên.

+ Hệ thống giao thông liên vùng kết nối 02 địa phương: Có hệ thống giao thông thuận lợi như: Quốc lộ 5, Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng nối liền 02 tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho người dân di chuyển sau khi sắp xếp; ngoài ra, thành phố Hải Phòng là thành phố Cảng trọng yếu của Việt Nam với đường bờ biển dài trên 125 km nên giao thông đường thủy cũng vô cùng thuận lợi. Về giao thông đường thủy và cảng biển: thành phố Hải Phòng là thành phố cảng với hệ thống cảng biển lớn nhất miền bắc, gồm cảng Đình Vũ, Lạch Huyện, cảng xăng dầu, cảng tàu khách,... đây là những cửa ngõ xuất nhập khẩu không chỉ của Hải Phòng mà của cả vùng đồng bằng Bắc Bộ; trong khi đó, tỉnh Hải Dương có mạng lưới sông ngòi dày đặc, thuận lợi để phát triển đường thủy nội địa.

Ngoài ra thành phố Hải Phòng có Cảng hàng không quốc tế Cát Bi, hệ thống đường sắt kết nối hai hành lang, một vành đai kinh tế giữa Việt Nam - Trung Quốc.

- Về lịch sử, văn hóa, yếu tố đặc thù:

⁶¹ Theo Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp "Thành phố Hải Phòng có diện tích tự nhiên 3.194,7 km², quy mô dân số 4.102.700 người.

Cả hai tỉnh, thành phố đều có nền văn hóa dân gian phong phú, đặc biệt là hệ thống hát chèo, hát ca trù và hát trống quân, phản ánh đời sống sinh hoạt, lao động của cư dân vùng đồng bằng Bắc Bộ. Ngoài ra, thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương đều có các làn điệu dân ca riêng biệt, trong đó tỉnh Hải Dương nổi tiếng với hát giao duyên, hát đúm còn thành phố Hải Phòng có hát đúm Kiến Thụy, thể hiện sự tương đồng trong hình thức diễn xướng dân gian của hai địa phương. Nhìn chung, thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương có sự tương đồng về phong tục tập quán, tín ngưỡng, lễ hội và văn hóa dân gian, tạo nên một bản sắc văn hóa chung của vùng đồng bằng Bắc Bộ.

- Về cơ cấu kinh tế:

+ Cả hai tỉnh, thành phố đều có cơ cấu kinh tế tương đồng với tỷ lệ ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đạt trên 74%; thu nhập bình quân đầu người đạt trên 63 triệu đồng/năm.

+ Cả hai tỉnh, thành phố đều là các địa bàn công nghiệp trọng điểm. Tỉnh Hải Dương hiện có 542 dự án FDI đang hoạt động với tổng vốn hơn 10,3 tỷ USD, nhiều khu công nghiệp lớn (Đại An, Phú Thái, Tân Trường, VSIP, An Phát,...) đang thu hút mạnh mẽ nhà đầu tư; tỉnh đặt mục tiêu đến 2030 phát triển 33 khu công nghiệp (tổng 5.661 ha) và một khu kinh tế chuyên biệt dọc cao tốc Hà Nội - Hải Phòng. Trong khi đó, Hải Phòng là trung tâm sản xuất công nghiệp với tốc độ tăng trưởng kinh tế 2 con số liên tục 10 năm, cơ cấu công nghiệp – xây dựng chiếm tới ~53% GRDP, thu hút nhiều tập đoàn lớn (LG, Bridgestone, GE...) trong lĩnh vực điện tử, ô tô, thiết bị điện.

+ Thành phố Hải Phòng là cửa ngõ xuất nhập khẩu chính phía Bắc với cụm cảng biển nước sâu Lạch Huyện, cảng Hải Phòng cùng hệ thống kho bãi, logistics quy mô quốc tế. Hiện nay, phần lớn hàng hóa sản xuất tại tỉnh Hải Dương đều vận chuyển qua Hải Phòng để xuất khẩu và khoảng 80% nông sản của Hải Dương được lên kế hoạch xuất qua cảng Hải Phòng.

- Về định hướng phát triển:

Cả 02 tỉnh, thành phố đều đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó:

+ Đến năm 2030, định hướng thành phố Hải Phòng trở thành thành phố cảng biển lớn, đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số; là động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và cả nước; có công nghiệp hiện đại, thông minh, bền vững; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao ngang tầm với các thành phố tiêu biểu ở Châu Á (Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).

+ Đến năm 2030, định hướng tỉnh Hải Dương sẽ đạt một số tiêu chí cơ bản của thành phố trực thuộc trung ương. Đến năm 2050, trở thành thành phố trực thuộc trung ương (Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng

Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).

b) Về lựa chọn tên gọi ĐVHC sau hợp nhất là thành phố Hải Phòng

- Hải Phòng là địa danh có tính thương hiệu cao, nổi tiếng cả trong nước và quốc tế với các Danh xưng “Thành phố Cảng”, Thành phố hoa Phượng đỏ”, “Thành phố du lịch biển”,...: Thành phố Hải Phòng là 01 trong 06 thành phố trực thuộc trung ương, nằm ở vị trí chiến lược có thể kết nối trực tiếp với các thị trường quốc tế thông qua đường biển và hàng không; với hệ thống cảng biển lớn nhất miền Bắc (đặc biệt là cảng nước sâu Lạch Huyện), đồng bộ, hiện đại, nổi bật trong giao thương quốc tế, hậu cần (logistics), thương mại, là huyết mạch xuất nhập khẩu của miền Bắc. Đồng thời, là trung tâm công nghiệp, logistics, hàng không, du lịch biển giúp Hải Phòng trở thành cực tăng trưởng trọng điểm, không chỉ của Bắc Bộ mà còn của cả quốc gia. Với quy mô kinh tế vượt trội thành phố Hải Phòng có GRDP khoảng 430.000 tỷ đồng (2024). Do vậy, nếu đặt tên thành phố mới với tên gọi khác sẽ không phản ánh đúng bản chất kinh tế của khu vực sau sáp nhập. Khi một thực thể có Hải Phòng là hạt nhân phát triển, thì giữ tên Hải Phòng là sự lựa chọn tối ưu.

- Việc chọn tên thành phố mới là Hải Phòng (một trong hai tên sẵn có trước sáp nhập): (1) giúp giảm thiểu xáo trộn giấy tờ, tiết kiệm ngân sách, nhân lực, thời gian sau sáp nhập, qua đó bảo đảm nguyên tắc hạn chế tối đa tác động ảnh hưởng tới người dân, doanh nghiệp do phải chuyển đổi giấy tờ, chỉ dẫn địa lý; (2) đồng thời bảo đảm nguyên tắc dễ nhận diện, ngắn gọn, dễ đọc, dễ nhớ và phát huy được lợi thế so sánh của tỉnh mới với thương hiệu nhận diện là Hải Phòng, phù hợp với xu thế hội nhập của đất nước trong kỷ nguyên mới.

c) Về việc đặt trung tâm chính trị - hành chính

- Vị trí trung tâm, thuận lợi cho quản lý hành chính trên phạm vi toàn tỉnh: Khu đô thị Bắc sông Cấm nằm ở vị trí trung gian giữa thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương, Phía Đông giáp với đô thị trung tâm Hải Phòng, tận dụng tối đa hạ tầng hiện đại và các khu công nghiệp lớn; phía Tây kết nối trực tiếp với Hải Dương, giúp duy trì sự liên kết giữa hai khu vực trung tâm cũ; phía Bắc giáp Quảng Ninh, có tiềm năng mở rộng và liên kết vùng với một trong những trung tâm kinh tế mạnh nhất miền Bắc; Phía Nam nằm gần khu vực lõi đô thị Hải Phòng, vừa duy trì kết nối với cảng biển, vừa tránh áp lực đô thị quá tải. Lợi thế của Thủy Nguyên là nằm ở cửa ngõ giao thương quan trọng của tỉnh mới, giúp trung tâm chính trị - hành chính có khả năng điều phối hiệu quả giữa các khu vực kinh tế – đô thị, tạo ra sự cân bằng trong điều phối hành chính và thuận lợi cho việc quản lý trên phạm vi toàn thành phố mới.

- Hạ tầng giao thông đồng bộ, kết nối toàn bộ thành phố mới: Khu đô thị Bắc sông Cấm đã có sẵn hệ thống giao thông phát triển mạnh, với: Cầu Hoàng Văn Thụ và cầu Bình kết nối trực tiếp với trung tâm Hải Phòng, đảm bảo sự liên

thông hành chính và phát triển kinh tế; Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng - Hải Dương: Giúp Thủy Nguyên dễ dàng tiếp cận thủ đô Hà Nội và các khu vực kinh tế trọng điểm của miền Bắc; Cao tốc Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái: Mở ra cơ hội phát triển kinh tế và liên kết với khu vực biên giới; Quốc lộ 10 và Quốc lộ 5: Đóng vai trò trục giao thông quan trọng, giúp trung tâm chính trị - hành chính tỉnh mới dễ dàng điều phối quản lý trên toàn địa bàn. Không chỉ có lợi thế về đường bộ, Thủy Nguyên còn nằm gần sân bay quốc tế Cát Bi và hệ thống cảng biển Hải Phòng, giúp nâng cao khả năng kết nối với các địa phương trong và ngoài nước.

- Hạ tầng đô thị hiện đại, sẵn sàng tiếp nhận trung tâm chính trị - hành chính cấp tỉnh: Hệ thống hạ tầng đô thị hiện đại, đã có sẵn các khu đô thị mới và trung tâm chính trị - hành chính mới, đảm bảo hiệu quả công tác, chất lượng sống cao cho cán bộ, công chức và người dân; quỹ đất rộng, có khả năng mở rộng không gian đô thị mới mà không gây áp lực lên không gian đô thị hiện hữu; mô hình đô thị thông minh, giúp tạo ra một trung tâm chính trị - hành chính theo hướng hiện đại, khoa học và hiệu quả; Gần các khu công nghiệp lớn, dễ dàng tiếp cận các khu vực phát triển kinh tế trọng điểm. So với các khu vực khác trong tỉnh mới, Thủy Nguyên có lợi thế lớn về hạ tầng và khả năng quy hoạch, đảm bảo một trung tâm chính trị - hành chính có tính đồng bộ cao, đáp ứng nhu cầu phát triển trong ít nhất 50 năm tới.

- Tiềm lực kinh tế mạnh, đảm bảo sự phát triển bền vững của tỉnh mới: Khu đô thị Bắc sông Cẩm không chỉ có vai trò hành chính mà còn là một trong những trung tâm kinh tế quan trọng của Hải Phòng, với hệ thống khu công nghiệp lớn và định hướng phát triển mạnh về công nghiệp - dịch vụ: Cụm công nghiệp - đô thị Bắc sông Cẩm được quy hoạch để trở thành trung tâm tài chính - dịch vụ - công nghiệp hàng đầu. Hệ thống khu công nghiệp lớn như VSIP Hải Phòng, Nam Cầu Kiền, An Dương, giúp tạo ra nguồn thu ngân sách ổn định. Với động lực kinh tế mạnh, Thủy Nguyên có khả năng đóng vai trò điều phối phát triển kinh tế cho toàn bộ thành phố khi sáp nhập, thay vì chỉ đơn thuần là một trung tâm chính trị - hành chính.

2. Kết quả

- Thành phố Hải Phòng (mới) có: 3.194,7 km² (đạt 212,98% so với tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc trung ương), Quy mô dân số 4.664.124 người (đạt 466,41% so với tiêu chuẩn), 114 ĐVHC trực thuộc.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề:

- + Phía Đông giáp tỉnh Quảng Ninh và Vịnh Bắc Bộ.
- + Phía Tây giáp tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Hưng Yên.
- + Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Bắc Giang (tỉnh Bắc Ninh mới).
- + Phía Nam giáp tỉnh Thái Bình (tỉnh Hưng Yên mới).

- Nơi đặt Trung tâm chính trị - hành chính của thành phố Hải Phòng (mới): Khu đô thị mới Bắc sông Cấm⁶¹, thành phố Hải Phòng.

Trong giai đoạn đầu hợp nhất, có thể bố trí tỷ lệ hợp lý số lượng cán bộ, công chức, viên chức làm việc đồng thời tại trụ sở hành chính của tỉnh Hải Dương (cũ) và tại trung tâm chính trị - hành chính của thành phố Hải Phòng (mới) để bảo đảm công tác quản lý nhà nước tại địa phương và giảm bớt khó khăn trong việc đi lại, sinh hoạt của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

II. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH: Không có.

⁶¹ Khu đô thị Bắc sông Cấm thuộc địa phận thành phố Thủy Nguyên hiện nay và là khu vực phát triển Trung tâm Chính trị - Hành chính mới của thành phố Hải Phòng.

Phần IV.

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Tác động tích cực

1.1. Tác động đến công tác quản lý nhà nước

- Thực hiện sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh tạo ra thay đổi tích cực, hướng đến nâng cao được hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, giúp tiết kiệm ngân sách nhà nước chỉ cho việc bảo đảm hoạt động của bộ máy quản lý.

- Thông qua việc sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo vị trí việc làm, góp phần nâng cao chất lượng và trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại những ĐVHC thực hiện sắp xếp; cán bộ, công chức thấy rõ trách nhiệm của mình đối với công việc, thường xuyên tu dưỡng đạo đức, trau dồi nghiệp vụ để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong giải quyết công việc. Đối với những người không đủ điều kiện tiêu chuẩn, không đáp ứng được yêu cầu tình hình mới thì thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

- Khắc phục một phần tình trạng biệt lập trong hoạch định và thực thi chính sách của các địa phương; góp phần kết nối đồng bộ cơ sở hạ tầng; chia sẻ, lan tỏa kinh nghiệm tốt trong quản lý nhà nước và phát triển kinh tế giữa các khu vực có trình độ quản lý và phát triển kinh tế cao với khu vực liền kề.

1.2. Tác động đến phát triển kinh tế

- Việc sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh giúp hình thành các ĐVHC mới có quy mô lớn, mở rộng không gian phát triển, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế sẵn có của các địa phương, tạo thuận lợi để thu hút các dự án đầu tư hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng thương mại, dịch vụ, tạo kết nối và giao lưu phát triển giữa các địa phương, từ đó nâng cao tính tự chủ, khả năng thích ứng, sức chống chịu của nền kinh tế địa phương, đủ tiềm lực để cạnh tranh với các ĐVHC của các nước trong khu vực và trên thế giới, khắc phục tình trạng nền kinh tế bị chia cắt, manh mún, nhỏ lẻ hoặc đầu tư dàn trải, phân tán.

- Việc sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh cùng với việc triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp sẽ góp phần giải quyết triệt để các vấn đề về sử dụng tài nguyên, môi trường, khắc phục một phần tình trạng biệt lập trong hoạch định và thực thi chính sách của các địa phương.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát huy tiềm năng, lợi thế của các địa phương về điều kiện tự nhiên, nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế - xã hội; sắp xếp hợp lý nguồn lao động, tạo ra động lực mới cho sự phát triển, góp phần

thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường quản lý nhà nước, đảm bảo quốc phòng, an ninh, phù hợp với nguyện vọng của các cấp ủy đảng, chính quyền và Nhân dân địa phương.

1.3. Tác động về xã hội

- Sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh giúp quy hoạch tốt hơn về hạ tầng, giao thông, tăng nguồn lực đầu tư, phát triển kinh tế địa phương, thu hút doanh nghiệp và nhà đầu tư, từ đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế của địa phương và nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân; tạo thêm việc làm, thu nhập cho người dân.

- Việc mở rộng quy mô ĐVHC tạo điều kiện giải quyết tốt hơn các vấn đề về ô nhiễm môi trường, thu gom, xử lý chất thải, các vấn đề an sinh xã hội trên địa bàn.

- Trên cơ sở ĐVHC cấp tỉnh mới có quy mô dân số và diện tích lớn hơn, cùng với việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương cấp cơ sở, chính quyền cơ sở trực tiếp quyết định và giải quyết các vấn đề liên quan đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân trên địa bàn, là căn cứ để cải cách hành chính theo hướng đơn giản hoá trình tự, thủ tục, hồ sơ, giúp tiết kiệm chi phí cho người dân; doanh nghiệp trên địa bàn.

- Sự tương đồng về các yếu tố tôn giáo, phong tục, tập quán và các mối quan hệ kinh tế, chính trị truyền thống giữa các cộng đồng dân cư của các ĐVHC thực hiện sắp xếp tạo điều kiện cho việc mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, thúc đẩy các hoạt động giao lưu văn hoá làm tiền đề cho việc xây dựng các hoạt động du lịch, văn hóa, hỗ trợ phát triển kinh tế.

1.4. Tác động về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội

- Sau khi sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh thì diện tích tự nhiên, quy mô dân số của ĐVHC cấp tỉnh mới lớn hơn, thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch tác chiến, phòng thủ theo địa bàn, khu vực.

- Sau sắp xếp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất hơn của lực lượng Quân sự, Công an. Từ đó, công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa bàn cơ sở ổn định hơn.

1.5. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

- Tiết kiệm ngân sách nhà nước hằng năm cho thực hiện cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công do giảm số lượng ĐVHC.

- Có điều kiện tập trung nguồn lực để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, áp dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công tại các ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp, sáp nhập.

2. Tác động tiêu cực

2.1. Tác động đến công tác quản lý nhà nước

- Việc sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh bước đầu có thể gây ra các khó khăn về địa lý, giao thông đi lại của người dân và doanh nghiệp khi có liên hệ công tác, giải quyết thủ tục hành chính với chính quyền ĐVHC cấp tỉnh mới; cùng với đó là thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã nên số lượng cán bộ, công chức, viên chức dồi dào dư thừa, khó khăn trong công tác bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách đối với đội ngũ dồi dào dư thừa sau sắp xếp.

- Sau khi hợp nhất 02 địa phương, cần nghiên cứu kỹ lưỡng và xây dựng các biện pháp, giải pháp mang tính đột phá để cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại đặc biệt theo mục tiêu phấn đấu xây dựng quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Việc mở rộng quy mô ĐVHC đồng thời với việc bỏ ĐVHC cấp trung gian (cấp huyện) trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0 đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức phải giỏi thích ứng với sự thay đổi về chuyên môn nghiệp vụ và có trình độ quản lý nhà nước phù hợp với vị trí việc làm, có khả năng ngoại ngữ và tin học để tiếp nhận các xu thế công nghệ mới và biết áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý nhà nước ở địa phương. Tuy nhiên, trên thực tế, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức vẫn chưa thể đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới sáng tạo. Theo đó, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức của chính quyền địa phương là thách thức và là yêu cầu bắt buộc trong quá trình thực hiện đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền phương.

- Việc sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức tác động, ảnh hưởng đến tâm tư nguyện vọng của một bộ phận cán bộ, công chức.

2.2. Tác động đến phát triển kinh tế

- Sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh sẽ có phát sinh chi ngân sách để khắc các con dấu pháp lý mới và để thực hiện chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp, chỉnh lý, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

- Khi sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, thu hút đầu tư có thể bị thay đổi, gây gián đoạn hoạt động sản xuất - kinh doanh; các chính sách ưu đãi kinh tế trước đây có thể bị mất đi hoặc điều chỉnh theo ĐVHC mới, ảnh hưởng đến doanh nghiệp và nhà đầu tư; việc thay đổi địa giới hành chính có thể làm gián đoạn các quy hoạch kinh tế - xã hội, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công.

- Một số doanh nghiệp và người dân có thể lo ngại việc thay đổi địa giới hành chính sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi, nhất là về thuế, đất đai, vay vốn kinh doanh. Tâm lý chưa quen với sự thay đổi có thể làm chậm tiến trình chuyển đổi, ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

2.3. Tác động về xã hội

- Việc sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh dẫn đến một số khu vực mất đi địa danh truyền thống, tác động đến tâm tư, tình cảm của cộng đồng dân cư ở địa phương.

- Việc thay đổi địa giới hành chính ảnh hưởng trực tiếp đến các thông tin cá nhân trong hồ sơ, giấy tờ của người dân; có thể gây ra tâm lý ngại chuyển đổi.

2.4. Tác động về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội

Sau khi sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh sẽ dẫn đến địa bàn rộng hơn, không còn cấp trung gian là cấp huyện thì khi phát sinh các vấn đề xã hội tại các khu dân cư có thể không được giải quyết kịp thời, dễ xảy ra các mâu thuẫn kéo dài, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự an toàn xã hội ở một số địa bàn.

2.5. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

- Sau khi sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh, cùng với việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đòi hỏi phải tính toán, xác lập lại các quy trình giải quyết thủ tục hành chính cho phù hợp với thẩm quyền của cấp tỉnh và cấp xã, do đó ảnh hưởng trực tiếp đến việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp.

- Việc sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh làm khối lượng công việc liên quan đến thủ tục hành chính sẽ gia tăng đột biến do phải thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ cho nhân dân, cơ quan, doanh nghiệp (việc đăng ký biến động đất đai, nhà ở, bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe, đăng ký kinh doanh,...).

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHỀ ĐÓ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

1.1. Đối với cấp tỉnh

1.1.1. Về tổ chức đảng

a) Về tổ chức: Thực hiện theo quyết định của Trung ương.

b) Về số lượng cấp ủy viên, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Bí thư Thành ủy; số lượng ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Hải Phòng (mới)

- Số lượng cấp ủy viên, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy viên Ủy ban kiểm tra Thành ủy Hải Phòng (mới) tối đa không vượt quá tổng số hiện có của Thành ủy Hải Phòng (cũ) và Tỉnh ủy Hải Dương (cũ) trước khi sắp xếp trừ đi số lượng các đồng chí nghỉ hưu, nghỉ công tác, chuyển công tác khác.

- Số lượng Phó Bí thư Thành ủy, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Hải Phòng (mới) tối đa không vượt quá tổng số cấp trưởng, cấp phó hiện có

của Thành ủy Hải Phòng (cũ) và Tỉnh ủy Hải Dương (cũ) trước khi sắp xếp **trừ đi** số lượng các đồng chí nghỉ hưu, nghỉ công tác, chuyển công tác khác.

Cụ thể như sau:

- Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng: **94** người (thành phố Hải Phòng cũ **48** người và tỉnh Hải Dương cũ **46** người).

- Ban Thường vụ Thành ủy: **29** người (thành phố Hải Phòng cũ **13** người và tỉnh Hải Dương cũ **16** người).

- Thường trực Thành ủy: Theo quyết định của Trung ương.

- Ủy viên Ủy ban kiểm tra Thành ủy: **19** người.

- Số lượng Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy: Dự kiến 05 người.

c) Các tổ chức đảng trực thuộc Đảng bộ thành phố:

- 05 đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng:

+ Đảng bộ Các cơ quan đảng thành phố (hợp nhất Đảng bộ Các cơ quan đảng thành phố Hải Phòng và Đảng bộ Các cơ quan đảng tỉnh Hải Dương).

+ Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố (hợp nhất Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương).

+ Đảng bộ Quân sự thành phố (hợp nhất Đảng bộ Quân sự thành phố Hải Phòng và Đảng bộ Quân sự tỉnh Hải Dương).

+ Đảng bộ Công an thành phố (hợp nhất Đảng bộ Công an thành phố Hải Phòng và Đảng bộ Công an tỉnh Hải Dương).

+ Đảng bộ Bộ đội Biên phòng Hải Phòng (giữ nguyên Đảng bộ Bộ đội Biên phòng Hải Phòng hiện nay).

- Đảng bộ các phường, xã, đặc khu (thành lập theo đơn vị hành chính cấp xã mới).

(Kết thúc hoạt động của các đảng bộ cấp huyện theo chỉ đạo của Trung ương khi không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện theo Nghị quyết của Quốc hội).

d) Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy

Hợp nhất các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy Hải Phòng và Tỉnh ủy Hải Dương; theo đó, các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy Hải Phòng (mới) bao gồm:

- Ban Tổ chức Thành ủy;

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy;

- Ủy ban Kiểm tra Thành ủy;

- Ban Nội chính Thành ủy;

- Văn phòng Thành ủy

Đồng thời, tiếp tục rà soát cụ thể để thực hiện việc bố trí, sắp xếp theo hướng hợp nhất các phòng, ban trực thuộc các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy Hải Phòng và Tỉnh ủy Hải Dương có chức năng, nhiệm vụ tương đồng.

đ) Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Thành ủy:

Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập hiện có theo hướng dẫn của Trung ương đảm bảo tinh gọn đầu mối. Đồng thời, tiếp tục rà soát cụ thể để thực hiện việc bố trí, sắp xếp theo hướng hợp nhất các phòng, ban trực thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng, nhiệm vụ tương đồng.

(chi tiết tại Phụ lục số 04 gửi kèm theo)

1.1.2. Về Đoàn đại biểu Quốc hội

a) Về tổ chức: Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng chủ trì, phối hợp với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hải Dương xây dựng đề án, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định thành lập Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng (mới) trên cơ sở hợp nhất Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hải Dương; chỉ định/phê chuẩn kết quả bầu Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng.

b) Về số lượng đại biểu Quốc hội, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng (mới)

- Số lượng đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng (mới) tối đa không vượt quá tổng số hiện có của đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng (cũ) và đại biểu Quốc hội thành phố tỉnh Hải Dương (cũ) trước khi sắp xếp **trừ đi** số lượng các đồng chí chuyển công tác khác hoặc thôi tham gia đại biểu Quốc hội.

- Số lượng Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng (mới) tối đa không vượt quá tổng số cấp phó hiện có của Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng (cũ) và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hải Dương (cũ) trước khi sắp xếp **trừ đi** số lượng các đồng chí chuyển công tác khác hoặc thôi tham gia đại biểu Quốc hội.

Cụ thể như sau:

- Đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng: **18** người (thành phố Hải Phòng cũ **10** người và tỉnh Hải Dương cũ **08** người).

- Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng: **03** người (01 Trưởng đoàn và 02 Phó Trưởng đoàn chuyên trách của thành phố Hải Phòng cũ và tỉnh Hải Dương cũ; 01 Trưởng đoàn cũ thôi kiêm nhiệm).

1.1.3. Về Hội đồng nhân dân

- Theo định hướng của Trung ương về cơ cấu của chính quyền địa phương cấp tỉnh:

“- Chính quyền địa phương cấp tỉnh gồm có HĐND và UBND.

- HĐND cấp tỉnh tổ chức 3 - 4 ban chuyên môn giúp việc; theo đó, HĐND tỉnh thành lập 03 Ban gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội (đối với tỉnh có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số có thể thành lập thêm Ban Dân tộc); HĐND thành phố trực thuộc trung ương thành lập 04 Ban (Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội và Ban Đô thị) theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025”.

- Theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025:

“...3. Khóa của Hội đồng nhân dân ở ĐVHC mới sau sắp xếp được xác định như sau: a) Trường hợp ĐVHC mới sau sắp xếp giữ nguyên tên gọi của một trong các ĐVHC trước sắp xếp thì khóa của Hội đồng nhân dân ở ĐVHC sau sắp xếp tiếp tục tính theo khóa của Hội đồng nhân dân ở ĐVHC được giữ nguyên tên gọi;

...5. Thực hiện nhập nguyên trạng Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh...”.

Cụ thể như sau:

(1) Đại biểu Hội đồng nhân dân của thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương được hợp thành Hội đồng nhân dân của ĐVHC mới là Thành phố Hải Phòng và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Số lượng như sau:

- Số lượng đại biểu HĐND thành phố: **119** đại biểu (thành phố Hải Phòng cũ **62** người và tỉnh Hải Dương cũ **57** người).

- Thường trực HĐND thành phố: Dự kiến **08** người (trong đó có 04 Trưởng ban HĐND).

- Các ban HĐND thành phố: **04** ban, gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội và Ban Đô thị, trong đó:

+ Ban Pháp chế: **16** thành viên, gồm Trưởng ban, **03** Phó ban và **12** Ủy viên.

+ Ban Kinh tế - Ngân sách: **15** thành viên, gồm Trưởng ban, **03** Phó ban và **11** Ủy viên.

+ Ban Văn hóa - Xã hội: **17** thành viên, gồm Trưởng ban, **03** Phó ban và **13** Ủy viên.

+ Ban Đô thị: **08** thành viên, gồm Trưởng ban, **01** Phó ban và **06** Ủy viên.

- Đối với Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND thành phố: Hợp nhất 02 Văn phòng của 02 địa phương:

+ Lãnh đạo Văn phòng: **08** lãnh đạo (Chánh Văn phòng và 07 Phó Chánh Văn phòng);

+ Phòng chuyên môn trực thuộc Văn phòng: **04** Phòng (sắp xếp giảm các phòng chuyên môn có chức năng, nhiệm vụ tương đồng).

(2) Khi thực hiện hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh thì không bầu cử các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân thành phố; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố mà tiến hành chỉ định, bổ nhiệm nhân sự theo hướng dẫn của Trung ương.

(3) Do giữ nguyên tên gọi thành phố Hải Phòng, khóa của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng **mới** tiếp tục tính theo khóa của thành phố Hải Phòng trước khi hợp nhất (*khóa XVI*).

(chi tiết tại Phụ lục số 05 gửi kèm theo)

1.1.4. Về Ủy ban nhân dân

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025: *“Tổ chức UBND cấp tỉnh sau khi sắp xếp ĐVHC thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền”*.

- Về số lượng:

+ Thành viên UBND thành phố: **22** người.

+ Lãnh đạo UBND thành phố: **07** người, gồm Chủ tịch và **06** Phó Chủ tịch.

+ Ủy viên UBND thành phố: **15** (người đứng đầu 13 sở và tương đương, Giám đốc Công an và Chỉ huy trưởng quân sự).

1.1.5. Về các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND thành phố

Theo định hướng của Trung ương về cơ cấu của chính quyền địa phương cấp tỉnh, theo đó: UBND cấp tỉnh tổ chức tối đa 14 Sở và tương đương theo quy định của Chính phủ.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025: *“... các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh được tổ chức thống nhất ở các địa phương. Đối với các cơ quan chuyên môn đặc thù thuộc UBND cấp tỉnh thì việc tổ chức do chính quyền địa phương cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp quy định của Chính phủ...”*

Phương án sau tổ chức các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND thành phố Hải Phòng (mới) như sau:

- Đối với các sở, ngành và tương đương:

+ Hợp nhất 24 sở của 02 địa phương theo quy định tại Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ⁶² thành 12 Sở; hợp nhất 02 tổ chức tương đương sở của 02 địa phương (Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và Ban Quản lý các khu công nghiệp Hải Dương) thành 01 tổ chức.

+ Giữ nguyên 01 sở đặc thù (Sở Ngoại vụ Hải Phòng).

Sau hợp nhất 02 địa phương, số lượng các sở, gồm: (1) Sở Nội vụ; (2) Sở Y tế; (3) Sở Tư pháp; (4) Sở Nông nghiệp và Môi trường; (5) Sở Công Thương; (6) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (7) Sở Tài chính; (8) Sở Khoa học và Công nghệ; (9) Sở Xây dựng; (10) Sở Giáo dục và Đào tạo; (11) Sở Ngoại vụ (sở đặc thù); (12) Văn phòng UBND thành phố; (13) Thanh tra thành phố; (14) Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

- Đối với các tổ chức (phòng chuyên môn và ban, chi cục) trực thuộc sở, ngành: Sắp xếp giảm các phòng chuyên môn, tổ chức hành chính tại 02 địa phương có chức năng, nhiệm vụ tương đồng. Dự kiến còn 108/211 tổ chức (đồng thời, rà soát, sắp xếp đầu mối bên trong tổ chức cho phù hợp);

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ngành: Sắp xếp giảm các đơn vị sự nghiệp công lập tại 02 địa phương có chức năng, nhiệm vụ tương đồng. Dự kiến còn 169/220 tổ chức (đồng thời, rà soát, sắp xếp đầu mối bên trong đơn vị cho phù hợp).

Riêng đối với Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Văn phòng UBND tỉnh Hải Dương: Tại Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10/7/2024 phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2024 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương, mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công được triển khai thí điểm ở các tỉnh Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh. Vì vậy, trước mắt, giữ nguyên mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Văn phòng UBND tỉnh Hải Dương thành Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Văn phòng UBND Hải Phòng (mới). Sau khi Đề án được thông qua, sẽ rà soát, đánh giá để tiếp tục đề xuất việc tổ chức mô hình của Trung tâm này.

1.1.6. Về các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố

Hiện nay, UBND thành phố Hải Phòng đang thực hiện thủ tục giải thể Nhà xuất bản Hải Phòng (dự kiến hoàn thành trước khi hợp nhất 02 tỉnh, thành phố).

Trước mắt, khi hợp nhất, sắp xếp giảm các đơn vị sự nghiệp công lập tại 02 địa phương có chức năng, nhiệm vụ tương đồng: Hợp nhất Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng (cũ) và Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hải Dương (cũ) thành Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng (mới). Số đơn vị sự

⁶² Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương

ng nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố Hải Phòng (mới) dự kiến còn 11/13 đơn vị.

Sau khi Đề án được thông qua, tiếp tục nghiên cứu sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của Trung ương đảm bảo tinh gọn đầu mối; đồng thời, rà soát, sắp xếp đầu mối bên trong đơn vị cho phù hợp.

(chi tiết tại Phụ lục số 06 gửi kèm theo)

1.1.7. Về Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội

Tại Kế hoạch số 47-KH/BCĐ ngày 14/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể Trung ương có trách nhiệm ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương sắp xếp các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã đồng bộ với việc sáp nhập đơn vị hành chính (dự kiến hoàn thành trước ngày 15/6/2025). Vì vậy, trước mắt, khi hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng, thực hiện hợp nhất nguyên trạng tổ chức Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của 2 tỉnh, thành phố. Việc sắp xếp các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ về trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện sau khi có hướng dẫn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

(chi tiết tại Phụ lục số 07 gửi kèm theo)

1.2. Đối với cấp huyện: Khi kết thúc hoạt động của cấp huyện, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong hệ thống chính trị cấp huyện sẽ chuyển về cấp thành phố hoặc cấp cơ sở thực hiện theo quy định.

1.3. Đối với cấp xã: Thực hiện theo Đề án sắp xếp các ĐVHC cấp xã.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025); Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và Hướng dẫn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo về định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện sắp xếp ĐVHC, thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương đã thống nhất giảm khoảng 70% ĐVHC cấp xã.

Sau sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã, thành phố Hải Phòng dự kiến có 114 ĐVHC cấp xã (50 xã thuộc thành phố Hải Phòng, 64 thuộc tỉnh Hải Dương).

(chi tiết tại Phụ lục số 08 gửi kèm theo)

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

2.1. Hiện trạng

a) Số được giao năm 2025:

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương NSNN thành phố được giao năm 2025: **17.823** người (gồm thành phố Hải Phòng (cũ) là 10.415 người và tỉnh Hải Dương (cũ) là 7.408 người), trong đó:

- Cán bộ, công chức: **3.091** người, trong đó:
 - + Cán bộ, công chức khối đảng, các tổ chức chính trị xã hội: 752 (Hải Phòng là 390; Hải Dương là 362);
 - + Cán bộ, công chức khối chính quyền: 2.339 (Hải Phòng là 1.439; Hải Dương là 900).
- Viên chức hưởng lương NSNN: **14.732** người, trong đó:
 - + Viên chức khối đảng, các tổ chức chính trị xã hội: 121 (Hải Phòng là 52; Hải Dương là 69);
 - + Viên chức khối chính quyền: 14.611 (Hải Phòng là 8.534; Hải Dương là 6.077).

b) Số hiện có:

Tổng số có **28.543** cán bộ, công chức, viên chức (bao gồm viên chức hưởng lương NSNN và viên chức hưởng lương nguồn thu sự nghiệp) thành phố⁶³ (gồm thành phố Hải Phòng (cũ) là 15.372 người và tỉnh Hải Dương (cũ) là 13.171 người), trong đó:

- Cán bộ, công chức: **2.927** người, trong đó:
 - + Cán bộ, công chức khối đảng, các tổ chức chính trị xã hội: 675 (Hải Phòng là 352; Hải Dương là 323);
 - + Cán bộ, công chức khối chính quyền: 2.252 (Hải Phòng là 1.413; Hải Dương là 839).
- Viên chức: **25.616** người, trong đó:
 - + Viên chức khối đảng, các tổ chức chính trị xã hội: 457 (Hải Phòng là 248; Hải Dương là 209);
 - + Viên chức khối chính quyền: 25.159 (Hải Phòng là 13.359; Hải Dương là 11.800).

⁶³ Chỉ tính cán bộ, công chức các sở, ban, ngành (và tương đương) của thành phố Hải Phòng (cũ) và tỉnh Hải Dương (cũ) và viên chức các ĐVSN công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh, sở, ban, ngành (bao gồm cả đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội).

(chi tiết tại Phụ lục số 09 gửi kèm theo)

2.2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

Việc bố trí, sắp xếp chức danh lãnh đạo, quản lý, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thành phố Hải Phòng (mới) thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng, Điều lệ các tổ chức chính trị xã hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND; Nghị định số 69/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 sửa đổi một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND; Nghị định số 115/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 sửa đổi một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND.

Về phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức: Thực hiện theo Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025 và định hướng Ban chỉ đạo của Chính phủ về sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp tại Công văn số 003/CV-BCĐ ngày 15/4/2025, theo đó: Tổng số cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Hải Phòng (mới) không vượt quá tổng số cán bộ, công chức, viên chức (số có mặt) của cấp tỉnh tại thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương trước sắp xếp là 28.543 người. Đồng thời, thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ theo lộ trình, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản số lượng biên chế thực hiện theo đúng quy định.

(1) Phương án bố trí, sắp xếp chức danh lãnh đạo, quản lý

a) Phương án bố trí, sắp xếp đối với các cơ quan Đảng, Mặt trận, Tổ chức chính trị - xã hội

Thực hiện theo quy định hiện hành và chủ trương, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về hợp nhất, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh và Kết luận số 150-KL/TW ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị hướng dẫn xây dựng phương án nhân sự cấp ủy cấp tỉnh thuộc diện hợp nhất, sáp nhập và cấp xã thành lập mới.

b) Phương án bố trí, sắp xếp cấp trưởng, cấp phó Ban của HĐND; cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố:

- Các Ban của HĐND:

+ Tổng số hiện có **14** người, gồm 07 Trưởng ban (chuyên trách); 07 Phó Trưởng ban (chuyên trách).

+ Số được bổ trí theo quy định là 08 người, gồm 04 Trưởng ban và 04 Phó Trưởng ban,

+ Số dôi dư là 06 người, gồm 03 Trưởng ban và 03 Phó Trưởng ban.

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố (và tương đương):

+ Tổng số hiện có 131 người, gồm 27 Giám đốc và tương đương; 104 Phó Giám đốc và tương đương.

+ Số được bổ trí theo quy định là 56 người, gồm 14 Giám đốc và tương đương; 42 Phó Giám đốc và tương đương.

+ Số dôi dư là 75 người, gồm 13 cấp trưởng và 62 cấp phó.

Trừ số nghỉ hưu, nghỉ công tác và chuyển công tác khác, dự kiến tiếp tục bổ trí làm cấp phó tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Hải Phòng (mới) hoặc cơ quan, đơn vị khác trong thành phố có vị trí chuyên môn phù hợp.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố (trừ đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo do ổn định tổ chức):

+ Tổng số hiện có 42 người, gồm 13 cấp trưởng và 29 cấp phó.

+ Số được bổ trí theo quy định là 44 người, gồm 11 cấp trưởng và tối đa 33 cấp phó.

Trừ số nghỉ hưu, nghỉ công tác và chuyển công tác khác, dự kiến tiếp tục bổ trí làm cấp phó tại các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố Hải Phòng (mới) hoặc cơ quan, đơn vị khác trong thành phố có vị trí chuyên môn phù hợp.

Chủ tịch UBND thành phố bổ nhiệm cấp trưởng, cấp phó của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp theo thẩm quyền; trong vòng 05 năm kể từ ngày sắp xếp, phải bổ trí đảm bảo đúng số lượng cấp phó theo quy định.

c) Phương án bổ trí đối với lãnh đạo, quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở:

- Tổng số hiện có **642** người, gồm **211** cấp trưởng và **431** cấp phó.

- Số được bổ trí theo quy định là **565** người, gồm **169** cấp trưởng và **396** cấp phó.

- Số dôi dư là 77 người, gồm 42 cấp trưởng và 35 cấp phó.

Trừ số nghỉ hưu, nghỉ công tác và chuyển công tác khác, dự kiến tiếp tục bổ trí làm cấp phó tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở (mới) hoặc cơ quan, đơn vị khác thuộc thành phố có vị trí chuyên môn phù hợp.

d) Việc lựa chọn cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý theo chỉ đạo của Trung ương và hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Văn bản số 7968/BNV-

CCVC ngày 08/12/2024 về việc định hướng xây dựng phương án bố trí, sắp xếp CBCCVC và người làm việc theo chế độ HDLD khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính; đồng thời, sớm xây dựng tiêu chí cụ thể lựa chọn cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

(2) Phương án bố trí, sắp xếp số lượng công chức, viên chức còn lại

Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, tạm thời vẫn giữ ổn định số lượng biên chế, nhân sự hiện có tại các cơ quan, đơn vị để rà soát, sắp xếp, bố trí thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của Thành phố⁶⁴. Trên cơ sở định hướng của Trung ương, Thành phố sẽ có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể về lộ trình tinh giản biên chế công chức hành chính và giảm số lượng người làm việc để đảm bảo thực hiện đúng tỷ lệ giảm do Trung ương quy định.

Thực hiện giảm theo lộ trình từng năm để đảm bảo số lượng công chức, viên chức đúng quy định của trung ương như sau:

- Giải quyết chế độ nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định.
- Thực hiện điều chuyển sang các vị trí phù hợp ở các đơn vị trên địa bàn thành phố còn thiếu (hoặc thay thế các vị trí phù hợp ở đơn vị có người nghỉ hưu, nghỉ chế độ theo quy định).
- Giải quyết chế độ theo chính sách hiện có của Trung ương và của thành phố đối với các trường hợp có nguyện vọng và đủ điều kiện (*Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế; Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ; Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của HĐND thành phố về chính sách hỗ trợ đối tượng tinh giản biên chế, đối tượng tự nguyện nghỉ công tác trước tuổi tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hải Phòng...*).

Đồng thời, nghiên cứu thực hiện các biện pháp hỗ trợ kết nối, tư vấn, giới thiệu việc làm cho cán bộ, công chức, viên chức dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy.

III. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Hiện trạng

Tổng số trụ sở công tại thành phố Hải Phòng (cũ) và tỉnh Hải Dương (cũ) liên quan sắp xếp là 932 trụ sở (khối đảng 13 trụ sở, khối cơ quan nhà nước 88 trụ sở; khối các tổ chức chính trị xã hội 09 trụ sở; đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp tỉnh 26 trụ sở; đơn vị sự nghiệp thuộc khối Đảng 09; đơn vị sự nghiệp thuộc

⁶⁴ Đối với lao động hợp đồng: Người đứng đầu cơ quan, đơn vị sau sắp xếp căn cứ quy định của pháp luật và tình hình thực tế có trách nhiệm xem xét, bố trí và giải quyết theo quy định, đảm bảo chế độ, chính sách cho người lao động.

cơ quan Nhà nước 72 trụ sở; đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục 677 trụ sở; đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực kiểm lâm, chăn nuôi 26 trụ sở; khối các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức khác 12 trụ sở).

- Thành phố Hải Phòng: 482 trụ sở (khối đảng 12 trụ sở, khối cơ quan nhà nước 62 trụ sở; khối các tổ chức chính trị xã hội 05 trụ sở; đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp tỉnh 17 trụ sở; đơn vị sự nghiệp thuộc khối Đảng 06 trụ sở; đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan Nhà nước 42 trụ sở; đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục 326 trụ sở; đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực kiểm lâm, chăn nuôi 11 trụ sở; khối các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức khác 01 trụ sở).

- Tỉnh Hải Dương: 450 trụ sở (khối đảng 01 trụ sở, khối cơ quan nhà nước 26 trụ sở; khối các tổ chức chính trị xã hội 04 trụ sở; đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp tỉnh 09 trụ sở; đơn vị sự nghiệp thuộc khối Đảng 03 trụ sở; đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan Nhà nước 30 trụ sở; đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục 351 trụ sở; đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực kiểm lâm, chăn nuôi 15 trụ sở; khối các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức khác 11 trụ sở).

(chi tiết tại Phụ lục số 10 gửi kèm theo)

2. Phương án và lộ trình sắp xếp

Tại Điều 12 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025 quy định:

“1. Việc bố trí, sử dụng trụ sở, xử lý tài chính, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài chính, tài sản công và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng, tiêu cực.

2. Chính quyền địa phương cấp tỉnh nơi dự kiến bố trí trụ sở hành chính của ĐVHC cấp tỉnh dự kiến hình thành sau sắp xếp có trách nhiệm chủ động cân đối, bố trí ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của ĐVHC hình thành sau sắp xếp; quan tâm bố trí nhà ở công vụ, phương tiện đi lại cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các ĐVHC thực hiện sắp xếp để ổn định điều kiện làm việc tại ĐVHC mới sau sắp xếp...”

Căn cứ quy định của Trung ương, thành phố Hải Phòng thực hiện Việc sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công thực hiện theo quy định của Trung ương, theo đó:

- Tạm dừng phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc tại cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện sắp xếp.

- Căn cứ quy định hiện hành, phương án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh và các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Tài chính chủ trì tham

mưu UBND thành phố xây dựng và triển khai phương án xử lý cơ sở vật chất, trụ sở làm việc, tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố thực hiện sắp xếp để kịp thời điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế và theo quy định của pháp luật; bảo đảm bố trí, sắp xếp, sử dụng, khai thác hiệu quả tài sản công hiện có.

- Việc xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024); Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ; Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà và đất.

Trong vòng 03 năm, kể từ ngày Nghị quyết của Quốc hội về việc sáp nhập tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng có hiệu lực thi hành, UBND thành phố Hải Phòng hoàn thành việc việc sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công của các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm khai thác, sử dụng có hiệu quả và không lãng phí.

- Về phương án đảm bảo điều kiện làm việc cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Hải Dương:

+ Về phương tiện đi lại: Nghiên cứu bố trí phương tiện đường sắt, đường bộ hoặc kết hợp giữa đường sắt và đường bộ; xem xét hỗ trợ kinh phí đi lại để đảm bảo thuận lợi nhất cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Hải Dương đến làm việc tại Trung tâm chính trị - hành chính của thành phố Hải Phòng (mới).

+ Về nhà ở: Triển khai các giải pháp ngắn hạn (bố trí nhà ở thuộc tài sản công, cho thuê tạm thời nhà ở xã hội; cung cấp thông tin về các dự án nhà ở thương mại...) và nghiên cứu các giải pháp dài hạn (đẩy nhanh tiến độ các dự án nhà ở xã hội, nhà ở thương mại; điều chỉnh cục bộ quy hoạch, tăng nguồn cung nhà ở xã hội tại các vị trí phù hợp; xây dựng một số cơ chế, chính sách ưu tiên cho các dự án nhà ở xã hội...).

+ Về kết nối giao thông: Tiếp tục sử dụng, nâng cấp các tuyến đường kết nối trung tâm thành phố Hải Phòng (cũ) và trung tâm tỉnh Hải Dương (cũ). Nghiên cứu, đầu tư xây dựng tuyến giao thông kết nối giữa tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng, có quy mô tương xứng với vị thế, tầm vóc của Thành phố Hải Phòng sau hợp nhất (với tiêu chí rộng nhất, hiện đại nhất và nhanh nhất).

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP

Tại Điều 13 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về sắp xếp ĐVHC năm 2025 quy định việc thực hiện chế độ, chính sách đặc thù đối với ĐVHC mới sau sắp xếp như sau:

“1. Người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn ĐVHC sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo ĐVHC như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

2. Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của trung ương và địa phương áp dụng đối với ĐVHC như trước thời điểm sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

3. Trường hợp có thay đổi tên gọi của ĐVHC sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của ĐVHC để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù”.

Căn cứ quy định nêu trên, UBND thành phố Hải Phòng xây dựng phương án, lộ trình thực hiện các chính sách đặc thù đối với ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp trên địa bàn thành phố như sau:

1. Đối với các chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng theo Nghị quyết của Quốc hội

Để tiếp tục xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng như mục tiêu Bộ Chính trị đã đặt ra tại Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/1/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tại Kết luận số 96-KL/TW ngày 30/9/2024 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, Bộ Chính trị đồng ý chủ trương “*ban hành Nghị quyết mới về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội mang tính đột phá, nhất là về quản lý đầu tư; tài chính, ngân sách nhà nước; quy hoạch, đô thị; tài nguyên và môi trường; khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; tổ chức bộ máy; thu nhập cán bộ, công chức, viên chức; thành lập Khu thương mại tự do thế hệ mới để tạo động lực phát triển thành phố Hải Phòng.*”

Thực hiện chủ trương nêu trên của Bộ Chính trị và ý kiến chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hiện nay, Bộ Tài chính đang chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Hải Phòng và các cơ quan liên quan tham mưu Chính phủ trình Quốc hội Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng. Sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết mới, các cơ chế, chính sách đặc thù sẽ tiếp tục được triển khai theo quy định của Trung ương.

2. Đối với chính sách đặc thù do HĐND cấp tỉnh của từng địa phương ban hành theo thẩm quyền

Trước mắt, các chế độ, chính sách đặc thù đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng và Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành theo thẩm quyền sẽ được giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 76/NQ-UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nêu trên.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/NQ-QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước: “Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027”.

Vì vậy, sau khi hoàn thành việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (mới) sẽ chỉ đạo các cơ quan liên quan rà soát, đánh giá việc thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù hiện hành để xem xét việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ (nếu cần thiết). Trường hợp phải xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, các cơ quan liên quan có trách nhiệm tham mưu Hội đồng nhân dân thành phố ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự rút gọn, bảo đảm hoàn thành theo đúng tiến độ yêu cầu tại Nghị quyết số 190/2025/NQ-QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.

V. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện và phân công trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc triển khai Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng cụ thể như sau:

1. Đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng

a) Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương) và các kết luận, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

b) Phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành được phân công và địa bàn theo dõi, chủ động phối hợp với các ngành, các cấp, các địa phương có liên quan chỉ đạo triển khai thực hiện, bảo đảm yêu cầu và mục tiêu đã đề ra.

c) Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng; tập trung chỉ đạo kiện toàn tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan trong hệ thống chính trị của thành phố Hải Phòng (mới) và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

d) Chỉ đạo các cơ quan xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện, tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về tình hình triển khai Nghị quyết của Quốc hội đảm bảo đúng quy định.

2. Đề nghị Ban Tổ chức Thành ủy

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết của Quốc hội liên quan đến việc xây dựng phương án bố trí, sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, biên chế công chức, số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập tại các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội thành phố sau hợp nhất

b) Tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy ban hành các Quyết định thành lập, giải thể các tổ chức Đảng trực thuộc Thành ủy; ban hành văn bản hướng dẫn việc sắp xếp, kiện toàn các tổ chức đảng.

c) Thẩm định, tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố quyết định thành lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành ủy (sau hợp nhất); cho ý kiến thành lập các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân thành phố và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố.

d) Tham mưu cho Ban Thường vụ Thành ủy bố trí, sắp xếp cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

3. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy

a) Định hướng công tác tuyên truyền trong quá trình triển khai Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp ĐVHC tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng; kịp thời phản bác các luận điệu sai trái, thù địch, ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết toàn dân và tình hình xã hội.

b) Vận động, thuyết phục nhân dân thành phố hiểu rõ và ủng hộ chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; nắm bắt tình hình tư tưởng của Nhân dân, lắng nghe và tổng hợp ý kiến, nguyện vọng của người dân để phản ánh, tham mưu đề xuất Thành ủy kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình sắp xếp ĐVHC.

c) Tham mưu cho Thành ủy tạo kênh thông tin, cơ chế phản hồi nhanh về những ý kiến của nhân dân; cơ chế thông tin, phản ánh minh bạch, giúp người dân cảm thấy họ được lắng nghe, có tiếng nói trong quá trình sắp xếp ĐVHC, tâm huyết góp ý kiến xây dựng thành phố

4. Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố

a) Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng phương án, lộ trình thực hiện sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các nghị quyết, chính sách của HĐND cấp tỉnh trước khi thực hiện sắp xếp đảm bảo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế sau khi thực hiện hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng.

b) Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng phương án sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thành phố

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và

hành động khi triển khai thực hiện thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp ĐVHC tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng; tổ chức giám sát quá trình triển khai thực hiện.

b) Hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan đơn đốc việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ dôi dư của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

6. Sở Nội vụ

a) Chủ trì cùng với các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết của Quốc hội liên quan đến việc xây dựng Phương án bố trí, sắp xếp tổ chức bộ máy các sở, ngành, cán bộ, công chức, viên chức, biên chế công chức hành chính, số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập tại các cơ quan khối chính quyền.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đơn đốc các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội đảm bảo đúng lộ trình, tiến độ thời gian đảm bảo quy định.

c) Chủ trì hướng dẫn, rà soát, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp, phân loại ĐVHC; hướng dẫn việc rà soát, điều chỉnh các chính sách thuộc lĩnh vực lao động - xã hội và chính sách đối với người có công.

d) Tham mưu hướng dẫn việc quản lý công tác văn thư, lưu trữ.

đ) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tham mưu đề xuất UBND thành phố thực hiện giải quyết chế độ, chính sách đối với các đối tượng nghỉ việc do chịu tác động của việc sắp xếp ĐVHC (theo hướng dẫn của Trung ương).

7. Sở Tài chính

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương tham mưu phương án, giải pháp cụ thể để sử dụng hiệu quả trụ sở, quản lý tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức sau khi sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu xây dựng (điều chỉnh) quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch đầu tư công dài hạn, trung hạn và năm 2025.

c) Chủ trì thẩm định, tổng hợp kinh phí của các các đối tượng nghỉ việc do chịu tác động của việc sắp xếp theo quy định của trung ương, của thành phố.

d) Tổ chức triển khai thực hiện và hướng dẫn thực hiện (trong trường hợp có vướng mắc phát sinh) đối với việc: xác định ưu đãi đầu tư; thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp thay đổi địa giới hành chính; thay đổi thông tin giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, của các nhân, tổ chức.

8. Sở Tư pháp

a) Hướng dẫn các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương thực hiện rà soát, đề xuất xử lý văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực do Hội đồng nhân dân, Ủy

ban nhân dân thành phố ban hành khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; chủ trì tổng hợp kết quả rà soát của các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Tham mưu hướng dẫn xử lý vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực hộ tịch khi thực hiện sắp xếp ĐVHC các cấp.

9. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị liên quan hướng dẫn đối với các nội dung về quy hoạch đô thị, nông thôn và đánh giá chất lượng đô thị, phân loại đô thị của các ĐVHC sau sắp xếp theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

10. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu hướng dẫn việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh các vấn đề liên quan đến xây dựng nông thôn mới và các chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, các dự án, tiểu dự án, hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

b) Tham mưu chỉnh lý hồ sơ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí tập trung thông tin, tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, các cấp, các ngành, của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về việc sắp xếp các ĐVHC.

b) Chỉ đạo các cơ quan báo chí chủ động phối hợp với các địa phương thường xuyên thông tin về kết quả đạt được, những gương làm tốt, những việc chưa làm được, nguyên nhân nhất là nguyên nhân chủ quan, giải pháp khắc phục và những bài học kinh nghiệm quý, cách làm hay trong việc triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC.

c) Chủ trì, hướng dẫn xác định ĐVHC có đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán riêng biệt.

d) Hướng dẫn việc rà soát, quản lý các di tích được công nhận, xếp hạng là di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới hoặc di tích lịch sử quốc gia đặc biệt sau sắp xếp ĐVHC.

12. Sở Y tế

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Y tế, tham mưu, hướng dẫn sắp xếp, tổ chức cơ sở y tế.

13. Sở Giáo dục và Đào tạo

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tham mưu, hướng dẫn bảo đảm duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục đào tạo công lập.

14. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương rà soát các hệ thống dùng chung khi hợp nhất tỉnh Hải Dương với thành phố Hải Phòng như: Trung tâm dữ liệu, Trung tâm giám sát điều hành thông minh, Trung tâm giám sát an ninh không gian mạng, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống quản lý văn bản, Hệ thống Cổng thông tin điện tử, Hệ thống Thư điện tử công vụ, Hệ thống giao ban trực tuyến, Trục tích hợp, kết nối liên thông dữ liệu LGSP, Ứng dụng dành cho người dân... để cấu hình, đồng bộ các hệ thống đảm bảo khi hợp nhất các hệ thống được đưa vào hoạt động ngay phục vụ hoạt động của chính quyền, người dân và doanh nghiệp mà không bị gián đoạn dịch vụ.

15. Công an thành phố

- a) Chủ trì xây dựng phương án sắp xếp tổ chức công an tại ĐVHC sau sắp xếp.
- b) Chỉ đạo giám sát phòng chống thất thoát, lãng phí; thất thoát hồ sơ, tài liệu trong quá trình xây dựng và thực hiện Đề án, nhất là trong quản lý tài chính, tài sản công, đầu tư, đất đai, giải phóng mặt bằng...
- c) Tăng cường công tác nắm tình hình, chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, vô hiệu hóa mọi âm mưu, hoạt động chống phá, tuyên truyền sai lệch về chủ trương sắp xếp ĐVHC; đảm bảo an toàn tuyệt đối địa bàn, không để xảy ra các vấn đề phức tạp trước, trong và sau sắp xếp ĐVHC.
- d) Triển khai thực hiện việc thu hồi, cấp con dấu mới cho các cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật.

16. Bộ Chỉ huy quân sự thành phố

- a) Chủ trì xây dựng, đề xuất phương án sắp xếp tổ chức quân đội, báo cáo Quân khu 3, Bộ Quốc phòng (trên cơ sở chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng).
- b) Lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị quân đội trên địa bàn thành phố chủ động xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân; phối hợp với lực lượng công an và lực lượng khác trên địa bàn giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; không để xảy ra các vấn đề phức tạp trước, trong và sau sắp xếp ĐVHC.

17. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng thành phố

- a) Rà soát, đề nghị công nhận ĐVHC thuộc khu vực biên giới biển hình thành sau sắp xếp ĐVHC (nếu có).
- b) Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự thành phố xây dựng, đề xuất phương án sắp xếp tổ chức quân đội, báo cáo Quân khu 3, Bộ Quốc phòng.

18. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố

- a) Phối hợp với Sở Nội vụ dự thảo các văn bản của Đảng ủy UBND thành phố báo cáo, xin ý kiến Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Thành ủy chỉ đạo liên quan đến việc triển khai Nghị quyết của Quốc hội.
- b) Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ, các sở, ngành có liên quan để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện sắp xếp ĐVHC.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Trên cơ sở chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp các cơ quan Trung ương, thời gian qua thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương đã tích cực chỉ đạo triển khai công tác sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh đảm bảo các yêu cầu và tiến độ đề ra.

Việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh nhằm cụ thể hóa chủ trương tiếp tục đổi mới theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương); Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã nhằm giảm số lượng ĐVHC, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Nghị quyết số 76/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các ĐVHC năm 2025.

Việc sắp xếp, hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh đã đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn tại địa phương góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả của chính quyền các cấp, tinh giản biên chế, giảm gánh nặng cho ngân sách Nhà nước; nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ công chức để phục vụ Nhân dân tốt hơn. Bên cạnh đó, việc sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh tạo điều kiện tập trung được các nguồn lực về đất đai, dân số, mở rộng không gian để quy hoạch, tập trung đầu tư mở rộng sản xuất theo hướng hiện đại, phát huy có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên, khoáng sản để phát triển.

2. Kiến nghị, đề xuất

Sắp xếp, hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh là nhiệm vụ chính trị quan trọng, khối lượng công việc lớn, phức tạp. Do đó, UBND thành phố Hải Phòng và UBND tỉnh Hải Dương kính đề nghị Bộ Nội vụ sớm thẩm định, trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội về sắp xếp, hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng để có cơ sở tổ chức triển khai thực hiện các nội dung công việc tiếp theo đảm bảo tiến độ theo quy định.

*
* *

Trên đây là Đề án hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng. UBND thành phố Hải Phòng trân trọng báo cáo và kính trình Chính phủ xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định./. 

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- VP Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP Hải Phòng, tỉnh Hải Dương;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP Hải Phòng, tỉnh Hải Dương;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP Hải Phòng, tỉnh Hải Dương;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND TP, UBND TP Hải Phòng, tỉnh Hải Dương;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP Hải Phòng, tỉnh Hải Dương;
- QU, HU, TU các quận, huyện, thành phố, thị xã thuộc TP Hải Phòng và tỉnh Hải Dương;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thành phố, thị xã thuộc TP Hải Phòng và tỉnh Hải Dương;
- Trung tâm BC&TT TP, Đài PTTH Hải Dương, Công báo, Công TTĐT;
- Lưu: VT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

PHỤ LỤC SỐ 01

Danh mục các Nghị quyết của HĐND thành phố Hải Phòng triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng

(1) Nghị quyết số 56/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố ngày 10/12/2021 phê duyệt chủ trương phát hành trái phiếu Chính quyền địa phương năm 2022 tại thành phố Hải Phòng;

(2) Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố thông qua mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý;

(3) Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc sử dụng nguồn thường vượt dự toán thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương và đầu tư trở lại theo cơ chế đặc thù năm 2021;

(4) Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022;

(5) Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên để thực hiện Dự án xây dựng Khu đô thị mới tại xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên;

(6) Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên để thực hiện Dự án xây dựng đường Đỗ Mười kéo dài đến đường trục VSIP và phát triển đô thị vùng phụ cận; Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, huyện Thủy Nguyên;

(7) Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên để thực hiện Dự án đầu tư;

(8) Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên để thực hiện Dự án đầu tư;

(9) Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên để thực hiện các Dự án trên địa bàn các quận, huyện: Hải An, Dương Kinh, An Lão, Kiến Thụy;

(10) Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc sử dụng nguồn thường vượt dự toán thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương và đầu tư trở lại theo cơ chế đặc thù năm 2022;

(11) Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 15/4/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phê duyệt chủ trương phát hành trái phiếu Chính quyền địa phương năm 2024 tại thành phố Hải Phòng;

(12) Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 28/5/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên để thực hiện các Dự án trên địa bàn các huyện: Thủy Nguyên, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo./.

PHỤ LỤC SỐ 02

**Danh mục các Nghị quyết của HĐND thành phố Hải Phòng
về cơ chế, chính sách đặc thù của thành phố**

(1) Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 12/07/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về chế độ chi hỗ trợ đối với lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(2) Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về cơ chế, chính sách trong phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi; tuyển chọn sử dụng, đãi ngộ đội ngũ giáo viên giỏi trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia, quốc tế thành phố Hải Phòng.

(3) Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về cơ chế, chính sách hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ gia đình người có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở trên địa bàn thành phố Hải Phòng (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022).

(4) Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về đề án phát triển giao thông vận tải nhằm giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường trên đảo Cát Bà, thành phố Hải Phòng đến năm 2025.

(5) Nghị quyết số 26/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về cơ chế hỗ trợ thủy lợi nội đồng trên địa bàn thành phố.

(6) Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách phát triển sản xuất rau, quả trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

(7) Nghị quyết số 52/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về cơ chế, chính sách hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(8) Nghị quyết số 53/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội và một số chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2020-2025.

(9) Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(10) Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 12/03/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về một số nhiệm vụ, giải pháp phòng chống dịch Covid-19, ổn định tình hình kinh tế-xã hội thành phố.

(11) Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định hỗ trợ thực hiện tháo dỡ các cơ sở nuôi trồng thủy sản trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà, huyện Cát Hải.

(12) Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định các chính sách đặc thù trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(13) Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 12/03/2020 về một số nhiệm vụ, giải pháp phòng chống dịch Covid-19, ổn định tình hình kinh tế-xã hội thành phố.

(14) Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ công dân nhập ngũ, công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân hằng năm trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(15) Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản hàng hóa tập trung trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(16) Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ người thuộc người nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(17) Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(18) Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ thêm mức đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(19) Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND thành phố quy định hỗ trợ thực hiện tháo dỡ các cơ sở nuôi trồng thủy sản trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà, huyện Cát Hải.

(20) Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025.

(21) Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung, mức tặng quà của thành phố hằng năm tới các đối tượng nhân dịp Tết Nguyên đán; ngày Thương binh, liệt sĩ 27/7; ngày quốc khánh 2/9.

(22) Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định chính sách đặc thù về hỗ trợ đào tạo, đãi ngộ nhân lực ngành Y tế thành phố Hải Phòng giai đoạn 2024-2030.

(23) Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thành phố Hải Phòng lập thành tích tại các giải thể thao quốc gia.

(24) Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 53/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 về nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội và một số chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2020-2025.

(25) Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2024-2030.

(26) Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chính sách hỗ trợ cho công tác cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(27) Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 quy định chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(28) Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ đối tượng tinh giản biên chế, đối tượng tự nguyện nghỉ công tác trước tuổi tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hải Phòng.

(29) Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2025 - 2030.

(30) Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành phố Hải Phòng đạt thành tích tại các giải thể thao quốc tế.

(31) Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 21/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của HĐND thành phố xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 của HĐND thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023./.

PHỤ LỤC SỐ 03
Danh mục các Nghị quyết của HĐND tỉnh Hải Dương
về cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh

(1) Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho người cao tuổi và người thu gom rác tại các thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương”.

(2) Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định một số nội dung chi, mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(3) Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, khu dân cư và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(4) Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội thuộc tỉnh;

(5) Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế và hỗ trợ bổ sung mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(6) Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ trợ cấp, trợ giúp xã hội đối với các đối tượng đang được nuôi dưỡng, học tập tại Trung tâm Phục hồi chức năng, giáo dục dạy nghề và tạo việc làm cho người mù thuộc Hội Người mù tỉnh Hải Dương;

(7) Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 Quy định mức chi hỗ trợ xét xử phiên tòa của Hội thẩm nhân dân hai cấp tỉnh, huyện trên địa bàn tỉnh Hải Dương, nhiệm kỳ 2021-2026;

(8) Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(9) Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh thời gian thực hiện Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày

12/12/2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(10) Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cấp vốn điều lệ cho Quỹ Phát triển đất tỉnh Hải Dương;

(11) Quy định một số chế độ, mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hải Dương, nhiệm kỳ 2021-2026;

(12) Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ, mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hải Dương, nhiệm kỳ 2021-2026;

(13) Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ trợ cấp, trợ giúp xã hội đối với các đối tượng được tiếp nhận vào Trung tâm Phục hồi chức năng, giáo dục dạy nghề và tạo việc làm cho người mù thuộc Hội Người mù tỉnh Hải Dương;

(14) Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục; mức hỗ trợ đối với trẻ em, giáo viên mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(15) Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo không có vợ, chồng, con hoặc có nhưng đã chết, mất tích, ly hôn hoặc vợ, chồng, con đều đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(16) Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, định mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 Quy định số lượng, mức chi bồi dưỡng hàng tháng đối với cộng tác viên dân số tại thôn, khu dân cư thuộc các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(17) Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(18) Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng tại thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(19) Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ kinh phí đối với hộ gia đình người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(20) Ban hành quy định một số nội dung và định mức chi cho các đối tượng

thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(21) Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số nội dung và định mức chi cho các đối tượng thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(22) Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung chi, mức chi phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(23) Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ mức thu học phí cho các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm học 2022-2023;

(24) Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật và một số nội dung, mức chi trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(25) Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi thực hiện một số chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ của tỉnh Hải Dương;

(26) Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung chi và mức chi cho người cai nghiện ma túy, người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 Quy định mức quà tặng và định mức phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi tại thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(27) Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho người từ đủ 65 tuổi đến dưới 70 tuổi trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(28) Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(29) Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(30) Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(31) Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí xây dựng phòng học thiếu tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025;

(32) Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ kinh phí về nhà ở đối với hộ gia đình người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(33) Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ tặng quà tết Nguyên đán hằng năm cho các đối tượng giữ chức danh, chức vụ khi nghỉ hưu, đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(34) Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách trợ cấp một lần và hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi đảng trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(35) Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho người cao tuổi từ đủ 77 tuổi đến dưới 80 tuổi;

(36) Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quà tặng con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học; gia đình quân nhân đang công tác tại địa bàn đặc biệt khó khăn; đơn vị quân đội và một số đối tượng thuộc lĩnh vực giảm nghèo, bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(37) Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng chợ hạng 3 nông thôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(38) Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Trãi, tỉnh Hải Dương và chuyên gia tham gia giảng dạy đội tuyển học sinh giỏi quốc gia, khu vực và quốc tế;

(39) Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(40) Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thí điểm chính sách hỗ trợ giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương

(41) Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc do dôi dư khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(42) Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 01/3/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, định mức chi các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số sử dụng ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2025;

(43) Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 01/3/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(44) Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(45) Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc tiếp nhận một số đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh;

(46) Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi khoản 1 Điều 1 của Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQHĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương;

(47) Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi thực hiện công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(48) Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 12/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh;

(49) Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, khu dân cư thuộc các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(50) Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân

dân tình quy định chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(51) Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thí điểm chính sách hỗ trợ giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(52) Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc do dôi dư khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(53) Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư đáp ứng điều kiện loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa hoặc dự án phi lợi nhuận trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(54) Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ, đầu tư đối với một số chính sách trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(55) Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(56) Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(57) Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ người lao động đã qua đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(58) Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2030.

(59) Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(60) Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút và đãi ngộ đối với nguồn nhân lực y tế tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hải

Dương, giai đoạn 2025 – 2030.

(61) Nghị quyết số 40/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2025 – 2030;

(62) Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ kinh phí để đào tạo cho 15 lưu học sinh tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào sang học dự bị Tiếng Việt tại tỉnh Hải Dương./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

PHỤ LỤC SỐ 04
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC ĐẢNG NHIỆM KỲ 2020 - 2025

TT	Tên cơ quan/ đơn vị/ tổ chức	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Phương án sắp xếp
1	Ban Chấp hành Đảng bộ	48	46	- Số lượng cấp ủy viên, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy viên Ủy ban kiểm tra Thành ủy Hải Phòng (mới) tối đa không vượt quá tổng số hiện có của Thành ủy Hải Phòng (cũ) và Tỉnh ủy Hải Dương (cũ) trước khi sáp nhập trừ đi số lượng các đồng chí nghỉ hưu, nghỉ công tác, chuyển công tác khác. - Số lượng Phó Bí thư Thành ủy, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Hải Phòng (mới) tối đa không vượt quá tổng số cấp trưởng, cấp phó hiện có của Thành ủy Hải Phòng (cũ) và Tỉnh ủy Hải Dương (cũ) trước khi sắp xếp trừ đi số lượng các đồng chí nghỉ hưu, nghỉ công tác, chuyển công tác khác. Cụ thể: - Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng: 94 người (thành phố Hải Phòng cũ 48 người và tỉnh Hải Dương cũ 46 người). - Ban Thường vụ Thành ủy: 29 người (thành phố Hải Phòng cũ 13 người và tỉnh Hải Dương cũ 16 người). - Thường trực Thành ủy: Theo quyết định của Trung ương - Ủy viên Ủy ban kiểm tra Thành ủy: 19 người; - Số lượng Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy: dự kiến 05 người.
2	Ban Thường vụ Thành ủy/Tỉnh ủy	13	16	
3	Thường trực Thành ủy/Tỉnh ủy	03	03	
4	Ủy ban Kiểm tra Thành ủy/Tỉnh ủy			
-	Số lượng Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy/Tỉnh ủy	11	08	
-	Số lượng Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy/Tỉnh ủy	03	02	
5	Đảng bộ trực thuộc Thành ủy/Tỉnh ủy			

TT	Tên cơ quan/ đơn vị/ tổ chức	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Phương án sắp xếp
-	Đảng bộ cấp huyện	15	12	Kết thúc hoạt động của các đảng bộ cấp huyện theo chỉ đạo của Trung ương khi không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện theo Nghị quyết của Quốc hội
-	Đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng	05	04	05 đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng: + Đảng bộ Các cơ quan đảng thành phố (hợp nhất Đảng bộ Các cơ quan đảng thành phố Hải Phòng và Đảng bộ Các cơ quan đảng tỉnh Hải Dương). + Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố (hợp nhất Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương). + Đảng bộ Quân sự thành phố (hợp nhất Đảng bộ Quân sự thành phố Hải Phòng và Đảng bộ Quân sự tỉnh Hải Dương). + Đảng bộ Công an thành phố (hợp nhất Đảng bộ Công an thành phố Hải Phòng và Đảng bộ Công an tỉnh Hải Dương). + Đảng bộ Bộ đội Biên phòng Hải Phòng (giữ nguyên Đảng bộ Bộ đội Biên phòng Hải Phòng hiện nay). Ngoài ra, tổ chức 114 tổ chức đảng xã, phường, đặc khu trực thuộc Thành ủy.
6	Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy/Tỉnh ủy	05	05	Hợp nhất các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy Hải Phòng và Tỉnh ủy Hải Dương; theo đó, các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy Hải Phòng (mới) bao gồm: Ban Tổ chức Thành ủy; Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy; Ủy ban Kiểm tra Thành ủy; Ban Nội chính Thành ủy; Văn phòng Thành ủy.
-	Lãnh đạo Ban và tương đương	22	21	Tiếp tục rà soát cụ thể để thực hiện việc bố trí, sắp xếp theo hướng hợp nhất các phòng, ban trực thuộc các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy Hải Phòng và Tỉnh ủy Hải Dương có chức năng, nhiệm vụ tương đồng.
+	Số lượng Trưởng ban và tương đương	05	05	
+	Số lượng Phó Trưởng ban và tương đương	17	16	

TT	Tên cơ quan/ đơn vị/ tổ chức	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Đương	Phương án sắp xếp
-	Phòng, ban trực thuộc	22	23	
+	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	19	20	
+	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	43	39	
+	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	76	45	
7	Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Thành ủy/Tỉnh ủy	02	02	Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập hiện có theo hướng dẫn của Trung ương đảm bảo tinh gọn đầu mối. Đồng thời, tiếp tục rà soát cụ thể để thực hiện việc bố trí, sắp xếp theo hướng hợp nhất các phòng, ban trực thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng, nhiệm vụ tương đồng.
-	Lãnh đạo đơn vị sự nghiệp			Tiếp tục rà soát cụ thể để thực hiện việc bố trí, sắp xếp theo hướng hợp nhất các phòng, ban trực thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng, nhiệm vụ tương đồng.
+	Số lượng cấp trưởng đơn vị sự nghiệp và tương đương	02	02	
+	Số lượng cấp phó đơn vị sự nghiệp và tương đương	08	09	
-	Các Phòng, ban, đơn vị trực thuộc	16	15	
+	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	16	14	
+	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	48	29	
+	Số lượng viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	174	115	

PHỤ LỤC SỐ 05
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐOÀN ĐBQH VÀ TỔ CHỨC HĐND CẤP TỈNH

TT	Tên cơ quan/ đơn vị/ tổ chức	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Phương án sắp xếp
1	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố			
-	Số lượng đại biểu Quốc hội khóa XV	10	08	Số lượng đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng (mới) tối đa không vượt quá tổng số hiện có của đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng (cũ) và đại biểu Quốc hội thành phố tỉnh Hải Dương (cũ) trước khi sắp xếp trừ đi số lượng các đồng chí nghỉ hưu, nghỉ công tác, chuyển công tác khác. Cụ thể: Đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng: 18 người (thành phố Hải Phòng cũ 10 người và tỉnh Hải Dương cũ 08 người).
-	Lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội	02	02	Số lượng Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng (mới) tối đa không vượt quá tổng số cấp phó hiện có của Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng (cũ) và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hải Dương (cũ) trước khi sắp xếp trừ đi số lượng các đồng chí chuyển công tác khác hoặc thôi tham gia đại biểu Quốc hội. Cụ thể: Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng: 03 người (01 Trưởng đoàn và 02 Phó Trưởng đoàn chuyên trách của thành phố Hải Phòng cũ và tỉnh Hải Dương cũ; 01 Trưởng đoàn cũ thôi kiêm nhiệm).
2	HĐND tỉnh, thành phố			
-	Số lượng đại biểu HĐND	62	57	Đại biểu Hội đồng nhân dân của thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương được hợp thành Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới là Thành phố Hải Phòng và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ 2021 - 2026.

TT	Tên cơ quan/ đơn vị/ tổ chức	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Phương án sắp xếp
				Cụ thể: Số lượng đại biểu HĐND thành phố: 119 đại biểu (thành phố Hải Phòng cũ 62 người và tỉnh Hải Dương cũ 57 người).
-	Thường trực HĐND	06 ¹	06 ²	Thường trực HĐND thành phố: 08 người (trong đó có 04 Trưởng ban HĐND).
3	Các ban HĐND	04	03	
-	Trưởng ban	04 (chuyên trách)	03 (chuyên trách)	Các ban HĐND thành phố: 04 ban, gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội và Ban Đô thị, trong đó: + Ban Pháp chế: 16 thành viên, gồm Trưởng ban, 03 Phó ban và 12 Ủy viên. + Ban Kinh tế - Ngân sách: 15 thành viên, gồm Trưởng ban, 03 Phó ban và 11 Ủy viên. + Ban Văn hóa - Xã hội: 17 thành viên, gồm Trưởng ban, 03 Phó ban và 13 Ủy viên. + Ban Đô thị: 08 thành viên, gồm Trưởng ban, 01 Phó ban và 06 Ủy viên.
-	Phó trưởng ban	04 (chuyên trách)	03 (chuyên trách)	
-	Ủy viên	24	18	
+	Ban Kinh tế - Ngân sách	05	06	
+	Ban Văn hóa - Xã hội	07	06	
+	Ban Pháp chế	06	06	
+	Ban Đô thị	06		

¹ Thành phố Hải Phòng: Thường trực HĐND gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch HĐND và 04 Ủy viên là Trưởng các Ban của HĐND

² Tỉnh Hải Dương: Thường trực HĐND gồm Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch HĐND và 03 Ủy viên là Trưởng các Ban của HĐND

TT	Tên cơ quan/ đơn vị/ tổ chức	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Phương án sắp xếp
4	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND			
-	Lãnh đạo Văn phòng	04	04	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND thành phố: Hợp nhất 02 Văn phòng của 02 địa phương: + Lãnh đạo Văn phòng: 08 lãnh đạo (Chánh Văn phòng và 07 Phó Chánh Văn phòng); + Phòng chuyên môn trực thuộc Văn phòng: 04 Phòng (sắp xếp giảm các phòng chuyên môn có chức năng, nhiệm vụ tương đồng).
-	Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH	03	04	
+	Số lượng cấp trưởng Phòng	03	04	
+	Số lượng cấp phó Phòng	05	04	
+	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo	18	08	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**PHỤ LỤC SỐ 06
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP UBND VÀ TỔ CHỨC TRỰC THUỘC UBND CẤP TỈNH**

TT	Tên cơ quan/ đơn vị/ tổ chức	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Phương án sắp xếp
1	Thành viên UBND thành phố/tỉnh	19	18	22 (Chủ tịch, 06 Phó Chủ tịch, người đứng đầu 13 sở và tương đương, Giám đốc Công an và Chỉ huy trưởng quân sự)
2	Lãnh đạo UBND thành phố/tỉnh	04	04	Thực hiện theo chỉ đạo của Trung ương
-	Chủ tịch UBND	01	01	
-	Phó Chủ tịch UBND	03	03	
3	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố/tỉnh (các sở, ngành và tương đương)	14 ¹	13 ²	Hợp nhất 24 sở của 02 địa phương theo quy định tại Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ³ thành 12 sở; hợp nhất 02 tổ chức tương đương sở của 02 địa phương (Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và Ban Quản lý các

¹ 14 sở, ngành và tương đương, gồm: (1) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (2) Sở Tài chính; (3) Sở Khoa học và Công nghệ; (4) Sở Nội vụ; (5) Sở Tư pháp; (6) Sở Ngoại vụ; (7) Sở Xây dựng; (8) Sở Công Thương; (9) Sở Giáo dục và Đào tạo; (10) Sở Nông nghiệp và Môi trường; (11) Sở Y tế; (12) Thanh tra; (13) Văn phòng UBND thành phố và (14) Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng.

² 13 sở, ngành và tương đương, gồm: (1) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (2) Sở Tài chính; (3) Sở Khoa học và Công nghệ; (4) Sở Nội vụ; (5) Sở Tư pháp; (6) Sở Xây dựng; (7) Sở Công Thương; (8) Sở Giáo dục và Đào tạo; (9) Sở Nông nghiệp và Môi trường; (10) Sở Y tế; (11) Thanh tra; (12) Văn phòng UBND tỉnh và (13) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

³ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương

TT	Tên cơ quan/ đơn vị/ tổ chức	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Đương	Phương án sắp xếp
				khu công nghiệp Hải Dương) thành 01 tổ chức và giữ nguyên 01 sở đặc thù (Sở Ngoại vụ Hải Phòng). Sau hợp nhất, thành phố Hải Phòng (mới) có 14 sở và tương đương.
-	Lãnh đạo Sở, ngành (và tương đương)			
+	Số lượng Giám đốc Sở và tương đương	14	13	14
+	Số lượng Phó Giám đốc và tương đương	54	50	- Số được bố trí theo quy định: 42 - Số đôi dư: 75 (13 cấp trưởng và 62 cấp phó)
-	Các phòng, ban trực thuộc	111	100	Sắp xếp giảm các phòng chuyên môn, tổ chức hành chính tại 02 địa phương có chức năng, nhiệm vụ tương đồng. Dự kiến còn 108/211 tổ chức (đồng thời, rà soát, sắp xếp đầu mối bên trong tổ chức cho phù hợp).
+	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương) trực thuộc Sở	107	93	
+	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	211	152	
+	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	923	503	
-	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ngành	120	100	Sắp xếp giảm các đơn vị sự nghiệp công lập tại 02 địa phương có chức năng, nhiệm vụ tương đồng. Dự kiến còn 169/220 tổ chức (đồng thời, rà soát, sắp xếp đầu mối bên trong đơn vị cho phù hợp).
+	Lãnh đạo đơn vị sự nghiệp			
	Số lượng Giám đốc đơn vị sự nghiệp và tương đương	118	93	
	Số lượng Phó Giám đốc đơn vị sự nghiệp và tương đương	215	216	

TT	Tên cơ quan/ đơn vị/ tổ chức	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Phương án sắp xếp
+	Các phòng, ban trực thuộc đơn vị sự nghiệp	905	781	
	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	761	619	
	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	809	947	
	Số lượng viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	10.630	9.518	
4	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố	09 ⁴	04 ⁵	Hiện nay, UBND thành phố Hải Phòng đang thực hiện thủ tục giải thể Nhà xuất bản Hải Phòng (dự kiến hoàn thành trước khi hợp nhất 02 tỉnh, thành phố). Trước mắt, khi hợp nhất, sắp xếp giảm các đơn vị sự nghiệp công lập tại 02 địa phương có chức năng, nhiệm vụ tương đồng: Hợp nhất Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng (cũ) và Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hải Dương (cũ) thành Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng (mới). Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố Hải Phòng (mới) dự kiến còn 11/13 đơn vị. Sau khi Đề án được thông qua, tiếp tục nghiên cứu sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của Trung ương đảm bảo tinh gọn đầu mối; đồng thời, rà soát, sắp xếp đầu mối bên trong đơn vị cho phù hợp.
-	Lãnh đạo đơn vị sự nghiệp			
+	Số lượng Giám đốc đơn vị sự nghiệp và tương đương	09	04	
+	Số lượng Phó Giám đốc đơn vị sự nghiệp và tương đương	19	10	

⁴ 09 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố Hải Phòng: (1) BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp HP (tự chủ nhóm 1); (2) BQL dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và hạ tầng HP (tự chủ nhóm 1); (3) Nhà xuất bản Hải Phòng (tự chủ); (4) Trường Đại học Hải Phòng (tự chủ); (5) Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; (6) Vườn Quốc gia Cát Bà; (7) Trường Cao đẳng Y tế (tự chủ nhóm 2); (8) Trường Cao đẳng Kỹ thuật; (9) Trường Cao đẳng Kinh tế.

⁵ 04 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh Hải Dương: (1) BQL dự án đầu tư xây dựng tỉnh (tự chủ nhóm 1), (2) Trường Đại học Hải Dương (tự chủ nhóm 3), (3) Trường Cao đẳng nghề Hải Dương (tự chủ nhóm 3), (4) Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh (tự chủ nhóm 2).

PHỤ LỤC SỐ 07
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CẤP TỈNH

TT	Tên cơ quan/ đơn vị/tổ chức	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Phương án sắp xếp
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh			Tại Kế hoạch số 47-KH/BCĐ ngày 14/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể Trung ương có trách nhiệm ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương sắp xếp các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã đồng bộ với việc sáp nhập đơn vị hành chính (dự kiến hoàn thành trước ngày 15/6/2025). Vì vậy, trước mắt, khi hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng, thực hiện hợp nhất nguyên trạng tổ chức Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của 2 tỉnh, thành phố. Việc sắp xếp các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ về trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện sau khi có hướng dẫn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
-	Lãnh đạo cơ quan			
+	Số lượng Ủy viên Ủy ban MTTQ	95	86	
+	Số lượng Chủ tịch Ủy ban MTTQ	01	01	
+	Số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ	02	03	
-	Phòng, ban trực thuộc	03	04	
+	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	03	04	
+	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	06	03	
+	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	08	09	
2	Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh			
-	Lãnh đạo cơ quan			
+	Số lượng Ban Chấp hành	38	31	
+	Số lượng Ban Thường vụ	12	12	
+	Số lượng Chủ tịch Hội	01	01	
+	Số lượng Phó Chủ tịch Hội	02	03	
+	Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ	09	08	
-	Phòng, ban trực thuộc	04	03	
+	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	04	02	
+	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	07	01	
+	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	12	09	
-	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	01 ¹		

¹ Đơn vị đang thực hiện thủ tục giải thể

TT	Tên cơ quan/ đơn vị/tổ chức	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Phương án sắp xếp
3	Hội Cựu Chiến binh cấp tỉnh			
-	Lãnh đạo cơ quan			
+	Số lượng Ban Chấp hành	27	22	
+	Số lượng Ban Thường vụ	07	08	
+	Số lượng Chủ tịch Hội	01	01	
+	Số lượng Phó Chủ tịch Hội	02	01	
+	Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ	04	06	
-	Phòng, ban trực thuộc	03	02	
+	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	03	02	
+	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	02	02	
+	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	05	03	
4	Hội Nông dân cấp tỉnh			
-	Lãnh đạo cơ quan			
+	Số lượng Ban Chấp hành	29	28	
+	Số lượng Ban Thường vụ	09	09	
+	Số lượng Chủ tịch Hội	01	01	
+	Số lượng Phó Chủ tịch Hội	02	03	
+	Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành	06	05	
-	Số lượng Phòng, ban trực thuộc	03	03	
+	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	03	02	
+	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	03	03	
+	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	09	09	
-	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	01 ²		
5	Liên đoàn Lao động cấp tỉnh			
-	Lãnh đạo cơ quan			
+	Số lượng Ban Chấp hành	45	34	
+	Số lượng Ban Thường vụ	15	13	

² Đơn vị đang thực hiện thủ tục giải thể

TT	Tên cơ quan/ đơn vị/tổ chức	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Phương án sắp xếp
+	Số lượng Chủ tịch Liên đoàn	01	01	
+	Số lượng Phó Chủ tịch Liên đoàn	03	03	
+	Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ	11	09	
-	Phòng, ban trực thuộc	05	05	
+	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	05	04	
+	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	16	07	
+	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	11	12	
-	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	02	01	
6	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cấp tỉnh			
-	Lãnh đạo cơ quan			
+	Số lượng Ban Chấp hành	34	27	
+	Số lượng Bí thư Thành đoàn/tỉnh đoàn	01	01	
+	Số lượng Phó Bí thư	02	02	
-	Phòng, ban trực thuộc	05	05	
+	Số lượng cấp trưởng phòng (tương đương)	04	03	
+	Số lượng cấp phó phòng (tương đương)	05	04	
+	Số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	14	08	
-	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	03	01	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**PHỤ LỤC SỐ 08
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TRỰC THUỘC CẤP TỈNH**

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Phương án sắp xếp
1	Số lượng ĐVHC cấp huyện	15	12	- Đối với cấp huyện: Khi kết thúc hoạt động của cấp huyện, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong hệ thống chính trị cấp huyện sẽ chuyển về cấp thành phố hoặc cấp cơ sở thực hiện theo quy định. - Đối với cấp xã: Thực hiện theo Đề án sắp xếp các ĐVHC cấp xã. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025); Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và Hướng dẫn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo về định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện sắp xếp ĐVHC, thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương đã thống nhất giảm khoảng 70% ĐVHC cấp xã. Sau sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã, thành phố Hải Phòng dự kiến có 114 ĐVHC cấp xã (50 xã thuộc thành phố Hải Phòng, 64 thuộc tỉnh Hải Dương).
-	Quận	08	0	
-	Huyện	06	09	
-	Thành phố trực thuộc tỉnh	01	02	
-	Thị xã	0	01	
2	Số lượng ĐVHC cấp xã	167	207	
-	Xã	81	151	
-	Phường	79	46	
-	Thị trấn	07	10	
3	Số lượng thôn, tổ dân phố	1.752	1.341	
-	Thôn	1.046	902	
-	Tổ dân phố	706	439	

PHỤ LỤC SỐ 09

BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Phương án sắp xếp	Ghi chú
1	Ở cấp tỉnh				
a)	Khối đảng, tổ chức chính trị - xã hội				Tổng số cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Hải Phòng (mới) không vượt quá tổng số cán bộ, công chức, viên chức (số có mặt) của cấp tỉnh tại thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương trước sắp xếp là 28.543 người. Đồng thời, thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ theo lộ trình, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản số lượng biên chế thực hiện theo đúng quy định.
-	Công chức				
+	Số giao	390	362	752	
+	Số có mặt	352	323	675	
-	Viên chức				
+	Số giao (NLV hưởng lương NSNN)	52	69	121	
+	Số có mặt	248	209	457	
b)	Khối chính quyền (bao gồm HĐND và UBND)				
-	Công chức				
+	Số giao	1.439	900	2.339	
+	Số có mặt	1.413	839	2.252	
-	Viên chức				
+	Số giao (NLV hưởng lương NSNN)	8.534	6.077	14.611	
+	Số có mặt (bao gồm NLV hưởng lương NSNN và NLV hưởng lương NTSN)	13.359	11.800	25.159	
2	Ở cấp huyện				
a)	Khối đảng, tổ chức chính trị - xã hội				Thực hiện theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã.
-	Công chức				
+	Số giao	643	573	1.216	
+	Số có mặt	569	556	1.125	
-	Viên chức			0	
+	Số giao	37	60	97	
+	Số có mặt	35	47	82	
b)	Khối chính quyền (bao gồm HĐND và UBND)				
-	Công chức				
+	Số giao	1.294	892	2.186	
+	Số có mặt	1.202	826	2.028	
-	Viên chức				
+	Số giao (NLV hưởng lương NSNN)	23.688	26.337	50.025	
+	Số có mặt (bao gồm NLV hưởng lương NSNN và NLV hưởng lương NTSN)	22.836	24.924	47.760	
3	Ở cấp xã				

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Đương	Phương án sắp xếp	Ghi chú
a	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã				Thực hiện theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã.
-	Số giao (bao gồm cả số ghi nhận)	4.147	4.592	8.739	
-	Số có mặt	3.779	4.203	7.982	
b	Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã				
-	Số giao (bao gồm cả số ghi nhận)	2.272	2.742	5.014	
-	Số có mặt	1.769	1.773	3.542	
c	Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (chỉ tính 03 chức danh: Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn/tổ trưởng Tổ dân phố và Trưởng ban Công tác Mặt trận)				
-	Số giao (bao gồm cả số ghi nhận)	4.716	3.922	8.638	
-	Số có mặt	4.298	2.672	6.970	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

PHỤ LỤC SỐ 10
TRỤ SỞ TỔ CHỨC, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Phương án sắp xếp trụ sở
	TỔNG	482	450	Việc sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công thực hiện theo quy định của Trung ương, theo đó: - Tạm dừng phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc, các dự án đầu tư công tại cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện sắp xếp. - Căn cứ quy định hiện hành, phương án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh và các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Tài chính chủ trì tham mưu UBND thành phố xây dựng và triển khai phương án xử lý cơ sở vật chất, trụ sở làm việc, tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố thực hiện sắp xếp để kịp thời điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế và theo quy định của pháp luật; bảo đảm bố trí, sắp xếp, sử dụng, khai thác hiệu quả tài sản công hiện có. - Việc xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024); Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ; Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà và đất.
I	Khối cơ quan đảng	12	01	
1	Thành ủy/ Tỉnh ủy	12	01	
II	Khối cơ quan nhà nước (bao gồm các Chi cục; không bao gồm đơn vị sự nghiệp)	62	26	
1	Văn phòng UBND cấp tỉnh	03	02	
2	Sở Tài chính	02	02	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	03	01	
4	Sở Công thương	01	01	
5	Sở Y tế	02	02	
6	Sở Xây dựng	05	01	
7	Sở Tư pháp	01	01	
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	32	07	
9	Sở Nội vụ	04	02	
10	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	03	02	
11	Sở Ngoại vụ	01	0	
12	Sở Khoa học và Công nghệ	03	02	
13	Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng/ Ban Quản lý các khu công nghiệp Hải Dương	01	01	
14	Thanh tra cấp tỉnh	01	02	
III	Khối tổ chức chính trị - xã hội	05	04	
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh	01	01	

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Phương án sắp xếp trụ sở
2	Hội Cựu Chiến Binh cấp tỉnh	01	-	Trong vòng 03 năm, kể từ ngày Nghị quyết của Quốc hội về việc sáp nhập tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng có hiệu lực thi hành, UBND thành phố Hải Phòng hoàn thành việc việc sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công của các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm khai thác, sử dụng có hiệu quả và không lãng phí.
3	Hội Nông dân cấp tỉnh	01	01	
4	Hội Liên hiệp phụ nữ cấp tỉnh	-	01	
5	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cấp tỉnh	02	01	
IV	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp tỉnh	17	09	
1	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và hạ tầng	02		
2	Trường Cao đẳng kinh tế Hải Phòng	03		
3	Trường Đại học Hải Phòng	04		
4	Trung tâm Phát triển quỹ đất Hải Phòng	01		
5	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng	02		
6	Nhà xuất bản Hải Phòng (thuộc diện giải thể)	01		
7	Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng	01		
8	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng	02		
9	Vườn Quốc gia Cát Bà	01		
10	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương		01	
11	Trường Đại học Hải Dương		06	
12	Trung tâm Phát triển quỹ đất Hải Dương		01	
13	Trường Cao đẳng nghề Hải Dương		01	
V	Đơn vị sự nghiệp thuộc khối Đảng	06	03	
1	Trường Chính trị Tô Hiệu Hải Phòng	01		
2	Trung tâm Báo chí và Truyền thông Hải Phòng	05		
3	Trường Chính trị tỉnh Hải Dương		01	
4	Báo và Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Dương		02	

TT	Nội dung	Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Phương án sắp xếp trụ sở
V	Đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan Nhà nước (không bao gồm trường học, TTGDNN, GDTX và trung tâm y tế, TYT, Bệnh viện)	42	30	
1	Đơn vị thuộc Văn phòng UBND thành phố	05		
1	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng/các khu công nghiệp tỉnh HD	01	01	
2	Sở Công thương	-	02	
3	Sở Xây dựng	03	02	
4	Sở Khoa học & Công nghệ	03	03	
5	Sở Nội vụ	03	02	
6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	01	02	
7	Sở Tư pháp	02	03	
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	20	12	
9	Sở Tài chính	-	01	
10	Đoàn Thanh niên cộng sản HCM Hải Phòng/tỉnh Hải Dương	04	02	
VI	Đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục (bao gồm trường học, TTGDNN, GDTX và trung tâm y tế, TYT, Bệnh viện)	326	351	
VI	Đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực kiểm lâm, chăn nuôi	11	15	
VI	Khối các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức khác	01	11	

THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH TRƯỚC SẮP XẾP VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Quy mô kinh tế			Số ĐVHC cấp xã trước sắp xếp	Số ĐVHC cấp cơ sở trực thuộc			Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	GRDP (triệu VNĐ)	Tổng thu NSNN (triệu VNĐ)	Thu nhập BQ đầu người (triệu VNĐ/năm)		Xã	Phường	Đặc khu	
I	Hiện trạng												
1	Thành phố Hải Phòng	1.526,4	101,76	2.468.029	246.80	445.994.876	117.783.831	84,4	167				
2	Tỉnh Hải Dương	1.668,3	33,32	2.196.095	156.86	212.386.316	30.599.282	72,4	207				
II	Kết quả												
	Thành phố Hải Phòng	3,194.70	212,98	4.664.124	466.41	658.381.192	148.383.113	78,4	114*	45	67	02	

Ghi chú:

- Số liệu được tính đến ngày 31/12/2024
- 114 đơn vị cơ sở của thành phố Hải Phòng (mới): khu vực thành phố Hải Phòng cũ có 50 đơn vị cơ sở (24 phường, 24 xã và 02 đặc khu), khu vực tỉnh Hải Dương cũ có 64 đơn vị cơ sở (21 phường và 43 xã).

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐVHC CẤP TỈNH¹ SAU SẮP XẾP

STT	Đối tượng	Thành phố Hải Phòng		Tỉnh Hải Dương		Số lượng thực hiện sắp xếp, tính gián theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67... và các chính sách của địa phương)
		Số lượng theo định mức được giao	Số lượng hiện có (Số có mặt)	Số lượng theo định mức được giao	Số lượng hiện có (Số có mặt)	
	THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (sau hợp nhất)					218²
1	Cán bộ					33
	Khối đảng, tổ chức chính trị - xã hội	23	23	23	22	22
	Khối chính quyền (bao gồm HĐND và UBND)	16	15	12	12	11
2	Công chức					106
-	Khối đảng, đoàn thể	367	329	339	301	27
-	Khối chính quyền (bao gồm HĐND và UBND)	1.482	1.398	888	827	79
3	Viên chức					79
-	Khối đảng, đoàn thể	52	248	69	209	
-	Khối chính quyền (bao gồm HĐND và UBND)	8.534	13.359	6.077	11.800	79

¹ Số liệu cán bộ công chức không bao gồm cán bộ, công chức cấp xã, cấp huyện.

² Số lượng dự kiến phải thực hiện sắp xếp đối với đối tượng cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trên cơ sở các quy định hiện hành. Sau khi có quy định về định mức biên chế, số người làm việc và các quy định, hướng dẫn của Trung ương, sẽ tiếp tục rà soát, tổng hợp số liệu chính xác.

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRỤ SỞ CÔNG
DỰ KIẾN KHÔNG TIẾP TỤC SỬ DỤNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

Số TT	Tên tỉnh	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Số lượng tiếp tục sử dụng	Số lượng không tiếp tục sử dụng	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
1	Thành phố Hải Phòng	482	482 ¹							
2	Tỉnh Hải Dương	450	374	76		7	23	23	23	
	TỔNG									

¹ Dự kiến sau khi sắp xếp ĐVHC, thành phố Hải Phòng tiếp tục sử dụng các trụ sở công để phục vụ công tác, bố trí nơi làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hải Dương (cũ) sang làm việc.